BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Hoàng Phương

ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ NGHỀ DẠY HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM KIÊN GIANG

Chuyên ngành: Tâm lý học
Mã số: 60 31 80

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. Nguyễn Thị Tứ

Thành phố Hồ Chí Minh – 2010

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CĐSP:	Cao đẳng sư phạm
CĐTH:	Cao đẳng tiểu học
CSVC-KT:	Cơ sở vật chất kĩ thuật
DH:	Dạy học
GD:	Giáo dục
GV:	Giáo viên
GVTH:	Giáo viên tiểu học
HĐDH:	Hoạt động dạy học
HĐGD:	Hoạt động giáo dục
HS:	Học sinh
NC:	Nhân cách
PPDH:	Phương pháp dạy học
PPGD:	Phương pháp giáo dục
QTDH:	Quá trình dạy học
QTGD:	Quá trình giáo dục
SD:	Standarizied Deviation (Độ lệch chuẩn)
SS :	So sánh
TB:	Trung bình
SV:	Sinh viên
SVSP:	Sinh viên sư phạm
XH:	Xã hội

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

1.1 Giá trị và định hướng giá trị luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu và có ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc. Bởi lẽ định hướng giá trị đóng vai trò làm cơ sở cho tư tưởng, chính trị, đạo đức, thẩm mĩ của mỗi cá nhân, giúp cá nhân hướng tới, lựa chọn các giá trị thể hiện trong hoạt động của mình. Định hướng giá trị sẽ qui định xu hướng phát triển NC và chỉ đạo toàn bộ hoạt động của con người. Trong XH văn minh, bất cứ ngành nghề nào cũng đều mang một hệ thống thang giá trị đặc thù của ngành nghề đó. Hơn nữa, mỗi cá nhân để sáng tạo ra các giá trị hữu ích cho XH cần tinh thông nghề nghiệp và trình độ chuyên môn sâu rộng.

1.2 Trong tất cả các nguồn lực của XH thì nguồn lực người đóng vai trò quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia. Việc đầu tư vào con người để phát triển kinh tế XH đang là vấn đề sống còn của tất cả các nước trên thế giới. Ngành GD nói chung, nghề DH nói riêng có ảnh hưởng lớn đến chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho XH. Nhà trường SP cần phải nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Chính vì thế trong các mục tiêu phát triển GD trong giai đoạn 2006-2010 Bộ Giáo dục và Đào tạo nhấn mạnh: "… Xây dựng đội ngũ nhà giáo có chất lượng cao, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ trong sáng về đạo đức, tận tụy với nghề nghiệp, làm trụ cột thực hiện các mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài." [8,tr.55,62]. Thiết nghĩ, điều quan trọng để xây dựng được đội ngũ nhà giáo có chất lượng đáp ứng được yêu cầu của XH thì SVSP ngay từ khi bước chân vào môi trường SP cần có định hướng giá trị nghề một cách đúng đắn.

1.3 Nhân loại đang sống trong những năm đầu của thế kỉ XXI – thế kỉ của sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ cao, của thông tin… làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt đời sống XH. Tuân theo qui luật tất yếu của sự phát triển, cũng như trong xu thế toàn cầu hóa như hiện nay, Việt nam cũng đang có nhiều biến đổi toàn diện và sâu sắc trên nhiều lĩnh vực. Cùng với sự phát triển ấy hệ thống thang giá trị XH ít nhiều thay đổi kéo theo định hướng giá trị của các ngành nghề trong XH cũng có những thay đổi đáng kể. Đặc biệt là nghề DH, ngoài những giá trị đặc thù của nghề thì SVSP cũng đang hình thành thang giá trị mới. Vì thế, việc lựa chọn hệ thống giá trị phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, với yêu cầu của nghề nghiệp là vấn đề cần phải quan tâm nghiên cứu. SVSP cần định hướng giá trị nghề đúng đắn để sau này ra trường phát triển nghề nghiệp thuận lợi hơn. Như dân gian có câu: " Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh".

1.4 Nghiên cứu về định hướng giá trị và định hướng giá trị nghề DH của SV đã có nhiều tác giả trong nước cũng như thế giới đề cập đến như: Ph.N.Gônôbôlin, Nguyễn Quang Uẩn, Thái Duy Tuyên, Trịnh Thị Thuận, Phan Hà Lan… Các công trình đã đề cập đến nhiều bình diện của giá trị và định hướng giá trị thuộc các phạm vi nghiên cứu khác nhau: "*Định hướng giá trị của thanh niên*

Việt Nam trong nền kinh tế thị trường", " Định hướng giá trị nghề nghiệp và tính tích cực học nghề của SV trường Cao Đẳng Nghệ Thuật Hà Nội", "Tìm hiểu một số biểu hiện về định hướng giá trị nghề DH của SV trường Đại Học Sư Phạm Việt Bắc"… Tuy nhiên đối với khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long nói chung và đặc biệt tỉnh Kiên Giang nói riêng chưa thấy có công trình nào nghiên cứu về định hướng giá trị nghề DH của SV.

1.5 Trường CĐSP Kiên Giang là trường SP trọng điểm của tỉnh Kiên Giang với trọng trách đào tạo và bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở, giáo viên tiểu học, giáo viên mầm non. Trong những năm qua nhà trường đã có những thay đổi về nhiều phương diện từ cách đổi mới quản lý đến việc nâng cao chất lượng đầu vào, rồi đổi mới PPDH… Mỗi năm, trường có khoảng 600 SV tốt nghiệp ra trường phục vụ cho sự nghiệp GD của tỉnh. Tuy nhiên để nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ GV, điều quan trọng nhà trường cũng cần phải định hướng giá trị nghề cho SV. Thật vậy, trong quá trình được tuyển vào, học tập, rèn luyện thì SV trường CĐSP Kiên Giang đã có những hiểu biết gì về nghề DH chưa, những giá trị nghề nghiệp mà các em hướng tới là những giá trị nào? Những giá trị đó có ảnh hưởng như thế nào đến việc học tập, tu dưỡng? Việc tìm hiểu đúng vấn đề định hướng giá trị nghề DH sẽ giúp Trường CĐSP Kiên Giang có biện pháp tác động hợp lí tới SV để các em rèn luyện phấn đấu trở thành những SV ưu tú ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Qua đó tỉnh Kiên Giang có được đội ngũ giáo viên giỏi, tâm huyết với nghề đáp ứng được những yêu cầu phát triển của tỉnh Kiên Giang trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Xuất phát từ những lý do trên, người nghiên cứu quyết định lựa chọn và nghiên cứu đề tài: **"Định hướng giá trị nghề dạy học của sinh viên Trường Cao Đẳng Sư Phạm Kiên Giang."**

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Đề tài nhằm tìm hiểu thực trạng định hướng giá trị nghề DH của SV trường CĐSP Kiên Giang, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp GD định hướng giá trị nghề DH cho SV.

3. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

3.1 Khái quát những vấn đề lí luận liên quan đến đề tài: giá trị, định hướng giá trị, nghề DH, định hướng giá trị nghề DH.

3.2 Khảo sát thực trạng định hướng giá trị nghề DH của SV trường CĐSP Kiên Giang. So sánh thực trạng định hướng giá trị nghề DH của SV theo giới tính và theo năm học.

3.3 Tìm hiểu yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng định hướng giá trị nghề DH của SV.

3.4 Đề xuất một số giải pháp định hướng giá trị nghề DH cho SV trường CĐSP Kiên Giang.

4. ĐỐI TƯỢNG VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Thực trạng định hướng giá trị nghề DH của SV hệ cao đẳng tiểu học trường CĐSP Kiên Giang.

4.2 Khách thể nghiên cứu

SV năm thứ I và năm III của khoa Tiểu Học-Mầm Non trường CĐSP Kiên Giang, năm học 2009-2010.

5. GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU

5.1 Một số ít SV hệ cao đẳng tiểu học, trường CĐSP Kiên Giang có định hướng giá trị nghề DH chưa thật đúng đắn.

5.2 SV hệ cao đẳng tiểu học trường CĐSP Kiên Giang đa số hướng chủ yếu vào các giá trị XH của nghề DH.

5.3 Không có sự khác biệt nhiều về định hướng giá trị nghề DH theo giới tính, theo năm học.

5.4 Các yếu tố bên ngoài không ảnh hưởng nhiều đến định hướng giá trị nghề DH mà chủ yếu do yếu tố về phía bản thân SV.

6. GIỚI HẠN NGHIÊN CỨU

Trường CĐSP Kiên Giang với chức năng chính đào tạo GV Trung học cơ sở, giáo viên Tiểu học, giáo viên Mầm non hệ CĐSP và hệ trung cấp SP. Ngoài ra nhà trường còn đào tạo những ngành ngoài SP. Trong phạm vi của đề tài này tác giả tập trung nghiên cứu định hướng giá trị nghề DH của SVSP tiểu học, cụ thể:

6.1 Về nội dung: Nghiên cứu định hướng giá trị nghề DH trong hệ thống giá trị nghề SP của SV thuộc hệ CĐSP tiểu học chính qui của trường.

6.2 Về phạm vi khảo sát: Khảo sát định hướng giá trị nghề DH trên các mặt nhận thức, thái độ, hành vi của SV hệ CĐSP tiểu học.

7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

7.1 Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Tham khảo, thu thập tư liệu và các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài để xây dựng hệ thống cơ sở lý luận cho đề tài.

7.2 Phương pháp điều tra bằng bảng câu hỏi

Đây là phương pháp chủ yếu được sử dụng để tìm hiểu về định hướng giá trị nghề dạy học của sinh viên trường CĐSP Kiên giang.

7.3 Phương pháp phỏng vấn

7.4 Phương pháp ý kiến chuyên gia

7.5 Phương pháp thống kê toán học

8. ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN VĂN

Đây là đề tài đầu tiên nghiên cứu về Định hướng giá trị nghề DH thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học của SVSP tỉnh Kiên Giang. Đề tài góp phần làm sáng tỏ:

8.1 Về cơ sở lý luận:

- Khái quát và hệ thống hóa cơ sở lý luận về giá trị và định hướng giá trị nghề DH, nghề GVTH.

- Xây dựng hệ thống thang giá trị nghề GVTH và các phẩm chất NC người GVTH để GD cho SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang.

8.2 Về thực tiễn

- Làm rõ được thực trạng định hướng giá trị nghề DH và các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang.

- Đưa ra một số giải pháp định hướng giá trị nghề DH cho SVSP trường CĐSP Kiên Giang và một số kiến nghị trong việc giáo dục giá trị nghề GVTH cho SV hệ CĐTH cũng như SVSP trường CĐSP Kiên Giang.

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1 Lịch sử vấn đề nghiên cứu

1.1.1 Những vấn đề liên quan đến giá trị và định hướng giá trị

Vấn đề về giá trị, định hướng giá trị đã có từ rất lâu và được nhiều nước trên thế giới quan tâm nghiên cứu. Có thể kể đến các công trình nghiên cứu sau:

- **Trên thế giới:**

Từ năm 1968 - 1974, Viện nghiên cứu thanh niên ở Đức đã tiến hành nghiên cứu ở 1000 HS phổ thông và 2000 SV đại học để tìm hiểu định hướng giá trị.

Trong những năm 1977 - 1978, Trung tâm nghiên cứu khoa học về thanh niên ở Bungari nghiên cứu về vấn đề GD đạo đức cho thanh niên, trong đó có đề cập đến vấn đề giá trị, đặc biệt là sự khác biệt trong thang giá trị của thanh niên so với thế hệ cha ông.

Năm 1985, Viện nghiên cứu thế giới của Nhật Bản đã chú trọng nghiên cứu thanh niên của 11 quốc gia lứa tuổi từ 18 – 24 tuổi. Tiếp theo đó, Viện khảo sát XH Châu Âu nghiên cứu trên thanh niên ở 10 nước Châu Âu. Cả hai cuộc điều tra này đều đề cập đến về vấn đề định hướng giá trị của thanh niên nhằm giúp họ chuẩn bị bước vào cuộc sống.

Năm 1986 - 1987, UNESCO đã đề nghị Câu lạc bộ Rome tiến hành điều tra quốc tế về giá trị đạo đức của con người chuẩn bị bước vào thế kỷ 21 trong tình hình có nhiều biến đổi đang ảnh hưởng đến XH vào những năm cuối thế kỷ 20.

Năm 1988, UNESCO đã phát hành tập tài liệu nghiên cứu về hệ thống cấu trúc của giá trị, hình thành bộ công cụ đo đạc, kiểm chứng giá trị, giúp cho những công trình nghiên cứu giá trị đúng hướng.

Hơn 10 năm trở lại đây, các nước Châu Á và Đông Nam Á đã có nhiều cuộc hội thảo về vấn đề nghiên cứu giá trị và GD giá trị. Các chương trình GD giá trị đã được đưa vào trong trường phổ thông và cộng đồng ở một số nước như: Indonesia, Phillipin, Singapore, Malaysia và Thái Lan.

Tóm lại, các công trình nghiên cứu về giá trị và định hướng giá trị ở đây đã chỉ ra được những khác biệt trong thang giá trị của thanh niên, xây dựng bộ dụng cụ để đo đạc và kiểm chứng cho nghiên cứu thực tế. Ngoài ra các công trình nghiên cứu còn được ứng dụng vào trong các trường học và cộng đồng dân cư.

- **Ở Việt Nam:**

Các công trình nghiên cứu về giá trị và định hướng giá trị tương đối mới mẻ hơn so với các nước trên thế giới. Tuy nhiên, kể từ thập niên 90 trở lại đây đã có rất nhiều tác giả tập trung nghiên cứu về vấn đề này. Điển hình:

Năm 1987 - 1988, ban Lý luận GD và GD chuyên nghiệp thực hiện đề tài: "Nghiên cứu và điều tra về xu hướng NC của SV". Đề tài đã chỉ ra những xu hướng NC của SV và đề cập đến vấn đề giá trị sống của SV với những đặc trưng nhất định.

Năm 1991 - 1995, chương trình Khoa học công nghệ cấp Nhà nước mã số KX - 07: "Con người Việt nam - mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế XH" đã được thực hiện, nhiều nhánh đề tài xuất phát từ đây đã nghiên cứu lý luận và thực tiễn về định hướng giá trị của con người Việt nam

Đề tài mã số KX - 07 - 04 do PGS.TS. Nguyễn Quang Uẩn làm chủ nhiệm, nghiên cứu: "Giá trị - Định hướng giá trị NC và GD giá trị" [53]. Dựa trên những giá trị được người Việt Nam quan tâm, đề tài chỉ ra xu hướng phát triển NC người Việt nam trong thời kỳ đổi mới và mở cửa.

Đề tài KX - 07 - 10 do TS Thái Duy Tuyên làm chủ nhiệm: "Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên trong cơ chế thị trường" [52].

Năm 1996, luận án phó tiến sĩ Triết học của tác giả Dương Tự Đam nghiên cứu: "Định hướng giá trị của thanh niên SV trong sự nghiệp đổi mới ở Việt nam" [9]. Luận án đã nêu ra một số biểu hiện đặc trưng, xu hướng phát triển và sự chuyển đổi định hướng giá trị trong SV. Trên cơ sở đó đề tài đưa ra những giải pháp nhằm GD định hướng giá trị cho thanh niên SV theo yêu cầu của công cuộc đổi mới.

Cùng năm 1996, Nguyễn Thị Khoa với luận án phó tiến sĩ Tâm lý học: "Định hướng giá trị chất lượng cuộc sống gia đình của nữ trí thức hiện nay". Đề tài đã làm sáng tỏ cơ sở lý luận về giá trị, định hướng giá trị và nêu ra những đặc trưng và xu thế định hướng giá trị chất lượng cuộc sống gia đình của nữ trí thức, từ đó xây dựng những chuẩn giá trị gia đình Việt nam hiện đại. [20]

Đầu năm 2002, Đỗ Ngọc Hà với luận án tiến sĩ Định hướng giá trị của thanh niên, SV hiện nay trước sự chuyển đổi về kinh tế, XH của đất nước". Đề tài cho thấy những giá trị nào điều tiết được cuộc sống hàng ngày và hành vi XH của SV, trên cơ sở đó xây dựng biểu định hướng giá trị của SV Việt nam.

Gần đây nhất một số đề tài về định hướng giá trị đạo đức, lối sống được quan tâm, như: *"Thực trạng định hướng giá trị đạo đức của sinh viên sư phạm thành phố Hồ Chí Minh"* [2], *"Định hướng giá trị lối sống sinh viên ở một số trường đại học tại TPHCM"* [5]. Cả 2 trên cơ sở nghiên cứu lý luận và hệ thống câu hỏi mở để lấy ý kiến các nhà GD, các chuyên gia, SV… nêu ra hệ thống giá trị đạo đức, lối sống. Trên cơ sở nghiên cứu cả hai tác giả đều nhận định đa số SV đều có định hướng giá trị đạo đức tích cực, lối sống đúng đắn.

Đề tài cấp bộ: *"Thực trạng lựa chọn các giá trị đạo đức nhân văn trong lối sống của SV thành phố Hồ Chí Minh hiện nay"*, mã số B 2007.19.27 của tác giả Huỳnh Văn Sơn. Trong đề tài này tác

giả cho biết, trong việc lựa chọn các giá trị cụ thể SV chưa quan tâm đúng mức đến các giá trị hướng đến cộng đồng và các giá trị hướng đến một cuộc sống hữu nghị hợp tác với người khác. Ngoài ra, sự lựa chọn của SV còn chưa thống nhất và rất dao động. [39]

Ngoài những đề tài nghiên cứu, còn có một số bài viết và báo cáo về giá trị và định hướng giá trị được đăng trên các tạp chí khoa học.

Nhìn chung các đề tài tập trung nghiên cứu và làm sáng tỏ nhiều vấn đề cả tích cực lẫn tiêu cực của những thay đổi về định hướng giá trị của người Việt nam nói chung và của thanh niên SV nói riêng, trên cơ sở đó đề ra những phương hướng và biện pháp để giúp thanh niên SV hoàn thiện về mặt NC.

1.1.2 Những vấn đề về nghề dạy học

Phải thừa nhận rằng những đề tài có liên quan đến nghề DH không hiếm. Chúng ta có thể kể đến một số đề tài sau:

Nguyễn Văn Lê: "GD thái độ nghề nghiệp cho SVSP trong quá trình đào tạo GV", luận án tiến sĩ năm 1978 [26]

Trịnh Thị Thuận "Tìm hiểu một số biểu hiện về định hướng giá trị nghề DH của SV Trường Đại Học Sư Phạm Việt Bắc". Cho thấy phần lớn SV trường ĐHSP Việt Bắc quí trọng và yêu thích nghề DH. Các em hướng vào mục đích nhằm giúp cho sự hình thành và phát triển đạo đức, NC của bản thân và thế hệ trẻ, hướng vào sự đổi mới, tiến bộ của đất nước. Đồng thời có sự đánh giá đúng đắn giá trị của nghề DH, phù hợp với XH Việt Nam. Tuy nhiên vẫn còn mâu thuẫn giữa nhận thức và hành động, giữa mong muốn khả năng và hiện thực, giữa giá trị tinh thần và giá trị kinh tế [43].

Tác giả Phạm Gia Cường với đề tài: "Định hướng giá trị nghề nghiệp và tính tích cực học nghề của SV trường CĐSP Hà Tây" (1998)

Năm 2003, Trần Thị Chanh với đề tài: " Định hướng giá trị nghề DH của SV trường CĐSP Hà Nam". Qua nghiên cứu thực trạng tác giả kết luận SV đã nhận thức được các giá trị của nghề DH. Có sự đan xen giữa các giá trị truyền thống và giá trị hiện đại. Thái độ của SV đối với nghề DH biểu hiện chưa cao. Và quá trình định hướng giá trị nghề DH chưa có sự thống nhất chặt chẽ giữa nhận thức, thái độ và hành vi. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề DH: Điều kiện kinh tế - xã hội; nội dung, phương pháp đào tạo, điều kiện cơ sở vật chất kĩ thuật của trường [7].

Năm 2006 tác giả Nguyễn Huy Tuyên với đề tài: "Định hướng giá trị nghề DH của SV trường CĐSP Quảng Trị"[50]. Cho biết SV trường CĐSP Quảng Trị đã nhận thức được các giá trị của nghề DH nhưng hướng chủ yếu vào những giá trị cá nhân. Tuy quan niệm của SV về yêu cầu NC của người thầy giáo còn chưa phù hợp. Việc học tập và rèn luyện nghề của SV chưa thật tích cực. Mức

độ nhận thức, thái độ và biểu hiện hành động trong định hướng giá trị nghề DH chưa có sự thống nhất.

Như vậy, thực trạng định hướng giá trị nghề DH của SVSP đã có nhiều tác giả nghiên cứu. Tuy nhiên, các đề tài này nghiên cứu trên khách thể là SVSP nói chung chứ không phải là SVSP tiểu học. Các đề tài này xác định giá trị, hệ thống giá trị nghề DH mang tính chất chung của tất cả các ngành nghề: Nghề mang lại sự hiểu biết, nghề có thu nhập ổn định, nghề cần thiết cho XH, nghề cao quí, nghề được XH coi trọng… chứ chưa mang tính chất đặc thù của nghề DH. Bên cạnh đó các giá trị được đưa ra chưa mang độ tin cậy cao vì chỉ dựa trên sự đánh giá của một nhóm người. Vì thế để những nghiên cứu về định hướng giá trị nghề DH của SVSP nói chung và SV hệ CĐSP tiểu học nói riêng có ý nghĩa GD cho SV ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường trở thành những NC của một nhà giáo cần phải có một cách tiếp cận khác. Hơn nữa, vấn đề này chưa thấy nghiên cứu nhiều ở khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long và đặc biệt là đối với SV tỉnh Kiên Giang – một tỉnh nằm ở phía tây nam của tổ quốc, có nhiều tiềm năng nhưng về GD và đào tạo còn kém phát triển so với các khu vực khác của cả nước.

1.2 Giá trị và định hướng giá trị

1.2.1 Giá trị

1.2.1.1 Khái niệm giá trị

a) Khái niệm giá trị theo từ điển

Theo từ điển Bách khoa Toàn Thư Xô Viết, "giá trị là sự khẳng định hoặc phủ định ý nghĩa của các đối tượng thuộc thế giới xung quanh đối với con người, giai cấp, nhóm hoặc toàn bộ XH nói chung. Giá trị được xác định không phải bởi bản thân các thuộc tính tự nhiên, mà là bởi tính chất cuốn hút của các thuộc tính ấy vào phạm vi hoạt động sống của con người, phạm vi hứng thú và nhu cầu, các mối quan hệ XH, các chuẩn mực và phương thức đánh giá ý nghĩa nói trên được biểu hiện trong các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức, trong lý tưởng, tâm thế và mục đích" [53].

Từ điển Triết học do M. M. Rozental (Liên Xô) chủ biên (Nxb Tiến bộ Maxcơva, 1975), "Giá trị là những định nghĩa về mặt XH của các khách thể trong thế giới chung quanh nhằm nêu bật tác dụng tích cực hoặc tiêu cực của khách thể ấy đối với con người và XH (cái lợi, thiện và ác, cái đẹp và cái xấu nằm trong những hiện tượng của đời sống XH hoặc tự nhiên). Xét bề ngoài, các giá trị là các đặc tính của sự vật hoặc hiện tượng, không phải đơn thuần do kết cấu bên trong của bản thân khách thể, mà do khách thể bị thu hút vào phạm vi tồn tại XH của con người và trở thành cái mang những quan hệ XH nhất định. Đối với chủ thể (con người), các giá trị là các đối tượng lợi ích của nó, còn đối với ý thức của nó thì chúng đóng vai trò những vật định hướng hàng ngày trong thực

trạng vật thể và XH, chúng biểu thị các quan hệ thực tiễn của con người đối với sự vật và hiện tượng xung quanh mình".

Theo tác giả Hoàng Phê: "Giá trị là cái làm cho một vật có ích lợi, có ý nghĩa, là đáng quí về mặt nào đó. Ví dụ loại thức ăn có giá trị dinh dưỡng cao, giá trị của một sáng kiến, giá trị tinh thần …." [33]

Từ điển Tiếng Việt (Nxb Khoa học xã hội), giá trị là: cái mà con người dùng làm cơ cở để xem xét một vật có lợi ích đến mức nào đối với con người; cái mà con người dựa vào dùng để xem xét một người đáng quý đến mức nào về mặt đạo đức, trí tuệ, tài năng; những quan niệm và thực tại về cái đẹp, sự thật, điều thiện của XH.

Như vậy từ những khái niệm về giá trị theo các loại từ điển trên chúng ta hiểu ***giá trị là sự nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng có ý nghĩa, có ích lợi, đáng quí đối với chủ thể (con người, giai cấp, nhóm hoặc toàn bộ XH) và nó phụ thuộc vào hứng thú, nhu cầu, các mối quan hệ XH, các chuẩn mực và phương thức đánh giá của chủ thể.***

b) Giá trị theo quan điểm của các ngành khoa học

Cho đến nay, thuật ngữ giá trị được nhiều khoa học nghiên cứu và mỗi khoa học nghiên cứu giá trị dưới nhiều bình diện, khía cạnh, góc độ khác nhau:

Dưới góc độ Triết học, có nhiều quan điểm khác nhau về giá trị. Tuy nhiên, ở đây chủ yếu được xét theo quan điểm Macxit nên giá trị được coi là những hiện tượng XH đặc thù, mọi giá trị đều có nguồn gốc từ lao động sáng tạo của con người. Giá trị là sự thống nhất giữa cái chủ quan và cái khách quan. [53, tr.51]

Dưới góc độ XH học, giá trị được quan tâm ở nội dung, nguyên nhân, điều kiện kinh tế - XH cụ thể trong quá trình hình thành hệ thống giá trị nhất định của một XH. [21].

Giá trị trong Đạo đức học luôn gắn liền với những khái niệm trung tâm như: cái thiện, cái ác, công bằng, bình đẳng, bác ái bởi vì khái niệm giá trị thuộc phạm vi đời sống đạo đức của con người, các quan hệ XH và quá trình hình thành các chuẩn mực, quy tắc đạo đức của XH [41, tr.19].

Dưới góc độ Tâm lý học, khái niệm giá trị được nghiên cứu nhằm mục đích tìm hiểu hành vi, hoạt động của con người và dự báo sự phát triển của NC. Tâm lý học XH nghiên cứu giá trị và định hướng giá trị trong cộng đồng, đồng thời giải thích vai trò của chúng trong sự hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý XH như tâm lý dân tộc, nhu cầu, thị hiếu, tập quán, lối sống của các nhóm XH.

c) Khái niệm giá trị dưới cái nhìn của các nhà khoa học

J. H. Fichter, nhà XH học Mỹ đã cho rằng: "tất cả cái gì có ích lợi, đáng ham chuộng, đáng kính phục đối với cá nhân hoặc XH đều có một giá trị" [53, tr.53].

Tác giả V.P. Tugarinov (Liên Xô) lại cho giá trị là những khách thể, những hiện tượng và những thuộc tính của chúng mà tất cả đều cần thiết cho con người (ích lợi, hứng thú) của một XH hay một giai cấp nào đó cũng như một cá nhân riêng lẻ với tư cách là phương tiện thoả mãn những nhu cầu và lợi ích của họ, đồng thời cũng là những tư tưởng và ý định với tư cách là chuẩn mực, mục đích hay lý tưởng [18, tr.54].

T. Makiguchi, nhà giáo dục Nhật bản cho rằng : "Giá trị là sự thể hiện có tính định lượng mối quan hệ giữa chủ thể đánh giá và đối tượng của việc đánh giá"[29, tr.104].

Theo PGS.TS Thái Duy Tuyên, có nhiều định nghĩa khác nhau về khái niệm giá trị, thông thường có thể hiểu giá trị là cái đáng quí, cái cần thiết, có ích lợi, có ý nghĩa, thỏa mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần của con người, của giai cấp, nhóm, XH nói chung. Giá trị là một phạm trù lịch sử, thay đổi theo thời gian, là một phạm trù XH, phụ thuộc vào tính chất của dân tộc, tôn giáo, cộng đồng. [51, tr106]

Tác giả Trần Văn Giàu cho rằng: "Giá trị xuất hiện từ mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng, nghĩa là từ thực tiễn và chiến đấu của con người trong XH. Giá trị vì thế được xác định bởi sự đánh giá đúng đắn của con người, xuất phát từ thực tiễn và được kiểm nghiệm qua thực tiễn" [11, tr.11].

Theo tác giả Phạm Minh Hạc: "Giá trị là tính có nghĩa tích cực, đáng quý, có ích của các đối tượng với các chủ thể" [14, tr.301].

Theo PGS-TS Trần Trọng Thủy: "GT là một hiện tượng XH điển hình biểu thị các sự vật, hiện tượng, các thuộc tính và quan hệ của hiện thực, các tư tưởng chuẩn mực, mục đích lý tưởng các hiện tượng của tự nhiên và XH được loài người tạo ra nhưng đều phục vụ cho sự tiến bộ của XH và phát triển của cá nhân con người" [44, tr. 11].

GS-TS Nguyễn Quang Uẩn, PGS-TS Nguyễn Thạc, PGS-TS Mạc Văn Trang cho rằng: cần phải hiểu khái niệm giá trị trong mối quan hệ với các thuật ngữ liên quan như nhu cầu, sở thích, động cơ … Song, "giá trị không đồng nhất với nhu cầu … các giá trị không phải là những động cơ … giá trị là những cái cần và có ích cho chủ thể" [53, tr. 56-57].

PGS.TS Lê Đức Phúc cho rằng: "Giá trị là cái có ý nghĩa đối với XH, tập thể và cá nhân, phản ánh mối quan hệ chủ thể khách thể, được đánh giá xuất phát từ điều kiện lịch sử XH thực tế và phụ thuộc vào trình độ phát triển NC. Khi đã được nhận thức đánh giá lựa chọn, giá trị trở thành một trong những động lực thúc đẩy con người theo một xu hướng nhất định" [35, tr.12].

Tóm lại dù trình bày cách này hay cách khác, theo quan điểm nào thì thì nội dung khái niệm "giá trị" mang những đặc điểm sau:

- Bất cứ sự vật nào cũng có thể xem là có giá trị dù nó là vật thể hay phi vật thể miễn là nó được người ta thừa nhận, người ta cần đến nó như một nhu cầu hoặc cấp cho nó một vị trí quan trọng trong đời sống của họ.

- Cần phân biệt cái gọi là bản chất và quy luật của sự vật hiện tượng với cái gọi là giá trị của chúng. Sự vật hiện tượng nào cũng có thuộc tính bản chất và tuân theo các quy luật nhất định, chúng tồn tại độc lập với nhu cầu của con người.

- Giá trị luôn mang tính khách quan. Sự xuất hiện, tồn tại hay mất đi của một giá trị nào đó không phụ thuộc vào ý thức con người mà phụ thuộc vào sự xuất hiện, tồn tại hay mất đi một nhu cầu nào đó của con người. Không phải do ý thức mà do yêu cầu của hoạt động thực tiễn qui định giá trị. Thực tiễn là tiêu chuẩn của mọi giá trị.

- Trong mọi giá trị đều chứa đựng yếu tố nhận thức, yếu tố tình cảm và yếu tố hành vi của chủ thể trong mối quan hệ với sự vật hiện tượng mang giá trị, thể hiện sự lựa chọn và đánh giá của chủ thể [53, tr. 55].

- Phân biệt các thuật ngữ có liên quan đến vấn đề giá trị như : ***ước muốn, nhu cầu, động cơ.*** Trước hết, giá trị không đồng nhất với ước muốn và nhu cầu. Các nhu cầu nảy sinh từ sự thiếu hụt, những đòi hỏi tất yếu mà con người thấy cần thỏa mãn để tồn tại và phát triển. Ước muốn là sự mong mỏi nhằm vào một đối tượng hay trạng thái nhất định, những ước muốn có thể trở thành một nhu cầu, trong đó pha trộn những ước muốn tương ứng. ***Còn giá trị là những cái cần và có ích cho chủ thể***. [41, tr.57]

- Quan niệm chung về giá trị vẫn luôn khẳng định mặt chính diện, tính có ý nghĩa tích cực, đáng quí, có ích của các đối tượng đối với chủ thể

Tóm lại, khái niệm giá trị ở đây trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này được hiểu**: *Giá trị là những cái cần, cái có ích, có ý nghĩa đối với chủ thể (cá nhân, tập thể và XH) phản ánh mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể, được đánh giá và có thể bị thay đổi theo những điều kiện xã hội - lịch sử cụ thể. Yếu tố giá trị gắn liền với NC con người.***

1.2.1.2 Phân loại giá trị

Có nhiều cách phân loại giá trị. Tùy thuộc vào mục đích tiếp cận mà mỗi tác giả có những cách phân loại giá trị khác nhau:

Dựa vào sự thỏa mãn nhu cầu vật chất hay nhu cầu tinh thần của con người mà giá trị được phân chia thành: giá trị vật chất, bao gồm giá trị kinh tế và giá trị sử dụng; giá trị tinh thần bao gồm giá trị khoa học, giá trị chính trị, giá trị đạo đức, giá trị pháp luật và giá trị tôn giáo.

Theo J. H. Fichter, nhà XH học Mỹ, mỗi hiện tượng XH có thể coi được dùng làm khởi điểm cho sự phân loại các giá trị. Ông dùng các căn cứ để phân loại giá trị là NC, XH và văn hoá [53, tr.57].

Nhà GD học T.Makiguchi dựa trên hệ thống thang bậc giá trị đã sắp xếp theo thứ tự Thiện, Ích, Mỹ chia giá trị thành 3 loại: Giá trị kinh tế, giá trị đạo đức, giá trị thẩm mỹ [29, tr.112].

Theo cách phân loại của Rokeach có hai loại giá trị: giá trị mục đích và giá trị công cụ. *Các giá trị mục đích*: thế giới hoà bình, an ninh quốc gia, tự do, bình đẳng, cuộc sống ý nghĩa, tình bạn chân thành, tôn trọng người khác, thông minh sáng suốt, cuộc sống sung túc. *Các giá trị công cụ:* trách nhiệm, danh dự, lòng tin, thanh lịch, dũng cảm, hợp tác, trong sạch, khoan dung, kỷ luật [53, tr.58].

Theo cách tiếp cận hệ thống, tác giả Thái Duy Tuyên đã phân chia giá trị thành các loại:

Giá trị nhân văn: biểu thị sự tôn trọng và yêu thương con người, thừa nhận quyền phát triển tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc.

Giá trị đạo đức: biểu hiện ở những chuẩn mực quy định mối quan hệ giữa con người với nhau, giữa con người với tự nhiên và với XH (gia đình, cộng đồng) trên tình thần yêu thương hay thù hận, tôn trọng hay không tôn trọng.

Giá trị văn hoá: những giá trị luôn gắn liền với sự phát triển của khoa học kỹ thuật công nghệ trên cơ sở tiến bộ XH và biểu hiện ở đạo đức, sống có văn hoá và sự phát triển toàn diện của con người.

Giá trị chính trị - pháp luật, biểu hiện thái độ đối với việc giành và giữ chính quyền, thể chế nhà nước, với quyền lợi dân tộc, giai cấp, cộng đồng, quyền công dân, mối quan hệ bình đẳng, công bằng, tự do và dân chủ, niềm tin và lý tưởng.

Giá trị kinh tế, hướng vào sự hoạt động của nghề nghiệp, của lao động, sản xuất, kinh doanh, các hình thức sở hữu, thu nhập và đời sống vật chất, sự giàu nghèo và hưởng thụ [52, tr.6-11].

Nhìn chung việc phân loại giá trị hết sức đa dạng, phong phú. Mọi sự phân loại đều mang tính chất tương đối và do mục đích khác nhau, nên hướng tiếp cận đến các giá trị có sự khác nhau. Những năm gần đây, nhiều nước trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Inđônesia, Philippin, Singapo… quan tâm tới giáo dục giá trị nhân văn, đạo đức cho thế hệ trẻ. Do đó, trong hội nghị Tôkyô với chủ đề: "*Đẩy mạnh giáo dục giá trị đạo đức nhân văn, văn hóa, quốc tế"* , tổ chức vào tháng 2/1994 thống nhất và đưa ra 8 nhóm giá trị:

- Nhóm các giá trị liên quan đến quyền con người
- Những giá trị liên quan đến dân chủ
- Nhóm những giá trị liên quan đến sự hợp tác và hòa bình

- Những giá trị liên quan đến bảo vệ môi trường
- Những giá trị liên quan đến sự bảo tồn các nền văn hóa
- Những giá trị liên quan đến bản thân và người khác
- Những giá trị liên quan đến tinh thần dân tộc
- Những giá trị liên quan đến tâm linh [41,tr.]

Chú ý khi xem xét sự phân loại giá trị cần xác định mỗi giá trị trong một cấu trúc, một hệ thống có thứ bậc, đồng thời chú ý tính đa dạng trong các biểu hiện sinh động của từng giá trị. Và cũng chỉ với một mục đích xác định thì mới xác định được giá trị và hệ thống giá trị tương ứng.

1.2.1.3 Hệ giá trị, thang giá trị và chuẩn giá trị

a) Hệ giá trị

Hệ giá trị (hệ thống giá trị) là một tổ hợp giá trị khác nhau được sắp xếp, hệ thống lại theo những nguyên tắc nhất định tạo thành một tập hợp mang tính toàn vẹn và hệ thống, thực hiện các chức năng đặc thù trong việc đánh giá của con người theo những phương thức vận hành nhất định của giá trị [53, tr.62].

Các hệ thống giá trị có vị trí độc lập tương đối và tương tác với nhau theo những thứ bậc khác nhau phù hợp với quá trình thực hiện các chức năng XH trong mỗi thời kỳ lịch sử cụ thể. Hệ thống giá trị luôn mang tính lịch sử, chịu sự chế ước bởi lịch sử. Vì thế, trong hệ thống giá trị luôn chứa đựng các yếu tố của quá khứ, hiện tại và tương lai, các giá trị truyền thống, các giá trị thời đại, các giá trị mang tính nhân loại, các giá trị mang tính cộng đồng, tính giai cấp, các giá trị mang tính lý tưởng và hiện thực.

b) Thang giá trị

Thang giá trị là một tổ hợp giá trị, một hệ thống giá trị được sắp xếp theo một trật tự ưu tiên nhất định. Có thể coi thang giá trị là thước đo giá trị. Thang giá trị biến đổi theo thời gian, theo sự phát triển, biến đổi của XH loài người và của cộng đồng cũng như của mỗi cá nhân.

Thang giá trị, thước đo giá trị đang là vấn đề có tính nhân loại, tính thời đại và tính dân tộc được mọi người quan tâm. Thang giá trị của xã XH, của cộng đồng và của nhóm chuyển thành thang và thước đo giá trị của từng người. Thang giá trị là một trong những động lực thôi thúc con người hoạt động hướng đến những giá trị phục vụ cho nhu cầu, lợi ích của mình. Khi con người hoạt động sẽ tạo ra những giá trị lại góp phần khẳng định, củng cố, phát huy và bổ sung để hoàn thiện hoặc thay đổi thang giá trị [53, tr.63].

c) Chuẩn giá trị

Chuẩn giá trị là những giá trị giữ vị trí cốt lõi, chiếm vị trí ở thứ bậc cao hoặc vị trí then chốt và mang tính chuẩn mực chung cho nhiều người. Khi xây dựng các giá trị theo những chuẩn mực

nhất định về kinh tế, về chính trị, về đạo đức, về XH hay về thẩm mỹ sẽ tạo ra các chuẩn giá trị. Mọi hoạt động của XH, của nhóm cũng như của từng cá nhân được thực hiện theo những chuẩn giá trị nhất định sẽ bảo đảm định hướng cho các hoạt động đó và hạn chế khả năng lệch chuẩn mực XH, đồng thời tạo ra những giá trị tương ứng đảm bảo sự tồn tại của con người. Chuẩn giá trị chung của nhân loại, theo nhà giáo dục T.Makiguchi (Nhật Bản) hệ giá trị "ÍCH, THIỆN, MỸ" [53, tr.64].

Giáo sư Trần Văn Giàu, dùng hệ thống "Giá trị truyền thống" để chỉ các giá trị tốt đẹp, đạo đức tốt đẹp, chuẩn mực và gọi đó là phẩm giá, phẩm chất.

Tóm lại, để có được một chuẩn chung đánh giá NC con người cần phải tiếp tục nghiên cứu để có những nhận định, đánh giá đúng đắn, khách quan tình hình biến động nhanh chóng và mạnh mẽ các thang giá trị hiện nay để có những định hướng giá trị đúng đắn cho XH.

Hiện nay, bộ Giáo Dục và Đào Tạo đã ban hành chuẩn GVTH và xem đó là căn cứ đánh giá phẩm chất, năng lực GVTH. Trong đề tài này tác giả phần nào dựa vào chuẩn GVTH để xác định các giá trị nghề DH cũng như phẩm chất NC của người GVTH cần GD cho SV.

1.2.2 Định hướng giá trị

1.2.2.1. Một số quan niệm về định hướng giá trị

Cho đến nay thuật ngữ định hướng giá trị trở nên quá quen thuộc trong lĩnh vực tâm lý học cũng như xã hội học. Dưới đây là một số quan niệm tiêu biểu của các tác giả nước ngoài cũng như trong nước:

Trước hết theo "Từ điển Tâm lý học tóm tắt" của Liên Xô do A.V.Petrovski và M.G.Iarosevski chủ biên, định hướng giá trị là phương thức chủ thể sử dụng để phân biệt các sự vật theo ý nghĩa của chúng đối với chính mình, từ đó hình thành nội dung cơ bản của xu hướng, động cơ hoạt động.

Theo Thái Duy Tuyên, khái niệm định hướng giá trị thường được hiểu 2 nghĩa : 1) Mỗi cá nhân hay cộng đồng nào đó định hướng giá trị cho mình có nghĩa là lựa chọn cho mình một giá trị hoặc hệ thống giá trị nào đấy ; 2) Mỗi cá nhân hay cộng đồng định hướng giá trị cho một người hay một tập thể có nghĩa là GD giá trị. [51,tr.37]

B.G.AnaNhep: "Việc cá nhân hướng vào những giá trị này hay giá trị khác tạo nên sự định hướng giá trị của họ" [3, tr.26].

Tác giả người Nga A.G Zdraromuxlov đã phân tích định hướng giá trị như quá trình hướng đích của mỗi chủ thể với những nỗ lực tìm kiếm mục tiêu, cách thức và phương tiện nhằm thu được lợi ích, cũng như đạt được hiệu quả công việc trong các hoạt động của con người

V.A.Iadop xem định hướng giá trị là những biểu tượng của con người về những mục đích chủ yếu của cuộc đời và những phương tiện cơ bản đạt những mục đích ấy. Định hướng giá trị đóng vai

trò chủ đạo trong việc xây dựng các chương trình hành vi lâu dài. Chúng hình thành trên cơ sở những nhu cầu của chủ thể về việc nắm vững những hình thức cơ bản của hoạt động sống trong những điều kiện lịch sử cụ thể xác định và do tính chất các quan hệ XH quy định. Các quan hệ XH là nguồn gốc khách quan hình thành những nhu cầu của chủ thể. [53, tr.68]

Đào Hiền Phương cho rằng: "Định hướng giá trị là sự phản ánh chủ quan, có phân biệt các giá trị trong ý thức và tâm lý con người. Định hướng giá trị của mỗi người mang những nét riêng biệt đặc trưng của người đó. Con người sống trong môi trường nào, thuộc thành phần XH nào, đều mang những nét chung nhất định của nó về định hướng giá trị. Định hướng giá trị không phải là bất biến, nhất là các giá trị vật chất, nó có sự thay đổi theo môi trường sống và hoạt động thực tiễn. Định hướng giá trị chi phối, điều chỉnh hành vi, hoạt động của con người, hướng tới những mục đích cơ bản trong cuộc sống" [36, tr. 23].

Theo Lê Đức Phúc: "Định hướng giá trị là thái độ lựa chọn của con người đối với các giá trị vật chất và tinh thần, là một hệ thống tâm thế, niềm tin, sở thích được biểu hiện trong hành vi của con người" [35, tr.23].

Tuy có nhiều quan niệm khác nhau về định hướng giá trị, song chúng ta có thể nhận thấy một số điểm chung sau về định hướng giá trị:

- Định hướng giá trị được hình thành trong quá trình cá nhân hoặc nhóm người gia nhập vào các quan hệ XH với tư cách là chủ thể của các hoạt động đó và hướng vào các giá trị có ý nghĩa cơ bản đối với họ.
- Quá trình định hướng giá trị luôn chứa đựng các yếu tố nhận thức (đánh giá), ý chí và cảm xúc (thử nghiệm) và các khía cạnh đạo đức, thẩm mỹ trong sự phát triển NC.
- Là cơ sở bên trong của hành vi, nó quyết định lối sống của mỗi cá nhân.

Trân trọng, kế thừa từ những quan điểm về định hướng giá trị đã được nêu trên, với hướng tiếp cận theo quan điểm của Thái Duy Tuyên, ***Định hướng giá trị trong đề tài này được hiểu là một hệ thống giá trị chuẩn phù hợp với yêu cầu của XH được cá nhân (hay tập thể) nhận thức, đánh giá, lựa chọn theo nguyện vọng, mong muốn của mình. Nó có tác dụng chi phối, điều chỉnh, hành vi, hoạt động của con người và qui định xu hướng NC cá nhân. Dựa trên định hướng giá trị của SV nhà trường GD giá trị cho SV*.**

1.2.2.2. Quá trình định hướng giá trị

Có nhiều quan điểm khác nhau về quá trình hình thành định hướng giá trị, nhưng chúng tôi tán thành quan điểm của tác giả Patha, Harmin và Simon cho rằng quá trình hình thành định hướng giá trị diễn ra qua 7 giai đoạn. Các giai đoạn đó được dựa trên 3 quá trình cơ bản: lựa chọn, cân nhắc và hành động.

***** Quá trình lựa chọn. Quá trình này trải qua các giai đoạn sau:

- Lựa chọn tự do.
- Từ các khả năng lựa chọn khác nhau.
- Lựa chọn trên cơ sở đã dự đoán kết quả có thể có của từng khả năng lựa chọn

***** Quá trình cân nhắc, đánh giá (2 giai đoạn):

- Tâm niệm cảm thấy vui mừng với những lựa chọn đã tiến hành.
- Sẵn sàng khẳng định sự lựa chọn đó một cách công khai.

* Quá trình hành động (2 giai đoạn)

- Làm một cái gì đó theo sự lựa chọn
- Lặp lại hành động, một vài dịp theo mẫu đó trong đời.

Tập hợp các quá trình xác định sự đánh giá giá trị. Kết quả của quá trình định hướng giá trị là khẳng định được giá trị cũng có nghĩa là giá trị được hình thành ở cá nhân.

1.2.2.3. Vai trò của định hướng giá trị

Định hướng giá trị giúp con người lập chương trình cho hành động của mình trong một thời gian dài, quy định đường lối chiến lược cho hành vi, đồng thời định hướng giá trị có thể quy định trực tiếp hành vi thậm chí từng thao tác, động tác của con người.

Định hướng giá trị là nhân tố trung tâm chi phối mọi suy nghĩ, điều chỉnh hành vi, hoạt động của con người, từ đó hướng hoạt động tới mục đích cơ bản của cuộc đời.

1.3 Nghề dạy học

1.3.1 Khái niệm nghề

Nghề nghiệp theo tiếng anh là "Profession" có nghĩa là một công việc chuyên môn. Theo từ điển tiếng việt, nghề (nghề nghiệp): công việc chuyên làm theo sự phân công lao động của XH [34, tr.654]. Như vậy, nghề nghiệp là một hoạt động đặc thù của con người nảy sinh khi XH có sự phân công lao động, hình thành cùng với sự phát triển XH; là một lĩnh vực hoạt động trong đó con người đem sức lao động vật chất hay tinh thần tùy theo sự phân công lao động xã hội để tạo ra những cái cần thiết cho XH, từ đó con người thỏa mãn nhu cầu của mình để tồn tại và phát triển. Nghề nghiệp trong XH rất đa dạng, XH càng phát triển cao thì càng xuất hiện nhiều nghề mới để đáp ứng nhu cầu của con người, của XH. Hiện nay ở nước ta có khoảng 33 nhóm nghề và mỗi nhóm lại chia thành nhiều nghề khác nhau. Dựa trên cách phân chia của tác giả E.A.Klimov chia các nghề trong xã hội thành 5 nhóm : 1) Nhóm nghề "Người – Tự nhiên" ; 2) Nhóm nghề "Người – kỹ thuật" ; 3) Nhóm nghề "Người – Hệ thống kỹ thuật" ; 4) Nhóm nghề " Người – Người" ; 5) Nhóm nghề "Người – Nghệ thuật". Nghề DH thuộc nhóm nghề "Người – Người" trong XH. Trong mọi XH nhất là trong

xã hội hiện đại con người muốn tồn tại và phát triển đòi hỏi mỗi người phải lao động trong một nghề nghiệp nhất định.

Tóm lại: ***Nghề nghiệp đó là một dạng hoạt động lao động đặc thù của con người đòi hỏi ở con người một quá trình đào tạo chuyên biệt, có những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, có chuyên môn nhất định.***

1.3.2 Nghề dạy học

1.3.2.1 Khái niệm hoạt động dạy

Xuất phát từ thuyết hoạt động trong tâm lý học, cuộc đời con người là một dòng các hoạt động, trong đó có hoạt động dạy và học.

Theo tâm lí học SP của tác giả Lê Văn Hồng: *Hoạt động dạy* là hoạt động của người lớn tổ chức và điều khiển hoạt động của trẻ nhằm giúp chúng lĩnh hội nền văn hóa xã hội, tạo ra sự phát triển tâm lí, hình thành NC. [18,tr.17]

Mục đích của hoạt động dạy là giúp trẻ lĩnh hội nền văn hóa xã hội, phát triển tâm lí, hình thành NC. Để đạt được mục đích phải thông qua hoạt động dạy của thầy giáo. Hoạt động của thầy giáo thực hiện chức năng tổ chức tái tạo nền văn hóa xã hội nhằm tạo ra cái mới trong tâm lí HS. Cái cốt lõi trong hoạt động dạy là *tạo ra tính tích cực trong hoạt động học của HS* [18,tr.19]

1.3.2.2 Khái niệm nghề DH

Ngày nay nghề DH (hay còn gọi là nghề GV) thuộc nhóm nghề người – người trong XH là một lĩnh vực hoạt động lao động trong hệ thống GD quốc dân. Sau khi được đào tạo ở các trường, khoa SP, SV có được những tri thức và kĩ năng nhất định để có thể trở thành GV và tham gia vào việc GD thế hệ trẻ, đáp ứng nhu cầu của XH.

Hệ thống GD ở Việt Nam được chia thành các bậc học, cấp học khác nhau, do đó GV làm trong mỗi lĩnh vực có những nét riêng, phù hợp với vị trí công việc của mình. Mặt khác, theo luật GD: "Những người làm nhiệm vụ giảng dạy, GD trong nhà trường, các cơ sở GD là những nhà giáo" [22, điều 6). Nhà giáo phải có những tiêu chuẩn: Phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ; đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; lý lịch bản thân rõ ràng. Nhà giáo giảng dạy ở cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp gọi là GV; ở cơ sở giáo dục đại học gọi là giảng viên [22,Chương IV, Điều 61]. Từ những vấn đề phân tích trên, nghề DH theo chúng tôi được định nghĩa như sau: ***Nghề DH đó là một lĩnh vực hoạt động của nhà giáo theo sự phân công của XH. Trong đó các nhà giáo bằng chính những phẩm chất, năng lực được xã hội thừa nhận để dạy dỗ thế hệ trẻ trở thành công dân có ích cho XH.***

1.3.3 Tính chất nghề DH

Giáo viên - người thay mặt cho XH để GD thế hệ trẻ đáp ứng nhu cầu của XH. Việc GD thế hệ trẻ đáp ứng yêu cầu XH là cả một quá trình lâu dài khó khăn và phức tạp. Điều quan trọng cần phải xác định được tính chất của việc dạy học-giáo dục. Việc xác định các tính chất này có tầm quan trọng đặc biệt vì nó nói lên *bản chất* của việc đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển của XH. Theo tác giả Thái Duy Tuyên các tính chất của GD bao gồm: *1) Tính định hướng xã hội chủ nghĩa, 2) Tính khoa học, 3) Tính dân tộc, 4) Tính toàn diện, 5) Tính công bằng, 6) Tính hiện đại, 7) Tính nhân văn, 8) Tính thường xuyên, 9) Tính thống nhất, 10) Tính phổ thông, 11) Tính đa dạng, 12) Tính phổ cập, 13) Tính phát triển, 14) Tính thực tiễn, 15) Tính giai cấp, 16) Tính dân chủ, 17) Tính hợp tác, 18) Tính thích ứng, 19) Tính lao động, 20) Tính toàn cầu, 21) Tính đại chúng.* [51, tr.72,73]. Theo tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học SP của tác giả Lê Văn Hồng, nghề DH có *tính khoa học, tính nghệ thuật, tính sáng tạo, nghề lao động trí óc.* Các tính chất GD và dạy học này bao gồm cả tính chất hệ thống giáo dục quốc dân và tính chất quá trình giáo dục nhân cách. *chuyên nghiệp* [18, tr.92, 93]

1.3.3.1 Hệ thống các tính chất nghề DH

Như vậy dựa trên quan điểm của tác giả Thái Duy Tuyên, Lê Văn Hồng cộng với quá trình phân tích các tài liệu có đề cập đến các tính chất GD và DH. Xét về nguồn gốc sâu xa của nghề DH về bản chất là đào tạo những con người đáp ứng được yêu cầu của XH trong từng giai đoạn lịch sử XH cụ thể. Trong đề tài này, chúng tôi đưa ra 12 tính chất cơ bản nghề DH và phân làm 3 loại:1) *Những tính chất nghiêng về chức năng DH*: tính tích cực, tính sáng tạo, tính phát triển, tính toàn diện, tính phổ thông ; *2) Những tính chất nghiêng về chức năng GD*: tính chính trị, tính nhân văn, tính hiện đại, tính dân tộc ; *3) Những tính chất thực hiện cả chức năng DH và GD*: tính khoa học, tính lao động trí óc, tính nghệ thuật.

a) Tính chính trị: Người GV trước hết dựa vào nội dung của tiết học, trang bị cho HS cơ sở lí luận chủ nghĩa Mac-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Mặt khác để đảm bảo đào tạo ra những con người XHCN cần làm cho họ hiểu rõ đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Ngoài ra trong mỗi bài học ngoài nội dung bài, hình thành cho họ phương pháp tư duy về những cơ sở của thế giới quan khoa học và những phẩm chất NC mà mục đích GD đã đề ra

b) Tính khoa học: Trong DH không chỉ trang bị cho người học những tri thức khoa học của các lĩnh vực tự nhiên, XH, tư duy và con người mà người GV còn phải chọn lọc sao cho cơ bản, có hệ thống, phù hợp với năng lực tiếp thu của người học và cập nhật với trình độ chung của khoa học tiên tiến thế giới. Ngoài ra, tính khoa học của nghề DH thể hiện qua việc GV phải biết tổ chức lao động SP của mình theo khoa học.

c) Tính tích cực: Là quá trình rèn luyện cho HS khả năng tích cực, chủ động tìm tòi cái mới. Tính tích cực trong DH chính là tính tích cực nhận thức đặc trưng ở khát vọng hiểu biết, cố gắng trí tuệ và nghị lực cao trong quá trình chiếm lĩnh tri thức. Đây là một trong những vấn đề trung tâm của toàn bộ QTDH. Ngày nay DH thành công không còn là trang bị tri thức cho người học mà là dạy người học biết tự tìm chân lý.

d) Tính sáng tạo. Trong mô hình NC con người Việt Nam thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa có nhấn mạnh đến việc đào tạo con người có tư duy sáng tạo, làm chủ tri thức khoa học công nghệ hiện đại. Như vậy nghề DH phải là nghề sáng tạo. Hơn nữa, GD theo đúng nghĩa là những tác động làm biến đổi không phải con người chung chung, mà là từng con người cụ thể, với những đặc điểm tâm sinh lí cụ thể.

e) Tính lao động trí óc. Lao động trong XH gồm : lao động trí óc và lao động chân tay. Khoa học đã xếp DH thuộc lao động trí óc. Lao động trí óc của nghề DH khác với lao động trí óc của các ngành nghề khác là nó không có giới hạn.

f) Tính hiện đại: Phản ánh đặc điểm của thời đại loài người trong thế kỉ 21, với nền văn minh tin học và hội nhập toàn cầu. Nền GD Việt Nam cần đào tạo những con người Việt Nam với những tri thức khoa học và công nghệ hiện đại để vươn lên cạnh tranh với các nước khu vực và thế giới hiệu quả nhất. Hiện đại hóa khoa học và công nghệ là yêu cầu bức xúc của xã hội Việt Nam hiện nay để tránh khỏi nguy cơ tụt hậu.

g) Tính nhân văn. GD phải hướng tới việc GD con người Việt Nam có những phẩm chất cao đẹp mang tính nhân văn như: Nhân ái, tôn trọng giá trị con người; phấn đấu quên mình vì Tổ quốc, vì nhân dân, vì lý tưởng; sáng tạo, lạc quan, khiêm tốn, giản dị, cần kiệm…hài hòa giữa tinh thần và vật chất, giữa tình cảm và lý trí

h) Tính dân tộc. Dân tộc Việt Nam được hình thành và phát triển trong những điều kiện địa lý và lịch sữ nhất định, có những truyền thống và bản sắc riêng như: yêu nước, đoàn kết, nhân ái, hiếu học, dũng cảm, cần kiệm, lạc quan…. Nhà trường cần củng cố và phát huy những truyền thống tốt đẹp đó và xem đó như những vốn quí, những tiềm năng trong điều kiện của hội nhập thế giới.

i) Tính toàn diện trong DH: Được thể hiện rõ trong mục tiêu GD là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mĩ và nghề nghiệp.

j) Tính phổ thông. Nhà trường phổ thông cần trang bị, hình thành cho mọi người những phẩm chất và năng lực cơ bản nhất, làm cơ sở cho sự phát triển lâu dài của mỗi người để làm nền tảng cho sự phát triển sau này.

k) Tính phát triển. GD phải tạo ra những tiềm lực, những cơ sở ban đầu để con người có thể phát triển lâu dài, luôn luôn vươn lên, phù hợp với yêu cầu của thời đại. QTDH cần phát triển ở HS những sức mạnh bản chất của con người: trí tuệ, tâm hồn, ý chí, thể lực

l) Tính nghệ thuật: Việc DH và GD con người phải mang tính nghệ thuật. Vì đối tượng tác động trực tiếp của nhà GD là con người. Với nghệ thuật SP, GV có thể dùng ít lời mà HS vẫn lĩnh hội được tốt, diễn đạt các tư tưởng một cách nhẹ nhàng, thoải mái đạt hiệu quả cao…

Có thể nói các tính chất của nghề DH có vai trò định hướng cho việc xác định đặc điểm của nghề, yêu cầu của nghề, cũng như hệ giá trị, thang giá trị của nghề. Như vậy dựa trên các tính chất này mà xác định các đặc điểm, yêu cầu đối với nghề DH, cũng như các giá trị của nghề DH.

1.3.3.2 Đặc điểm của nghề DH

Bất cứ một nghề nào trong XH đều có những đặc trưng nhất định đòi hỏi mỗi người hành nghề phải hiểu rõ để có kỹ năng cơ bản hoàn thành tốt vai trò, chức năng nghề nghiệp của mình. Hoạt động nghề nghiệp của người GV có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển của XH, đối với tương lai của thế hệ trẻ. Vì thế đặc điểm của nghề DH có những đặc trưng riêng không giống bất cứ một ngành nghề nào trong XH.

a) Mục đích lao động của DH là tái sản xuất mở rộng sức lao động XH

Vì sản phẩm lao động của nhà giáo là thế hệ trẻ có NC. Chính những NC này tạo ra của cải vật chất cũng như tinh thần cho XH. Chính vì thế đầu tư cho GD là đầu tư siêu lợi nhuận. Đầu tư cho GD là đầu tư cho sự phát triển bền vững nhất của XH. Do vậy người tham gia nghề DH phải có những định hướng giá trị cho sự phát triển của nghề nghiệp và cá nhân mình để không ngừng tự hoàn thiện bản thân.

b) Nghề mà đối tượng quan hệ trực tiếp là con người.

Đối tượng lao động của nghề DH là những con người cụ thể chứ không phải là những vật vô tri vô giác. Con người – đối tượng lao động của GV không hoàn toàn giống với những con người ở các ngành nghề khác như bác sĩ, hướng dẫn viên, nhân viên bán hàng … Đây là những người trẻ tuổi đang trong thời kỳ hình thành và phát triển NC. Nhìn chung, tất cả thế hệ trẻ trong giai đoạn dến trường từ phổ thông cho đến đại học vốn hiểu biết còn hạn chế, kinh nghiệm sống nghèo nàn, kĩ năng kĩ xảo chưa được tạo dựng vững chắc, các phẩm chất đạo đức chưa được hình thành một cách đầy đủ và ổn định …. Do vậy mà rất cần những thầy cô giáo có đức, tài, tận tâm để hướng dẫn dạy dỗ các em. Tuy nhiên, bên cạnh đó các em không chỉ là đối tượng tác động của GV mà các em chính là những chủ thể chủ động tự GD, tự rèn luyện, tiếp thu, lựa chọn và chuyển hóa những giá trị vật chất, tinh thần để hoàn thiện NC.

c) Nghề mà công cụ chủ yếu là NC của chính nhà giáo.

Trong DH và GD, thầy giáo dùng NC của chính mình để tác động vào HS. NC của nhà giáo chính là lòng yêu nghề, mến trẻ, lý tưởng nghề nghiệp, trình độ học vấn, sự thành thạo nghề nghiệp, lối sống, cách cư xử, kỹ năng giao tiếp, v.v… Bởi lẽ, người thầy giáo không chỉ dạy HS bằng những câu, những chữ, những công thức có sẵn mà phải dạy bằng tất cả tâm hồn mình. K.D Usinxki đã nói: "Ảnh hưởng NC của người làm công tác GD tới tâm hồn trẻ là một sức mạnh mà không có sách giáo khoa nào, không có châm ngôn đạo đức nào, không có hệ thống chừng phạt, khuyến khích nào có thể thay thế được." Như vậy công cụ chủ yếu, có hiệu qủa nhất mà người thầy giáo dùng để tác động HS, đối tượng GD của mình, là toàn bộ NC của mình. NC phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức, độc đáo về trí tuệ của ông thầy có khả năng GD nhân cách HS rất lớn. Ngược lại nếu không có NC tốt, người thầy giáo sẽ gieo rắc nhiều cái tai hại và làm nghèo nàn tâm hồn học sinh.**[1]**. Như vậy để GD học sinh trở thành những con người chân chính thì thầy cô giáo trước hết phải là những con người chân chính. Đúng như nhà GD vĩ đại K.D Usinxki nói: " Trong việc GD, tất cả phải dựa vào NC người GD".

Tóm lại thông qua các tính chất và đặc điểm lao động của người thầy giáo, chúng ta đặt ra nhiều đòi hỏi trong phẩm chất và năng lực của người thầy mà buộc mỗi giáo sinh tương lai phải tự trau dồi những giá trị của nghề DH mới đáp ứng được những yêu cầu đối với NC nhà giáo.

1.3.4 Những yêu cầu về phẩm chất NC người GV

1.3.4.1 Cấu trúc nhân cách người GV

Theo tâm lí học SP, nhân cách là tổng thể những phẩm chất và năng lực tạo nên bản sắc và giá trị tinh thần của mỗi người. Nói đến phẩm chất là nói đến hệ thống các thuộc tính tâm lí biểu hiện các mối quan hệ XH của con người. Nói đến năng lực là nói đến mặt hiệu quả của quá trình tác động vào đối tượng.

Phẩm chất và năng lực đều là tổ hợp của ba yếu tố tâm lí cơ bản: nhận thức, tình cảm, ý chí. Các phẩm chất và năng lực làm thành một hệ thống, chi phối, ảnh hưởng lẫn nhau. Như vậy các nội dung phẩm chất (Đức) và năng lực (Tài) cấu thành nên NC của con người trong mọi loại hoạt động nghề nghiệp. Song trong mỗi thành phần của nó ở mỗi loại hình hoạt động nghề nghiệp khác nhau có những nội dung tính chất và yêu cầu khác nhau.

Mặc dù có nhiều quan điểm về mô hình NC người GV của các nhà tâm lí-giáo dục đã đưa ra.Nhưng tựu trung lại đều nhất trí rằng, *nhân cách GV* ***là tổ hợp những phẩm chất và năng lực*** *có ảnh hưởng tới chất lượng và hiệu quả trong quá trình hành nghề.*

1.3.4.2 Những yêu cầu về phẩm chất nhân cách người GV

Về mặt **phẩm chất** đòi hỏi GV phải có *thế giới quan khoa học*, *niềm tin và lý tưởng, lương tâm, đạo đức nghề nghiệp.*

Về mặt **năng lực sư phạm** là cơ sở để thể hiện nhân cách SP của người GV. GV có năng lực SP là người *có vốn tri thức, hiểu biết và kĩ năng* nhất định để thực hiện thành công viêc GD thế hệ trẻ.

Nhìn chung hầu hết các nhà tâm lý-giáo dục đồng ý năng lực SP của người GV được thể hiện qua: năng lực DH, năng lực GD và năng lực tổ chức các hoạt động SP

a) *Năng lực dạy học gồm*: năng lực hiểu HS; tri thức và tầm hiểu biết của GV; năng lực chế biến tài liệu học tập; năng lực sử dụng phương tiện-kĩ thuật; năng lực ngôn ngữ.

b) *Năng lực giáo dục* gồm: năng lực vạch dự án phát triển nhân cách HS, năng lực giao tiếp SP, năng lực cảm hóa HS, năng lực đối xử khéo léo SP.

c) *Năng lực tổ chức hoạt động SP* được thể hiện trước hết: Biết tổ chức và cổ vũ HS thực hiện các nhiệm vụ DH và GD, biết đoàn kết HS thành một tập thể thống nhất, biết tổ chức và vận động nhân dân [18,tr.117]

1.3.5 Nghề giáo viên tiểu học

1.3.5.1 Khái niệm nghề GVTH

Dựa trên những điều trình bày ở trên về nghề nghiệp trong XH, nghề DH, tính chất của nghề DH, những yêu cầu đối với nghề DH thì: ***nghề GVTH thuộc lĩnh vực nghề DH. Nó mang đầy đủ các đặc điểm, những yêu cầu của nghề DH. Tuy nhiên do đặc điểm của đối tượng, đặc trưng của cấp học, tính chất của GD ở bậc tiểu học thì nghề GVTH còn có những đặc thù riêng.***

Trước hết, bậc tiểu học là bậc học nền tảng của hệ thống GD quốc dân, *đặt cơ sở ban đầu cho việc hình thành và phát triển toàn diện, hài hòa NC con người.*

Về mục tiêu GD đã được luật giáo dục qui định rõ trong điều 23: *"Giáo dục tiểu học nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mĩ và các kĩ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở "*[22]

Nội dung giáo dục tiểu học phải đảm bảo cho học sinh có hiểu biết đơn giản, cần thiết về tự nhiên, xã hội và con người; có kĩ năng cơ bản về nghe, đọc viết và tính toán; có thói quen rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh; có hiểu biết ban đầu về hát múa, âm nhạc, mĩ thuật [22, Điều 24]

Đối tượng của nghề GVTH là những HS tiểu học (hay còn gọi tuổi HS nhỏ), có độ tuổi từ 6,7 – 11,12 tuổi. Nhìn chung ở lứa tuổi này có những thay đổi cơ bản về những đặc điểm giải phẫu sinh lý. Đây là giai đoạn đang diễn ra một sự kiện hoàn toàn đáng kể về cơ thể: não bộ, hệ xương, hoạt động của hệ tim mạch, hệ thần kinh. Đây là những tiền đề vật chất quan trọng tạo điều kiện cho sự phát triển tâm lý NC ở lứa tuổi này.

Ở tuổi HS nhỏ diễn ra một sự phát triển toàn diện về các quá trình nhận thức. Trong đó đáng kể nhất là sự phát triển của tri giác, sự tập trung, trí nhớ, tưởng tượng, tư duy. Còn nói về đời sống

xúc cảm, tình cảm của lứa tuổi này khá phong phú, đa dạng và cơ bản là mang tính tích cực. Về sự phát triển NC lứa tuổi này chủ yếu diễn ra và bị chi phối bởi hoạt động chủ đạo là hoạt động học tập. Tính chủ định đối với mọi hành vi được hình thành và phát triển trong hoạt động học tập và từ đó đứa trẻ dần dần nắm được những chuẩn mực đạo đức và những qui tắc hành vi.

Một đặc điểm quan trọng nhất có thể nói trong quá trình phát triển của tuổi HS tiểu học là quan hệ giữa GV và HS. Đây chính là nét đặc thù trong NC của HS nhỏ. Đối với các em, ý kiến của người lớn, đặc biệt là của GV là cơ bản nất, là quan trọng nhất và không thể chống đối lại. HS tiểu học thừa nhận uy tín tuyệt đối của GV. Chúng hướng tới GV vì nhiều nguyên cớ khác nhau. Trẻ có thể thổ lộ với GV mọi lo lắng, mọi điều xảy ra trong gia đình, nhờ GV phân xử mọi xích mích với bạn bè, bắt trước GV từ cách cư xử đến động tác… Chính vì vậy hình ảnh người thầy giáo trong giai đoạn này có ý nghĩa rất to lớn trong việc giáo dục NC cho trẻ.

1.3.5.2 Những yêu cầu về phẩm chất NC người GVTH

NC của người GVTH được thống nhất với với mô hình NC của người GV nói chung và phù hợp với đặc điểm giáo dục tiểu học nói riêng.

Dựa trên cơ sở xác định NC người GV, cùng với chuẩn GVTH chúng tôi đưa ra hệ thống các phẩm chất cần thiết nhất của một GVTH để GD cho SV hệ CĐTH.

- **Chuẩn nghề nghiệp GVTH**

Chuẩn nghề nghiệp GVTH được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo kí ban hành ngày 04 tháng 05 năm 2007

Chuẩn nghề nghiệp GVTH là hệ thống các yêu cầu cơ bản về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; kiến thức; kỹ năng SP mà GVTH cần phải đạt được nhằm đáp ứng mục tiêu của GD tiểu học. Chuẩn gồm 3 lĩnh vực, trong mỗi lĩnh vực có 5 yêu cầu.

Yêu cầu của Chuẩn là nội dung cơ bản, đặc trưng thuộc mỗi lĩnh vực đòi hỏi người GV phải đạt được để đáp ứng mục tiêu của GDTH ở từng giai đoạn. Mỗi yêu cầu gồm có 4 tiêu chí.

Tiêu chí của Chuẩn là nội dung cụ thể thuộc mỗi yêu cầu của Chuẩn thể hiện một khía cạnh về năng lực nghề nghiệp GVTH.

- Lĩnh vực 1: *Phẩm chất chính trị đạo đức lối sống*, gồm 5 yêu cầu, mỗi yêu cầu có 4 tiêu chí. Tổng số có 20 tiêu chí trong lĩnh vực này.

- Lĩnh vực 2: *Kiến thức,* gồm 5 yêu cầu, mỗi yêu cầu có 4 tiêu chí. Có tất cả 20 tiêu chí trong lĩnh vực này.

- Lĩnh vực 3: *Kỹ năng sư phạm*, gồm 5 yêu cầu, mỗi yêu cầu có 4 tiêu chí. Tổng số có 20 tiêu chí trong lĩnh vực này.

Cấu trúc của chuẩn nghề nghiệp GVTH có 3 lĩnh vực, 15 yêu cầu, với 60 tiêu chí. (Xem cụ thể phần phụ lục QUY ĐỊNH Về Chuẩn nghề nghiệp GVTH)

Như vậy với mô hình NC người GV nói chung, đặc điểm của giáo dục tiểu học nói riêng và chuẩn GVTH. Chúng tôi xác định **các *yêu cầu về NC người GVTH cần GD cho SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang như sau:***

1. Các phẩm chất chính trị - đạo đức lối sống: *Lý tưởng XHCN; Có tinh thần yêu nước; Có trách nhiệm công dân, trách nhiệm nghề nghiệp; Lòng yêu trẻ, yêu nghề; Ý thức phấn đấu vươn lên trong sự nghiệp; Năng động và sáng tạo; Nhạy bén và linh hoạt*

2. Kiến thức*: Chuyên môn vững; kiến thức về các lĩnh vực khác, tâm lý HS-lứa tuổi và SP; kiến thức về giáo dục- vận dụng PPGD; kiểm tra đánh giá; thạo vi tính, giỏi ngoại ngữ; hiểu biết thêm tình hình kinh tế văn hóa xã hội địa phương*

3. Kỹ năng SP : *Lập kế hoạch GD và giảng dạy; Tổ chức thực hiện HĐDH; Làm công tác chủ nhiệm; Tổ chức các HĐGD ngoài giờ; Ứng xử và giao tiếp SP; Xây dựng và bảo quản đồ dùng DH; Quản lý HS*

1.4 Định hướng giá trị nghề DH của SV

1.4.1 Giá trị nghề DH

1.4.1.1 Giá trị nghề và giá trị nghề DH

Giá trị nghề chính là sự đánh giá của XH đối với nghề. Một nghề được coi là có ý nghĩa với XH, đáp ứng được yêu cầu của XH. Nghề DH luôn tồn tại và có ý nghĩa rất lớn đối với XH, là một nghề không thể thiếu trong XH. Lịch sử đã chứng minh nếu không có nghề DH thì không có những nghề khác, chứ đừng nói gì đến sự phát triển XH. Nghề DH cũng đã được thừa nhận là nghề cao quí trong những nghề cao quí. Chính vì thế mà nghề DH có những giá trị được XH thừa nhận.

Giá trị của nghề DH mang đầy đủ các đặc trưng bản chất của khái niệm giá trị, và khái niệm giá trị nghề. Theo cách tiếp cận của tác giả Mạc Văn Trang, cho rằng: *"Giá trị của nghề là ở tri thức chuyên môn, kỹ năng hành nghề, thái độ phục vụ, đó cũng chính là cái làm nên giá trị của hàng hóa sức lao động."* [48]

Từ những phân tích trên, theo quan điểm tác giả: G***iá trị nghề là những gì thật sự có ý nghĩa, đặc biệt là cần thiết, quan trọng đối với hoạt động nghề nghiệp và nó có giá trị nâng cao hiệu quả chất lượng lao động nghề nghiệp. Giá trị của nghề DH thể hiện trong tính chất lao động của nghề và những yêu cầu về phẩm chất NC người GV, cũng như những chuẩn mực nhà giáo đã được bộ giáo dục qui định.***

1.4.1.2 Giá trị nghề GVTH

Trong xã hội loài người, mỗi cộng đồng (nhóm xã hội hoặc giai tầng XH) đều có một hệ thống giá trị đặc thù đóng vai trò làm hạt nhân tạo nên tâm thức chung của cộng đồng và định hướng cho các thành viên trong cộng đồng cùng thống nhất hành động. Đội ngũ GVTH ở nước ta là một nhóm xã hội nghề nghiệp, do đó cũng có một hệ thống giá trị đặc thù. Các giá trị này chính là giá trị nghề nghiệp GVTH.

Giá trị nghề nghiệp GVTH nằm trong khái niệm giá trị và mang đầy đủ các đặc trưng bản chất của khái niệm giá trị, giá trị nghề vào trong lĩnh vực GDTH. Vì thế ***có thể hiểu giá trị nghề nghiệp GVTH là:***

Các phẩm chất, đức tính cao đẹp, các kiến thức, kĩ năng về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm được đa số GVTH thừa nhận là đáng quí, hữu ích và mong muốn đạt được.

Các yếu tố qui định mục đích lao động sư phạm của người GVTH, cũng như các yếu tố mà người GVTH cần có để đạt được mục đích lao động sư phạm của mình.

Trong đề tài này, xét về **mục đích đào tạo của trường sư phạm về** ***bản chất là quá trình hình thành ở người SV nhân cách của nhà GD. Nhân cách ở đây được hiểu là mức độ phù hợp của thang giá trị và định hướng giá trị cá nhân nhà giáo với thang giá trị và định hướng giá trị của cộng đồng và XH****. Tác giả phân loại hệ thống giá trị của nghề DH theo các nhóm sau:*

1. *N**hóm giá trị có tính XH của nghề DH:*** đây là những giá trị chung, những cái có ý nghĩa chung có tính nhân loại và phổ biến của nghề DH.

2. Nhóm giá trị đạo đức của nghề DH: đây là các chuẩn mực đạo đức riêng biệt của nghề DH, nó là thước đo phẩm chất NC người thầy giáo.

3. ***Nhóm giá trị đặc thù của nghề GVTH,*** được thể hiện cụ thể nhất trong các qui định về mục tiêu GD và mục tiêu GDTH. Bên cạnh đó còn là những giá trị riêng, nổi trội thuộc đặc điểm của lĩnh vực giáo dục tiểu học….

4. ***Nhóm giá trị mới của nghề DH.*** Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, ngoài các giá trị mang tính truyền thống, quốc gia, dân tộc còn cần phải xét đến các giá trị toàn cầu đối với một người GV thời đại, chẳng hạn như tính năng động, óc thực tế, dám nghĩ dám làm, trách nhiệm cá nhân…Vì trong thời đại hội nhập và cạnh tranh toàn cầu hiện nay các giá trị nghề nghiệp hiện nay lại thống nhất trên phạm vi toàn thế giới.

1.4.2 Định hướng giá trị nghề DH của SV

1.4.2.1 Đặc điểm lứa tuổi thanh niên SV

Thanh niên SV là những người có độ tuổi từ khoảng 17, 18 đến 25, 26 tuổi và đang ngồi trên ghế nhà trường đại học, cao đẳng, hoặc dạy nghề….Đây là lớp người đang trưởng thành về mặt XH,

hoàn thiện về thể lực, định hình về mặt NC, học tập để tiếp thu những tri thức, kỹ năng – kỹ xảo của một lĩnh vực nghề nghiệp.

Thanh niên SV về mặt tâm lý có những đặc điểm chung là: ham hiểu biết, khao khát lý tưởng, nhạy cảm với cái mới, cái sáng tạo, cái tiến bộ, năng động, tháo vát, tư duy mền dẻo, dễ thích ứng, giao lưu kết bạn, ước mơ cống hiến nhiều cho XH, muốn được học tập tiếp và muốn được XH coi trọng,… Nhưng ở họ cũng có những nhược điểm của tuổi trẻ như: thiếu kinh nghiệm sống, xúc cảm mạnh hơn lý trí khi xem xét các vấn đề của cuộc sống.

Tuổi SV là thời kỳ phát triển mạnh mẽ của tư duy lý luận, cùng với khối lượng tri thức mà họ đã tiếp thu được trong gia đình, ở nhà trường và ngoài XH, SV có thể liên kết các tri thức riêng lẻ lại với nhau hình thành nên một biểu tượng rất đặc trưng cho giới SV. Có thể nói, SV chính là thời kỳ hình thành rõ nét nhất về NC của những trí thức trong tương lai. Họ có những quan điểm, nhu cầu, nguyện vọng riêng trong quá trình tiếp nhận những thay đổi của thời đại, của nền GD và đào tạo. Trong quá trình mở cửa hội nhập cùng với sự phát triển mạnh mẽ và đa dạng của ngành GD đại học, đội ngũ SV có nhiều thay đổi về định hướng giá trị, về lối sống, nhu cầu.

Một trong những đặc điểm tâm lý quan trọng nhất ở thanh niên SV là sự phát triển tự ý thức. Tự ý thức ở SV bao gồm tự phân tích, tự đánh giá, tự kiểm tra… từ đó có thái độ, hành vi, hoạt động phù hợp nhằm tự điều chỉnh, tự GD để hoàn thiện và phát triển. Trong tự ý thức thì tự đánh giá là một thành phần có ý nghĩa quan trọng. Tự đánh giá có tác dụng làm cho cá nhân hiểu biết về các thuộc tính NC, năng lực… trong mọi hoạt động. SV không chỉ trả lời câu hỏi "Tôi là ai?", "Tôi là người như thế nào?", "Tại sao tôi lại hành xử như thế?". Nói chung trong tự đánh giá giúp thanh niên SV hiểu rõ hơn về bản thân mình, đánh giá đúng bản thân mình, từ đó có thể đề ra cho mình những mục tiêu và hoạt động phù hợp.

Một nét đặc trưng nổi bật của lứa tuổi thanh niên là sự hình thành kế hoạch cuộc đời, hình thành con đường sống của cá nhân trong tương lai. Kế hoạch này được nảy sinh do kết quả khái quát và hợp nhất các mục đích do cá nhân đặt ra. Đó là sự liên kết và thứ bậc hóa các động cơ của nó, là sự hình thành hạt nhân bền vững, sự định hướng giá trị theo mong muốn cá nhân. Mặt khác quá trình cụ thể hóa và phân hóa các mục tiêu và động cơ đồng thời cũng được diễn ra. Do đó từ những ước mơ, những mong muốn, những dự định có thể có, nó được trừu tượng hóa, dần tiến tới chỗ phác họa ra kế hoạch hoạt động ít nhiều hiện thực. Kế hoạch cuộc đời là một hiện tượng vừa có tính XH, vừa có tính đạo đức. Thiếu niên đã băn khoăn, mình sẽ trở thành ai, trở thành người như thế nào. Nhưng thiếu niên chỉ mơ ước mà chưa nghĩ mình bằng cách nào để thực hiện nó. Còn thanh niên không chỉ nghĩ đến kết quả cuối cùng trong kế hoạch đường đời của mình mà còn tìm cách đạt đến kết quả đó. Xác định con đường tối ưu nhất. Tiến tới những dự định đẹp đẽ trong cuộc đời.

Lứa tuổi thanh niên SV là tuổi bắt đầu bước vào ngưỡng cửa của cuộc đời. Vấn đề quan trọng đối với nam nữ thanh niên là lựa chọn cho mình một nghề nghiệp nhất định. Việc hiểu biết đầy đủ, sâu sắc về nội dung, vai trò và đặc thù nghề nghiệp sẽ giúp cho thanh niên có điều kiện so sánh, đối chiếu những đặc điểm yêu cầu, tính chất của một nghề với điều kiện của bản thân về năng lực, nhu cầu, nguyện vọng, sở thích, tìm cho mình một nghề nghiệp phù hợp. Việc lựa chọn nghề nghiệp diễn ra một cách ngẫu nhiên, thiếu suy nghĩ về yêu cầu của nghề, của XH cũng như năng lực bản thân thì có thể cá nhân sẽ không phù hợp với nghề đã chọn. Như vậy việc định hướng giá trị nghề cho SV trong quá trình các em học tập trong môi trường đại học có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để chuẩn bị cho hoạt động nghề nghiệp sau này. Về vấn đề này Max đã nói: "Nếu chúng ta chọn một nghề mà không có đủ năng lực cần thiết thì không bao giờ chúng ta làm tốt được điều đó và sau này chúng ta sẽ phải xấu hổ mà nhận ra rằng mình không có đủ năng lực và tự nhủ ta là vật vô ích trên thế gian này".

Tóm lại bộ phận SV trên ghế nhà trường cao đẳng, đại học là bộ phân hữu cơ của thanh niên, vì vậy có đặc điểm tâm lý chung của lứa tuổi thanh niên SV: nhạy cảm với cuộc sống, có khả năng đánh giá và tự đánh giá, khả năng tiếp thu cái mới, cái sáng tạo. Và vấn đề quan trọng nhất của thanh niên SV trong giai đoạn này là lựa chọn cho mình một nghề nghiệp phù hợp. Tuy nhiên, những kinh nghiệm, vốn hiểu biết của các em còn hạn chế do đó cần có sự định hướng về các giá trị đạo đức, cũng như các giá trị của nghề nghiệp.

1.4.2.2 Định hướng giá trị nghề DH của SV

Trên cơ sở của các khái niệm về giá trị, định hướng giá trị, giá trị nghề DH đã được xác định ở trên, chúng tôi đưa ra định nghĩa định hướng giá trị nghề DH như sau: ***Định hướng giá trị nghề DH là sự phản ánh chủ quan, có lựa chọn các GT nghề DH trong ý thức và tâm lý chủ thể, là quá trình xác định các GT nghề DH của chủ thể, trên cơ sở đó hình thành ở họ cảm xúc, thái độ và tính tích cực hoạt động nghề nghiệp.***

1.4.3 Nội dung định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang

1.4.3.1 Nội dung định hướng giá trị nghề DH

Nội dung định hướng giá trị của con người rất phong phú, phản ánh những yếu tố liên quan đến nhu cầu của chủ thể, thường được tập trung ở các mặt: niềm tin chính trị, triết học có tính thế giới quan, đạo đức của con người, những khát vọng cuộc sống, những nguyên tắc chân, thiện, mỹ của hành vi. Vì vậy, nội dung của định hướng giá trị nghề DH của người GV cũng phong phú, đa dạng, có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống XH và cá nhân, cả phương diện vật chất và tinh thần. Nhưng nội dung cơ bản vẫn là ***những niềm tin chính trị, đạo đức của người thầy, những***

phẩm chất và năng lực cần thiết để nhà giáo hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, cũng như những điều kiện vật chất và tinh thần để họ sống và hoạt động.

1.4.3.2 Nội dung định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang

Trên cơ sở lý luận về định hướng giá trị nghề DH, nội dung của định hướng giá trị nghề DH, đặc điểm của trường CĐSP Kiên Giang có thể xác định nội dung cơ bản định hướng giá trị nghề DH cho SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang như sau:

Định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH là một hệ thống giá trị chuẩn thuộc lĩnh vực GVTH phù hợp với yêu cầu của XH được SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang nhận thức, đánh giá, lựa chọn theo nguyện vọng, mong muốn của mình. Nó có tác dụng chi phối, điều chỉnh hành vi và qui định xu hướng NC mỗi cá nhân SV.

Nội dung định hướng giá trị nghề DH của SV được biểu hiện ở 3 mặt: nhận thức, thái độ và hành vi.

- ***Mặt nhận thức***: Các giá trị của nghề DH có vai trò định hướng, thúc đẩy con người hành động khi các giá trị được chủ thể nhận thức nghĩa là nhận thấy nó làm thỏa mãn, có một ý nghĩa nào đó đối với cá nhân và XH. Là quá trình ***phản ánh các thuộc tính cơ bản của nghề DH, những yêu cầu của XH đối với nghề DH. Phản ánh quá trình lao động SP của người GV***.

- ***Mặt thái độ***: đó là sự mong muốn đạt được những giá trị của nghề DH ở chủ thể. Những giá trị đã được chủ thể nhận thức sẽ làm nảy sinh những mong muốn của chủ thể về giá trị đó. Thái độ đối với nghề DH của SVSP được ***biểu hiện qua hứng thú, động cơ, thái độ yên tâm nghề nghiệp, cũng như tần số mức độ sâu sắc, bền vững, tính dao động của những hiện tượng tâm lý này là chỉ số đánh giá về mặt thái độ của định hướng giá trị nghề DH.***

- ***Mặt hành vi***: những giá trị nghề DH đã được chủ thể nhận thức, tỏ thái độ mong muốn đạt được, phải trở thành động lực thúc đẩy chủ thể thực hiện những hành động. Đây chính là cơ sở quan trọng để đánh giá sự phù hợp trong định hướng giá trị nghề DH của chủ thể. ***Chỉ tiêu đánh giá hành vi trong định hướng giá trị là mục đích, động cơ, số lượng và chất lượng công việc mà chủ thể tiến hành và được biểu hiện tập trung ở kết quả thực hiện các nhiệm vụ đề ra.***

Như vậy, định hướng giá trị nghề DH được biểu hiện phong phú và đa dạng, ở cả 3 mặt: nhận thức, thái độ cảm xúc và hành vi. Các mặt này có quan hệ mật thiết tác động qua lại bổ sung cho nhau tạo nên tính thống nhất thúc đẩy chủ thể hoạt động.

1.5 Yếu tố tác động đến định hướng giá trị nghề DH của SV.

Quá trình hình thành và phát triển NC con người chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố. Quá trình hình thành định hướng giá trị nghề DH của SV cũng không nằm ngoài qui luật đó. Các yếu tố ảnh

hưởng đến định hướng giá trị nói chung gồm có 2 nhóm yếu tố: nhóm yếu tố bên trong và nhóm yếu tố bên ngoài.

1.5.1 Yếu tố bên ngoài

Như trên đã trình bày, giai đoạn tuổi SV đã có sự phát triển khá toàn diện về mặt NC và trưởng thành về mặt XH. Do đó đối với SV sự định hướng giá trị nghề chủ yếu vẫn là do bản thân SV quyết định. Song sự định hướng giá trị nghề ở mỗi SV trước đó chịu ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài. Những yếu tố bên ngoài có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến hệ thống định hướng giá trị nghề SP của SV phải kể đến các yếu tố sau:

a) Gia đình

Trước hết, mỗi con người sinh ra trong một gia đình nhất định và luôn chịu ảnh hưởng, tiếp thu, kế thừa những giá trị truyền thống của các thế hệ trong gia đình. Bởi lẽ gia đình là một cộng đồng ổn định và xác định. Gia đình thực hiện các chức năng của hoạt động kinh tế, tổ chức sản xuất, tổ chức các lĩnh vực khác trong hoạt động sống của con người: GD từ tình cảm, đến kỹ năng, kỹ xảo, từ ứng xử đến đạo đức, từ lối sống, hình thành định hướng giá trị. GD gia đình có ý nghĩa hết sức to lớn trong việc định hướng giá trị NC, nghề nghiệp. Thông qua yếu tố gia đình, chúng ta có thể giải thích được hiện tượng "thừa kế" tài năng trong một số gia đình, qua nhiều thế hệ cùng theo một ngành nghề nào đó. Và rất nhiều người nhầm tưởng rằng sự kế thừa đó như là hiện tượng di truyền. Nhưng hoàn toàn không phải vậy, đây là một hiện tượng XH, một quá trình ảnh hưởng GD có chủ định hoặc không chủ định. Trẻ em trong gia đình ngay từ nhỏ, bắt trước người lớn, đầu tiên là bắt trước bố mẹ, ông bà, anh chị lớn một cách tự nhiên về mọi mặt, từ hành vi, cử chỉ, cách nói năng… cho đến viêc lựa chọn nghề nghiệp. Kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học và thực tế cho thấy gia đình là môi trường đầu tiên và có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành và phát triển NC.

b) Nhà trường

GD nhà trường là một môi trường GD đặc biệt nhằm thực hiện mục tiêu GD con người, đào tạo nguồn nhân lực của một thời kì lịch sử nhất định. Hơn nữa GD nhà trường được tổ chức một cách có hệ thống theo một qui trình có mục tiêu, nội dung, phương thức tổ chức cùng với đội ngũ thầy cô giáo có đầy đủ phẩm chất và năng lực để đào tạo ra những con người phát triển toàn diện theo như mục đích GD. Như vậy, nhà trường giữ vai trò chủ đạo trong quá trình định hướng giá trị NC, nghề nghiệp cho thế hệ trẻ. Mọi sự tác động GD từ nhà trường có tác dụng hình thành định hướng NC cho người học. Do đó trong nhà trường nói chung, trường SP nói riêng việc SV hướng đến giá trị nào đó ít nhiều do nhà trường quyết định. Vì từ nội dung GD, PPGD, hình thức tổ chức, nhà GD đều có ảnh hưởng đến định hướng giá trị của SV. Thực tế XH Việt Nam hiện nay cho thấy

do yếu tố hướng nghiệp còn hạn chế nên phần lớn các em khi thi vào các trường đại học cao đẳng mình theo học không rõ sẽ thích nghề mình theo học hay không, có dấn thân vì sự nghiệp hay không. Nhưng rồi trong quá trình theo học với nội dung học thiết thực, việc tổ chức các hoạt động học tập cho SV phong phú, hấp dẫn … và từ đó có thể các em cảm thấy hứng thú với nghành học. Đặc biệt trong môi trường SP thì sự mẫu mực về đạo đức, lối sống, tác phong, cách hành xử, cho đến năng lực SP, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giảng viên có ảnh hưởng trực tiếp đến định hướng giá trị nghề của SV. Một điều đáng quan tâm hiện nay là những biểu hiện về sự đảo lộn các định hướng giá trị trong đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận nhà giáo do tác động mặt trái của kinh tế thị trường làm cho một số sinh viên SP có những nhận thức, hành vi không tốt về nghề DH. Nói tóm lại, GD nhà trường phải góp phần định hướng cho sự phát triển NC. Tuy nhiên hiệu quả tiếp thu những giá trị đạo đức chung do nhà trường định hướng còn phụ thuộc vào sự chấp nhận của mỗi cá nhân và tác động của các yếu tố khác như gia đình và XH.

c) Xã hội

Ngoài gia đình và nhà trường, thì yếu tố XH có ảnh hưởng mạnh mẽ đến vấn đề định hướng giá trị nghề của SV. Yếu tố môi trường XH ở đây ngoài môi trường gia đình và cộng đồng nơi ở của cá nhân, bạn bè, thầy cô… có ảnh hưởng trực tiếp đến định hướng giá trị nghề của SV chúng ta phải kể đến môi trường XH vĩ mô.

Môi trường vĩ mô bao gồm các thể chế chính trị XH, môi trường văn hóa, quốc gia, quốc tế có ảnh hưởng gián tiếp đến định hướng giá trị của SV… Tất cả các yếu tố này có thể nói chưa bao giờ tác động nhiều đến định hướng giá trị của bộ phận thanh niên SV như hiện nay. Bởi bộ phận này rất nhanh nhạy và dễ bị ảnh hưởng với những thay đổi của XH bên cạnh những cái tích cực cũng như những cái tiêu cực. Chẳng hạn như ảnh hưởng của sự hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay đã làm cho thanh niên ngày nay nhạy bén hơn, sáng tạo hơn, tự tin hơn … Theo tác giả Huỳnh Văn Sơn về *"Sự lựa chọn các giá trị đạo đức nhân văn trong lối sống của sinh viên hiện nay"* cho thấy giá trị được sinh viên lựa chọn nhiều nhất là *Tự tin*, điều này được tác giả lý giải một phần là do ảnh hưởng của cơ chế thị trường, sự cạnh tranh giữa các cá nhân.[39]

Nói chung, bên cạnh những giá trị đạo đức, giá trị nghề nghiệp mới đang được hình thành ở tầng lớp thanh niên SV hiện nay trong tiến trình đổi mới của đất nước, của sự nghiệp GD cũng cần phải tính đến những chuẩn giá trị mới sẽ hình thành trong bối cảnh toàn cầu hóa, trong thời đại khoa học công nghệ cao. Hơn nữa, điều đáng quan tâm là những biểu hiện về sự đảo lộn các định hướng giá trị đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận nhà giáo do tác động mặt trái của kinh tế thị trường.

1.5.2 Yếu tố bên trong

Thật vậy, quá trình định hướng giá trị nói chung, định hướng giá trị nghề DH của SV nói riêng bị ảnh hưởng, chi phối bởi nhiều yếu tố như gia đình, nhà trường, XH … Bởi xét về bản chất như Marx đã nói: " Bản chất con người là tổng hòa của các mối quan hệ XH". Nhưng sự lựa chọn của cá nhân vẫn giữ vị trí quyết định trong quá trình định hướng giá trị ở mỗi chủ thể. Bởi như chúng ta đã biết con người là một thực thể có ý thức nên có cuộc sống riêng, có những mong muốn, nhu cầu riêng mà khi hoạt động và giao lưu mỗi người lựa chọn sự tác động của XH theo một cách riêng và tạo nên bộ mặt NC của mình. Vì thế mà sự định hướng giá trị NC cũng như sự định hướng giá trị nghề DH của SV phụ thuộc vào các yếu tố cấu thành NC của chủ thể như trình độ học vấn, trình độ văn hóa, tính tích cực hoạt động, những đặc điểm tâm lý, trình độ hiểu biết chính trị XH của cá nhân, sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần … có ảnh hưởng mạnh mẽ và giữ yếu tố quyết định đến định hướng giá trị nghề DH của SV.

Hơn thế nữa thanh niên SV là lứa tuổi đã định hình về mặt NC, có trình độ hiểu biết cao. Có khả năng đánh giá và tự quyết định sự lựa chọn giá trị liên quan đến năng lực, nhu cầu, nguyện vọng, sở thích của bản thân.

Từ những phân tích trên, trong đề tài này, những *nội dung chủ yếu được nghiên cứu, khảo sát về định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang là:*

- Nhận thức về tầm quan trọng các giá trị nghề DH gồm: nhóm giá trị XH, nhóm giá trị đạo đức, nhóm giá trị nghề GVTH, nhóm giá trị mới, cũng như nhận thức về tầm quan trọng các phẩm chất NC người GVTH, gồm 3 nhóm phẩm chất: đạo đức, kiến thức, kĩ năng

- Thái độ biểu hiện của SV đối với nghề GVTH gồm hứng thú đối với nghề DH, biểu hiện thái độ về mặt hứng thú, tình cảm, niềm tin và mức độ yên tâm đối với nghề.

- Hành vi học tập, rèn luyện nghề DH của SV được thể hiện cụ thể qua 2 nhóm hành vi: hành vi có tính chất bắt buộc và hành vi có tính chất tự giác được SV thực hiện ở các mức độ: rất thường xuyên, thường xuyên, đôi khi, không thường xuyên và hoàn toàn không thường xuyên

- Yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề DH gồm nhóm yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài.

Chương 2

TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Tổ chức nghiên cứu

Việc tổ chức nghiên cứu thực trạng định hướng giá trị nghề DH của SV được tiến hành như sau:

Giai đoạn 1: Nghiên cứu lí luận

- *Mục đích* : Xây dựng hệ thống cơ sở lí luận cho vấn đề nghiên cứu.
- *Thời gian thực hiện* : từ ngày 15-11-2009 đến 10-02-2010

Giai đoạn 2: Nghiên cứu thực trạng và nguyên nhân

- *Mục đích* : Biết được thực trạng định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang, qua đó đề xuất một số giải pháp GD nhằm giúp SV có định hướng giá trị đúng đắn hơn về nghề DH.
- *Thời gian thực hiện:* từ ngày 24-02-2010 đến 24-05-2010

- **Giai đoạn này được thực hiện qua các bước sau:**

Bước 1: Xác định được hệ thống các giá trị cốt lõi của nghề DH cũng như nghề GVTH qua đó định hướng giá trị nghề DH cho SV.

Cơ sở xác định hệ thống giá trị nghề GVTH:

1) Dựa trên hệ thống cơ sở lý luận về giá trị và định hướng giá trị.
2) Dựa trên bản chất của nghề DH. Về bản chất nghề DH khác với những ngành nghề khác là dựa trên NC của người thầy giáo. Nghề thể hiện mối quan hệ ứng xử giữa GV và người học. Do đó đào tạo GV về bản chất là quá trình hình thành ở người SV nhân cách nhà giáo.
3) Dựa trên qui định về đạo đức nhà giáo, luật GD và đặc biệt **chuẩn GVTH** do Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo ban hành.

CHUẨN GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

Chương II: CÁC YÊU CẦUCỦA CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GVTH

Điều 5. Các yêu cầu thuộc lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống

1. Nhận thức tư tưởng chính trị với trách nhiệm của một công dân, một nhà giáo đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bao gồm các tiêu chí sau:

a) Tham gia các hoạt động xã hội, xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước, góp phần phát triển đời sống văn hoá cộng đồng, giúp đỡ đồng bào gặp hoạn nạn trong cuộc sống;

b) Yêu nghề, tận tụy với nghề; sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục học sinh;

c) Qua hoạt động dạy học, giáo dục HS biết yêu thương và kính trọng ông bà, cha mẹ, người cao tuổi; giữ gìn truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam; nâng cao ý thức bảo vệ độc lập, tự do, lòng tự hào dân tộc, yêu nước, yêu chủ CNXH

d) Tham gia học tập, nghiên cứu các Nghị quyết của Đảng, chủ trương chính sách của Nhà nước.

2. Chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước. Bao gồm các tiêu chí sau:

a) Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước;

b) Thực hiện nghiêm túc các quy định của địa phương;

c) Liên hệ thực tế để giáo dục học sinh ý thức chấp hành pháp luật và giữ gìn trật tự an ninh xã hội nơi công cộng;

d) Vận động gia đình chấp hành các chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương.

3. Chấp hành quy chế của ngành, quy định của nhà trường, kỷ luật lao động. Bao gồm các tiêu chí sau:

a) Chấp hàn Quy chế, Quy định của ngành, nghiên cứu , có giải pháp thực hiện

b) Tham gia đóng góp xây dựng và nghiêm túc thực hiện quy chế hoạt động của nhà trường;

c) Thái độ lao động đúng mực; hoàn thành các nhiệm vụ được phân công; cải tiến công tác quản lý học sinh trong các hoạt động giảng dạy và giáo dục;

d) Đảm bảo ngày công; lên lớp đúng giờ, không tuỳ tiện bỏ lớp học, bỏ tiết dạy; chịu trách nhiệm về chất lượng giảng dạy và giáo dục ở lớp được phân công.

4. Đạo đức, NC và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo; tinh thần đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực; ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp; sự tín nhiệm của đồng nghiệp, học sinh và cộng đồng. Bao gồm các tiêu chí sau:

a) Không làm các việc vi phạm phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; không xúc phạm danh dự, nhân phẩm đồng nghiệp, nhân dân và học sinh;

b) Sống trung thực, lành mạnh, giản dị, gương mẫu; được đồng nghiệp, nhân dân và học sinh tín nhiệm;

c) Không có những biểu hiện tiêu cực trong cuộc sống, trong giảng dạy và GD;

d) Có tinh thần tự học, phấn đấu nâng cao phẩm chất, đạo đức, trình độ chính trị chuyên môn, nghiệp vụ; thường xuyên rèn luyện sức khoẻ.

5. Trung thực trong công tác; đoàn kết trong quan hệ đồng nghiệp; phục vụ nhân dân và học sinh. Bao gồm các tiêu chí sau:

a) Trung thực trong báo cáo kết quả giảng dạy, đánh giá học sinh và trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công;

b) Đoàn kết với mọi người; có tinh thần chia sẻ công việc với đồng nghiệp trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ;

c) Phục vụ nhân dân với thái độ đúng mực, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của phụ huynh học sinh;

d) Hết lòng giảng dạy và giáo dục học sinh bằng tình thương yêu, sự công bằng và trách nhiệm của một nhà giáo.

Điều 6. Các yêu cầu thuộc lĩnh vực kiến thức

1. Kiến thức cơ bản. Bao gồm các tiêu chí sau:

a) Nắm vững mục tiêu, nội dung cơ bản của chương trình, sách giáo khoa của các môn học được phân công giảng dạy;

b) Có kiến thức chuyên sâu, đồng thời có khả năng hệ thống hoá kiến thức trong cả cấp học để nâng cao hiệu quả giảng dạy đối với các môn học được phân công giảng dạy;

c) Kiến thức cơ bản trong các tiết dạy đảm bảo đủ, chính xác, có hệ thống;

d) Có khả năng hướng dẫn đồng nghiệp một số kiến thức chuyên sâu về một môn học, hoặc có khả năng bồi dưỡng học sinh giỏi, hoặc giúp đỡ học sinh yếu hay học sinh còn nhiều hạn chế trở nên tiến bộ.

2. Kiến thức về tâm lý học sư phạm và tâm lý học lứa tuổi, giáo dục học tiểu học. Bao gồm các tiêu chí sau:

a) Hiểu biết về đặc điểm tâm lý, sinh lý của học sinh tiểu học, kể cả học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; vận dụng được các hiểu biết đó vào hoạt động giáo dục và giảng dạy phù hợp với đối tượng học sinh;

b) Nắm được kiến thức về tâm lý học lứa tuổi, sử dụng các kiến thức đó để lựa chọn phương pháp giảng dạy, cách ứng xử SP trong GD phù hợp với HS tiểu học;

c) Có kiến thức về giáo dục học, vận dụng có hiệu quả các phương pháp giáo dục đạo đức, tri thức, thẩm mỹ, thể chất và hình thức tổ chức dạy học trên lớp;

d) Thực hiện phương pháp giáo dục học sinh cá biệt có kết quả.

3. Kiến thức về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh. Bao gồm các tiêu chí sau:

a) Tham gia học tập, nghiên cứu cơ sở lý luận của việc kiểm tra, đánh giá đối với hoạt động giáo dục và dạy học ở tiểu học;

b) Tham gia học tập, nghiên cứu các quy định về nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức

kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh tiểu học theo tinh thần đổi mới;

c) Thực hiện việc kiểm tra đánh giá, xếp loại học sinh chính xác, mang tính giáo dục và đúng quy định;

d) Có khả năng soạn được các đề kiểm tra theo yêu cầu chỉ đạo chuyên môn, đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học và phù hợp với các đối tượng học sinh.

4. Kiến thức phổ thông về chính trị, xã hội-nhân văn, kiến thức liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ, tiếng dân tộc. Bao gồm các tiêu chí sau:

a) Thực hiện bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đúng với quy định;

b) Cập nhật được kiến thức về giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật, giáo dục môi trường, quyền và bổn phận của trẻ em, y tế học đường, an toàn giao thông, phòng chống ma túy, tệ nạn xã hội;

c) Biết và sử dụng được một số phương tiện nghe nhìn thông dụng để hỗ trợ giảng dạy như: tivi, cát sét, đèn chiếu, video;

d) Có hiểu biết về tin học, hoặc ngoại ngữ, hoặc tiếng dân tộc nơi giáo viên công tác, hoặc có báo cáo chuyên đề nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Kiến thức địa phương về nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh, huyện, xã nơi giáo viên công tác. Bao gồm các tiêu chí sau:

a) Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và các Nghị quyết của địa phương;

b) Nghiên cứu tình hình và nhu cầu phát triển GD TH của địa phương;

c) Xác định được những ảnh hưởng của gia đình và cộng đồng tới việc học tập và rèn luyện đạo đức của học sinh để có biện pháp thiết thực, hiệu quả trong giảng dạy và giáo dục học sinh;

d) Có hiểu biết về phong tục, tập quán, các hoạt động thể thao, văn hoá, lễ hội truyền thống của địa phương.

Điều 7. Các yêu cầu thuộc lĩnh vực kỹ năng sư phạm

1. Lập được kế hoạch dạy học; biết cách soạn giáo án theo hướng đổi mới. Bao gồm các tiêu chí sau:

a) Xây dựng được kế hoạch giảng dạy cả năm học thể hiện các hoạt động dạy học nhằm cụ thể hoá chương trình của Bộ phù hợp với đặc điểm của nhà trường và lớp được phân công dạy;

b) Lập được kế hoạch tháng dựa trên kế hoạch năm học bao gồm hoạt động chính khoá và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp;

c) Có kế hoạch dạy học từng tuần thể hiện lịch dạy các tiết học và các hoạt động giáo dục học sinh;

d) Soạn giáo án theo hướng đổi mới, thể hiện các hoạt động dạy học tích cực của thầy và trò

(soạn giáo án đầy đủ với môn học dạy lần đầu, sử dụng giáo án có điều chỉnh theo kinh nghiệm sau một năm giảng dạy).

2. Tổ chức và thực hiện các hoạt động dạy học trên lớp phát huy được tính năng động sáng tạo của học sinh. Bao gồm các tiêu chí sau:

a) Lựa chọn và sử dụng hợp lý các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính sáng tạo, chủ động trong việc học tập của học sinh; làm chủ được lớp học; xây dựng môi trường học tập hợp tác, thân thiện, tạo sự tự tin cho học sinh; hướng dẫn học sinh tự học;

b) Đặt câu hỏi kiểm tra phù hợp đối tượng và phát huy được năng lực học tập của học sinh; chấm, chữa bài kiểm tra một cách cẩn thận để giúp học sinh học tập tiến bộ;

c) Có sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học, kể cả đồ dùng dạy học tự làm; biết khai thác các điều kiện có sẵn để phục vụ giờ dạy, hoặc có ứng dụng phần mềm dạy học, hoặc làm đồ dùng dạy học có giá trị thực tiễn cao;

d) Lời nói rõ ràng, rành mạch, không nói ngọng khi giảng dạy và giao tiếp trong phạm vi nhà trường; viết chữ đúng mẫu; biết cách hướng dẫn học sinh giữ vở sạch và viết chữ đẹp.

3. Công tác chủ nhiệm lớp; tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Bao gồm các tiêu chí sau:

a) Xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác chủ nhiệm gắn với kế hoạch dạy học; có các biện pháp giáo dục, quản lý học sinh một cách cụ thể, phù hợp với đặc điểm học sinh của lớp;

b) Tổ chức dạy học theo nhóm đối tượng đúng thực chất, không mang tính hình thức; đưa ra được những biện pháp cụ thể để phát triển năng lực học tập của học sinh và thực hiện giáo dục học sinh cá biệt, học sinh chuyên biệt;

c) Phối hợp với gia đình và các đoàn thể ở địa phương để theo dõi, làm công tác giáo dục học sinh;

d) Tổ chức các buổi ngoại khóa hoặc tham quan học tập, sinh hoạt tập thể thích hợp; phối hợp với Tổng phụ trách, tạo điều kiện để Đội thiếu niên, Sao nhi đồng thực hiện các hoạt động tự quản.

4. Thực hiện thông tin hai chiều trong quản lý chất lượng giáo dục; hành vi trong giao tiếp, ứng xử có văn hoá và mang tính giáo dục. Bao gồm các tiêu chí sau:

a) Thường xuyên trao đổi góp ý với học sinh về tình hình học tập, tham gia các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và các giải pháp để cải tiến chất lượng học tập sau từng học kỳ;

b) Dự giờ đồng nghiệp theo quy định hoặc tham gia thao giảng ở trường, huyện, tỉnh; sinh hoạt tổ chuyên môn đầy đủ và góp ý xây dựng để tổ, khối chuyên môn đoàn kết vững mạnh;

c) Họp phụ huynh HS đúng quy định, có sổ liên lạc thông báo kết quả học tập của từng học sinh, tuyệt đối không phê bình học sinh trước lớp hoặc toàn thể phụ huynh; lắng nghe và cùng phụ

huynh điều chỉnh biện pháp giúp đỡ HS tiến bộ;

d) Biết cách xử lý tình huống cụ thể để giáo dục học sinh và vận dụng vào tổng kết sáng kiến kinh nghiệm giáo dục; ứng xử với đồng nghiệp, cộng đồng luôn giữ đúng phong cách nhà giáo.

5. Xây dựng, bảo quản và sử dụng có hiệu quả hồ sơ giáo dục và giảng dạy. Bao gồm các tiêu chí sau:

a) Lập đủ hồ sơ để quản lý quá trình học tập, rèn luyện của học sinh; bảo quản tốt các bài kiểm tra của học sinh;

b) Lưu trữ tốt hồ sơ giảng dạy bao gồm giáo án, các tư liệu, tài liệu tham khảo thiết thực liên quan đến giảng dạy các môn học được phân công dạy;

c) Sắp xếp hồ sơ một cách khoa học, đúng thực tế và có giá trị sử dụng cao;

d) Lưu trữ tất cả các bài làm của học sinh chậm phát triển và học sinh khuyết tật để báo cáo kết quả giáo dục vì sự tiến bộ của học sinh.

Bước 2: Đưa ra được hệ thống các giá trị cơ bản, cốt lõi của nghề GVTH và xây dựng phiếu điều tra.

Bước 3: Tiến hành điều tra trên khách thể nghiên cứu và xử lí số liệu, sau đó phân tích thực trạng định hướng giá trị nghề DH của SV trường CĐSP Kiên Giang.

Giai đoạn 3: Đề xuất giải pháp định hướng giá trị nghề DH

Từ thực trạng nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nâng cao định hướng giá trị nghề DH cho SVSP trường CĐSP Kiên Giang

2.2 Phương pháp nghiên cứu:

2.2.1 Nghiên cứu lí luận

Bằng việc sử dụng *phương pháp nghiên cứu tài liệu* để thu thập tư liệu và các công trình nghiên cứu, đọc và phân tích theo từng bộ phận, từng mặt, theo lịch sử thời gian để hiểu một cách đầy đủ và toàn diện. Từ đó liên kết các thông tin từ nguồn tư liệu đã đọc và phân tích để xây dựng hệ thống lý thuyết mới đầy đủ và sâu sắc phù hợp với đề tài nghiên cứu và xây dựng các khái niệm công cụ của đề tài.

2.2.2 Nghiên cứu thực trạng

2.2.2.1 Vài nét về địa bàn và khách thể nghiên cứu

Trường CĐSP Kiên Giang tọa lạc gần trung tâm của thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang và được thành lập trên cơ sở trường Trung học Sư phạm Kiên Giang theo Quyết định số 128/1998/QĐ-

TTg, ngày 13/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ. Trường có chức năng đào tạo và bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở, giáo viên tiểu học, giáo viên mầm non. Nhà trường đang trong giai đoạn phát triển và đang được đầu tư xây dựng mở rộng trên diện tích 15ha gồm đầy đủ các khu chức năng. Trang thiết bị phục vụ giảng dạy, nhà thí nghiệm, thư viện đang được trang bị nhằm đáp ứng nhu cầu công tác đào tạo và sinh hoạt của cán bộ, giảng viên và SV. Hằng năm nhà trường tuyển sinh khoảng 800 SV với 18 ngành đào tạo, ngoài ra còn liên kết với các trường đại học để đào tạo các ngành SP và ngoài SP trình độ cao đẳng, đại học.

Về cơ cấu tổ chức bao gồm: Ban giám hiệu, Phòng Đào tạo, Phòng Tổ chức cán bộ công tác SV, Phòng Hành chính quản trị, 03 khoa: Tự nhiên, Xã hội, Tiểu học-mầm non và 01 tổ Bộ môn chung. Tính đến nay (năm học 2009 - 2010), lực lượng nhân sự của trường là 128 cán bộ, giảng viên và công nhân viên. Số giảng viên trực tiếp đứng lớp là 90 và có 22 người đạt trình độ thạc sĩ (trong số đó có 7 nghiên cứu sinh). Giảng viên của trường là lực lượng chính thực hiện nhiệm vụ đào tạo GV đạt chất lượng đáp ứng nhu cầu của tỉnh Kiên Giang.

Năm học 2009-2010, số SV hệ chính quy tập trung của trường khoảng 2000, trong đó SV của khoa Tiểu học-mầm non chiếm gần 50%. Và SV tiểu học khoảng 800 em. Khoa TH-MN có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng GVTH, GV mầm non có trình độ từ trung cấp đến cao đẳng. Toàn khoa hiện có 20 cán bộ, giảng viên, trong đó có 1 thạc sĩ, 1 nhà giáo ưu tú, còn lại có trình độ cử nhân và cao đẳng. Hàng năm khoa còn mở các lớp nghiệp vụ SP tiểu học để khắc phục tình trạng thiếu GVTH của tỉnh. [**http://www.cdspkg.edu.vn]**

2.2.2.2 Phương pháp xác định hệ thống giá trị cốt lõi của nghề DH

Để định hướng giá trị nghề DH cho SVSP một cách đúng đắn, trước hết cần xác định được hệ thống giá trị cốt lõi. Bởi lẽ các giá trị đối với nghề DH là vô cùng. Do đó, vấn đề là phải xác định cho được các *giá trị cốt lõi của nghề DH, đó là các giá trị có tính chất gốc rễ, cội nguồn, từ những giá trị đó làm nảy nở, phát sinh và phát triển các giá trị khác [23,tr.] Các giá trị này sẽ định hướng cho sự phát triển NC người GV.*

a) Phương pháp phân tích tài liệu

Đọc và tham khảo các tài liệu và các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài. Dựa trên cơ sở lý luận về giá trị, định hướng giá trị và định hướng giá trị nghề DH và những cơ sở lý luận có liên quan. Dựa vào luật GD, cũng như một số qui định của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Qui Định về Đạo đức nhà giáo, Qui định về chuẩn GVTH để xác định hệ thống các giá trị cốt lõi của nghề DH.

b) Phương pháp phỏng vấn

Đặc biệt tiến hành trò chuyện, phỏng vấn SV đang theo học tại trường CĐSP Kiên Giang về các vấn đề có liên quan đến nghề DH. (Xem phụ lục 01)

c) Phương pháp ý kiến chuyên gia

Bằng cách lập phiếu hệ thống câu hỏi mở :

- Phiếu thứ nhất lấy ý kiến SV đang trực tiếp học tại trường CĐSP Kiên Giang (Xem phụ lục 02)
- Phiếu thứ hai lấy ý kiến những nhà giáo có kinh nghiệm, uy tín đang trực tiếp giảng dạy tại một số trường phổ thông, cao đẳng, đại học trong tỉnh Kiên Giang. (Xem phụ lục 03)

Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến thu được qua phỏng vấn, qua ý kiến các chuyên gia đối chiếu với cơ sở lý luận, chúng ta có thể liệt kê các giá trị nghề DH theo một hệ thống sau:

Bảng 2.1: Hệ thống giá trị nghề DH cần GD cho SV hệ CĐSP Tiểu học:

Nhóm giá trị	**Stt**	**Hệ thống các giá trị nghề dạy học**
Xã hội	1	Nghề góp phần xây dựng bảo vệ quê hương, đất nước
	2	Đào tạo những công dân có ích cho xã hội
	3	Nghề tái sản xuất mở rộng sức lao động xã hội
	4	Giáo dục học sinh lòng tự hào dân tộc yêu nước
	5	Nghề phát triển kinh tế văn hóa xã hội
	6	Nghề nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài
	7	Nghề giúp mỗi người tự hoàn thiện bản thân
Đạo đức	8	Nghề xây dựng một xã hội nhân văn sâu sắc
	9	Giúp học sinh sống công bằng, bình đẳng, tự trọng
	10	Hình thành ở học sinh tinh thần tôn sư trọng đạo, lễ độ
	11	Giúp học biết tôn trọng phẩm giá, nhân cách
	12	Nghề giúp sống khoan dung, vị tha, nhân ái
	13	Phát huy ở học sinh tính cần cù chịu khó, ham học, tinh thần đoàn kết
	14	Nghề hình thành những nhân cách cao đẹp
Nghề GVTH	15	Hình thành ở HS những cơ sở ban đầu về đạo đức, trí tuệ, thẩm mĩ
	16	Hình thành cho HS nhân cách con người Việt Nam XHCN
	17	Giúp HS phát triển toàn diện nhân cách
	18	Giúp HS có hiểu biết đơn giản, cần thiết về tự nhiên, xã hội, con người
	19	Dạy HS các kĩ năng cơ bản về nghe nói, đọc viết, tính toán
	20	Nghề giúp chúng ta có tính kiên nhẫn
	21	Nghề giúp chúng ta có kiến thức kĩ năng cơ bản để chăm lo gia đình
Mới	22	Hình thành ở HS sự năng động, sáng tạo

	23	Hình thành cho người học tinh thần trách nhiệm cá nhân
	24	Hình thành ở người học tinh thần cạnh tranh, dám nghĩ, dám làm
	25	Giúp HS có niềm tin vào cuộc sống vào lẽ phải
	26	Nghề giúp thế hệ trẻ biết cách tìm tòi, phát hiện chân lý
	27	Giáo dục cho học sinh ý thức vươn lên, biết vượt khó
	28	Giáo dục thế hệ trẻ có ước mơ, hoài bão

Bảng 2.2: Hệ thống các phẩm chất nhân cách nghề GVTH cần giáo dục cho SV hệ CĐTH:

Nhóm phẩm chất	**STT**	**Các phẩm chất nhân cách người GVTH**
Chính trị - đạo đức lối sống	1	Trình độ chuyên môn vững vàng
	2	Hiểu biết sâu rộng
	3	Hiểu rõ đặc điểm tâm sinh lí người học, tâm lí lứa tuổi và tâm lí SP
	4	Có kiến thức về GD, vận dụng hiệu quả PPGD
	5	Có kiến thức về kiểm tra đánh giá kết quả học tập rèn luyện của HS
	6	Thành thạo vi tính, giỏi ngoại ngữ
	7	Hiểu biết về tình hình kinh tế văn hóa XH của địa phương
Kiến thức	8	Kỹ năng lập kế hoạch GD và DH
	9	Kỹ năng tổ chức và thực hiện các HĐDH
	10	Kỹ năng làm công tác chủ nhiệm
	11	Kỹ năng tổ chức các HĐGD ngoài giờ lên lớp
	12	Kỹ năng ứng xử và giao tiếp SP
	13	Kỹ năng xây dựng, bảo quản đồ dùng DH
	14	Kỹ năng quản lý HS
Kĩ năng	15	Có lý tưởng XHCN
	16	Có tinh thần yêu nước
	17	Có trách nhiệm công dân, trách nhiệm nghề nghiệp
	18	Yêu nghề, thương yêu HS
	19	Ý thức phấn đấu, vươn lên trong nghề nghiệp
	20	Năng động, sáng tạo
	21	Nhạy bén và linh hoạt

2.2.2.3 Khảo sát thực trạng định hướng giá trị nghề DH của SV trường CĐSP Kiên giang

a) Cách chọn mẫu nghiên cứu.

Mẫu nghiên cứu được chọn ngẫu nhiên từ SV năm nhất và SV năm ba để phát phiếu. Tổng số phiếu phát ra 330 thu về 319 phiếu trong đó có 9 phiếu không hợp lệ. Như vậy số phiếu hợp lệ được đưa vào xử lý là 310 và được phân bố như sau:

Bảng 2.2: Khách thể nghiên cứu theo giới tính, năm học, khu vực và nghề nghiệp gia đình

Giới tính		**Năm học**		**Hộ khẩu**			**Nghề nghiệp gia đình**			
Nam	Nữ	I	III	Thị xã	Thị trấn	Nông thôn	Làm ruộng	Buôn bán	Công nhân viên	Nghề khác
96 31%	214 69%	179 57,7%	131 42,3%	24 7,7%	48 15,5 %	238 76,8%	255 82,3%	19 9,4%	16 5,2%	10 3,2%
310		310		310			310			

b) Phương pháp điều tra bằng bảng câu hỏi

Đây là một trong những phương pháp chính để điều tra thực trạng định hướng giá trị nghề DH của SV. Cách xây dựng bảng hỏi được tiến hành như sau:

Sau khi xác định hệ thống giá trị nghề DH, kết hợp với cơ sở lí luận, người nghiên cứu xây dựng phiếu điều tra chính thức. Phiếu điều tra gồm các câu hỏi nhằm thực hiện các nhiệm vụ của đề tài. Cụ thể như sau:

- ***Khảo sát sự lựa chọn tính chất nghề DH:***

Câu 2. Khảo sát về sự lựa chọn các tính chất của nghề DH, gồm có 12 tính chất. Mỗi tính chất được ***đánh giá theo 5 mức độ: rất phù hợp (5 điểm), phù hợp (4 điểm), ít phù hợp (3 điểm), không phù hợp (2 điểm), hoàn toàn không phù hợp (1 điểm)***. Người được hỏi sẽ chọn 1 trong 5 mức mà cho là phù hợp với mình nhất.

Câu 3: Khảo sát tính chất nghề DH được ưu tiên nhất bằng cách xếp hạng.

- ***Khảo sát thực trạng định hướng giá trị nghề DH của SV***

➢ ***Nhóm câu hỏi khảo sát sự nhận thức của SV về giá trị nghề DH, gồm các câu hỏi sau:***

Câu 4: Nhận thức của SV về mức độ quan trọng các giá trị nghề DH. Có 28 giá trị được đưa ra chia đều cho 4 nhóm: Nhóm giá trị xã hội từ: 1 đến 7; Nhóm giá trị đạo đức: từ 8 đến 14; Nhóm giá trị đặc thù nghề GVTH: từ 15 đến 21; Nhóm giá trị mới:từ 22 đến 28. Và ***mỗi giá trị được đánh giá theo 5 mức: Rất quan trọng (5 điểm), quan trọng (4 điểm), bình thường (3 điểm), không quan trọng (2 điểm) và hoàn toàn không quan trọng (1 điểm).***

Câu 5: Khảo sát những yêu cầu về phẩm chất nhân cách người GVTH, được chia làm 3 nhóm:

+ Nhóm những yêu cầu về phẩm chất đạo đức-lối sống (câu 1-7)

+ Nhóm những yêu cầu về kiến thức (câu 8-14)

+ Nhóm những yêu cầu về kĩ năng (câu 15-21)

Mỗi phẩm chất trong NC cũng ***được đánh giá theo 5 mức: Rất quan trọng (5 điểm), quan trọng (4 điểm), bình thường (3 điểm), không quan trọng (2 điểm) và hoàn toàn không quan trọng (1 điểm)***.

Câu 6: Ý kiến đánh giá về nghề DH. Gồm 16 ý kiến cả tích cực lẫn tiêu cực, người được hỏi sẽ chọn 1 trong 5 mức độ để trả lời: ***rất đúng (5 điểm), đúng (4 điểm), phân vân (3 điểm), không đúng (2 điểm) và hoàn toàn không đúng (1 điểm).*** Đối với việc lựa chọn các ý kiến tiêu cực các điểm số được qui đổi ngược lại. Nhóm ý kiến tích cực gồm các câu: 1, 3, 5, 7, 9, 11, 13, 15; Nhóm ý kiến tiêu cực: 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16

- ***Nhóm câu khảo sát thái độ đối với nghề dạy học.***

Câu 1: Tìm hiểu hứng thú của SV đối với nghề DH, gồm 5 yếu tố được đưa ra:***1) Rất thích, 2) Thích, 3) Bình thường, 4) Không thích, 5) Hoàn toàn không thích***, người trả lời chọn 1 trong 5 yếu tố mà phù hợp nhất.

Câu 7: Khảo sát thái độ biểu hiện đối với nghề DH. Gồm 12 biểu hiện được đưa ra và chia làm 3 nhóm: Nhóm hứng thú: (câu 1,4,7,10); Nhóm tình cảm (câu 2,5,8,11), Nhóm niềm tin: (câu 3,6,9,12). Thang thái độ ***được đánh giá theo 5 mức: rất đúng (5 điểm), đúng (4 điểm), phân vân (3 điểm), không đúng (2 điểm), hoàn toàn không đúng (1 điểm).***

Câu 8: Tìm hiểu mức độ yên tâm của SVSP tiểu học với nghề DH.

- ***Nhóm câu khảo sát về hành vi và yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề DH của SV.***

Câu 9: Dùng để khảo sát mức độ chăm chỉ, học tập, rèn luyện nghề của SV gồm 14 hành vi, chia làm 2 nhóm. Nhóm hành vi mang tính chất bắt buộc từ câu 1 đến câu 7 và nhóm hành vi tự giác từ câu 8 đến 14. Mỗi câu ***được đánh giá theo 5 mức : rất thường xuyên (5 điểm), thường xuyên (4 điểm), ít thường xuyên (3 điểm), không thường xuyên (2 điểm), và chưa bao giờ (1 điểm)***.

<u>Câu 10</u>: Tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề DH của SV, gồm 2 nhóm yếu tố - yếu tố bên trong từ 1 đến 10 và yếu tố bên ngoài: từ 11-25. ***Mỗi yếu tố được đánh giá theo 5 mức ảnh hưởng: rất nhiều (5 điểm), nhiều (4 điểm), bình thường (3 điểm), không ảnh hưởng (2 điểm), và hoàn toàn không (1 điểm).***

<u>Câu 11</u>: Là câu hỏi mở dùng để thu thập các giải pháp GD định hướng giá trị nghề DH cho SV trường Cao Đẳng Sư Phạm Kiên Giang.

Những câu hỏi còn lại dùng để thu thập thông tin bổ sung thêm cho vấn đề nghiên cứu.

❖ **VỀ THANG ĐÁNH GIÁ**

- Đối với các câu hỏi cho điểm được quy ra điểm trung bình (ĐTB) và các điểm trung bình được đánh giá theo các mức sau:

  ĐTB từ **trên 4.5 đến 5:** Mức độ rất cao

  ĐTB từ **trên 3.5 đến 4.5**: Mức độ cao và khá cao

  ĐTB từ **trên 2.5 đến 3.5**: Mức độ trung bình

  ĐTB trong khoảng từ **1.5 – 2.5** : Mức độ thấp

  ĐTB **dưới 1.5** : Mức độ rất thấp

- Đối với các câu: Câu1, câu 3, câu 8 được tính theo tần số và tỉ lệ %

c) Phương pháp thống kê toán học

Với tất cả số liệu đã thu được, tác giả sử dụng phần mềm máy tính SPSS để thống kê tỉ lệ phần trăm (%), tính điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (SD), so sánh sự khác biệt giữa các nhóm khách thể với số lượng 2 mẫu bằng cách dùng kiểm nghiệm T-test với mức ý nghĩa $\alpha = 0.05$ và kiểm nghiệm ANOVA cũng với mức ý nghĩa $\alpha = 0.05$ để tìm ra biến số kiểm nghiệm F và xác xuất P giữa 4 nhóm giá trị nghề DH.

Tuy nhiên chúng ta gặp khó khăn khi so sánh giữa các nhóm vì tỉ lệ thành phần giữa các nhóm có sự chênh lệch. Do đó, dựa trên tổng số mẫu đã được điều tra, người nghiên cứu xác định phương thức so sánh giữa các nhóm SV như sau để có tỉ lệ phù hợp nhất:

- Nhóm SV theo giới tính: 100% SV nam, chọn ngẫu nhiên 30% SV nữ để ghép chung.

- Nhóm SV theo năm học: 100% SV năm III, chọn ngẫu nhiên 40% SV năm I.

- Nhóm SV theo hộ khẩu: 100% SV thuộc nhóm thành thị, chọn ngẫu nhiên 25% SV thuộc nhóm nông thôn để ghép chung.

Như vậy trong phần khảo sát thực trạng này chúng ta có 2 nhóm số liệu. Nhóm 1 là tất cả các phiếu hợp lệ dùng để phân tích tổng quan trên toàn mẫu khách thể điều tra. Nhóm 2 là những phiếu đã được lựa chọn ngẫu nhiên theo các nhóm khách thể dùng để phân tích tính khác biệt giữa các nhóm SV.

Chương 3

THỰC TRẠNG ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ NGHỀ DẠY HỌC CỦA SINH VIÊN HỆ CAO ĐẲNG TIỂU HỌC TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM KIÊN GIANG

3.1. Sự lựa chọn tính chất nghề DH của SV trường CĐSP Kiên Giang

3.1.1 Sự lựa chọn các tính chất nghề DH

Như chúng ta đều biết tiền đồ của một đất nước, tương lai của một dân tộc phụ thuộc rất nhiều vào thế hệ trẻ sau này. SVSP là những thầy cô giáo tương lai thực hiện việc GD thế hệ trẻ cho XH. Như thế, điều quan trọng trước hết để đào tạo được đội ngũ thế hệ trẻ tốt thì SVSP phải xác định rõ tính chất nghề DH. Bởi lẽ, tính chất nghề DH là một phạm trù cơ bản và quan trọng của của khoa học GD. Nó phản ánh các thuộc tính cơ bản của nghề DH và làm bộc lộ mối quan hệ của nghề DH với các đối tượng có liên quan. Việc xác định tính chất nghề DH nói lên bản chất của toàn bộ quá trình hình thành NC của HS.

Bảng 3.1: Sự lựa chọn tính chất nghề dạy học

Các tính chất nghề DH	Mức độ rất phù hợp và phù hợp		TB	Xếp hạng
	F	%		
Tính tích cực	**309**	**99.7**	**4.68**	**1**
Tính sáng tạo	**304**	**98.0**	**4.63**	**2**
Tính khoa học	**302**	**97.4**	**4.55**	**3**
Tính lao động trí óc	285	91.9	4.41	4
Tính phát triển	275	88.7	4.40	5
Tính phổ thông	272	87.7	4.39	6
Tính toàn diện	255	82.2	4.00	7
Tính nghệ thuật	233	75.1	3.98	8
Tính nhân văn	210	67.8	3.81	9
Tính hiện đại	**202**	**65.0**	**3.79**	**10**
Tính dân tộc	**184**	**59.4**	**3.66**	**11**
Tính chính trị	**155**	**50**	**3.42**	**12**

Thông qua 12 tính chất đặc trưng của nghề DH được đưa ra để SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang lựa chọn được thể hiện trong bảng 3.1 cho thấy: có *11/12* tính chất nghề DH được đa số SV chọn là *hoàn toàn phù hợp với nghề DH*. (Vì điểm TB >3.5; ĐTB thấp nhất 3.66).

Trong 12 tính chất đó, dẫn đầu mức độ phù hợp và rất phù hợp được gần như 100% SV chọn là *tính tích cực* (*ĐTB cao nhất: 4.68)* cho thấy: *các em đã khẳng định tích tích cực là rất phù hợp với DH*. Đây là một kết quả khá bất ngờ với đối tượng SVSP ở một tỉnh lẻ, bởi lẽ các em đã có một cái nhìn rất đúng với bản chất của QTDH. Thật vậy, không phải DH trong thời này mới chú trọng đến việc phát huy tính tích cực nhận thức ở người học mà ngay từ thời cổ đại từ Khổng Tử cho đến Aristo đã thừa nhận ý nghĩa to lớn của việc phát huy tính tích cực, chủ động nhận thức ở HS. Và đến thế kỉ thứ 17, J.A Komenxki nhà sư phạm lỗi lạc cũng đưa ra các biện pháp DH bắt HS phải *tìm tòi, suy nghĩ* để tự nắm bắt bản chất của sự vật. Còn ngày nay, quan điểm mới của QTDH thừa nhận tính tích cực chính là yếu tố quyết định đến sự thành công ở mỗi người. Như vậy, tính chất hàng đầu của nghề DH phải là tính tích cực. Và tư tưởng DH *tích cực* đã là một chủ trương quan trọng của ngành GD nước ta. Với tất cả ý nghĩa này SVSP trường CĐSP Kiên Giang lựa chọn tính tích cực là một trong những tính chất phù hợp nhất của nghề DH là điều dễ hiểu và đúng đắn.

Theo ngay sau đó là *tính sáng tạo* có 98% SV lựa chọn ở mức *rất phù hợp và phù hợp,* với *(ĐTB >4.5)* chứng tỏ hầu hết SV cho rằng tính sáng tạo rất phù hợp với nghề DH. Sự lựa chọn này hoàn toàn phù hợp và đúng đắn. Bởi lẽ sự tích cực, chủ động, tìm tòi, tư duy đi liền với sự sáng tạo. Như là một điều tất yếu SVSP hiểu rõ hơn ai hết nhiệm vụ của người thầy là phát huy ở người học khả năng tích cực, chủ động, sáng tạo để tìm tòi cái mới. Đây là một trong những vấn đề trung tâm của quá trình hình thành NC. Mặt khác, trong khoa học GD không chấp nhận một khuân mẫu nhất định, bất biến. Khoa học sư phạm là khoa học biện chứng, linh động, phức tạp và nhiều mặt nhất trong các khoa học.

Xếp thứ 3 là *tính khoa học,* cũng được trên 90% chọn ở mức rất phù hợp và phù hợp với nghề DH (*chiếm 97,4% ; ĐTB: 4.55*). Thật vậy, có thể nói SVSP cho là nghề DH phải mang tính khoa học là hoàn toàn đúng đắn. Bởi lẽ, SV là tầng lớp trí thức các em hiểu rõ làm gì cũng phải có khoa học mới đem lại hiệu quả cao. Hơn nữa, DH thuộc lĩnh vực của khoa học GD – một trong những ngành khoa học khó khăn và phức tạp nhất. Vì vậy, muốn GD con người thành công phải tuân theo các qui luật DH và phát triển của QTDH và GD.

Tính lao động trí óc được xếp thứ 4 (ĐTB:4.41) với trên 93% lựa chọn mức độ rất phù hợp và phù hợp. Đây là một điều khá bất ngờ khi biết SVSP Kiên Giang nhận định rất đúng khi chọn nghề DH thuộc loại lao động trí óc. Bởi theo số liệu khảo sát có hơn ¾ SV sống ở khu vực nông thôn và trên 80% nghề nghiệp chính của gia đình làm ruộng.

Xếp vị trí *thứ 5, thứ 6, thứ 7,* lần lượt thuộc về *tính phát triển, tính phổ thông, tính toàn diện.* Các tính chất này cũng được các em xếp vào mức khá phù hợp (*ĐTB 4.0 trở lên*). Với sự lựa chọn này chứng tỏ các em hiểu rõ DH phải làm phát triển con người. Và phần nào các em cũng đã hiểu rõ mục tiêu của GD nói chung và mục tiêu của GD tiểu học nói riêng là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện có tri thức phổ thông cơ bản, hiện đại. Còn *Tính nghệ thuật* với *ĐTB: 3.98* xếp thứ 8 cũng được trên 75% SV chọn ở mức độ phù hợp và rất phù hợp, điều này nói lên SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang nhận thức được nghề DH không phải đơn giản, bởi đối tượng tác động trực tiếp của nhà giáo là con người.

Các tính chất nghiêng về GD: *tính nhân văn, tính hiện đại, tính dân tộc, tính chính trị* được xếp với các thứ hạng thấp nhất. Đây là một điều cần phải quan tâm chú ý, bởi lẽ có thể các em chưa xem trọng về mặt GD đạo đức NC cho người học.

Trong sự khảo sát này điều đáng quan ngại nhất ở đây là *tính chính trị* đã không được đánh giá cao (vì xếp cuối cùng với ĐTB: 3.42), cho thấy các em nhận xét *tính chính trị* ít phù hợp với nghề DH hơn so với các tính chất khác. Phải chăng các em chưa hiểu rõ tính chất chính trị trong DH, hay các em quan niệm chính trị là một điều rất khó để nói. Hay vì một lý do nào khác. Để hiểu rõ vấn đề này cần phải thực hiện một cuộc điều tra xã hội học chuyên sâu hơn.

Tóm lại, với kết quả khảo sát về sự lựa chọn tính chất nghề DH của SV CĐSP Kiên Giang nói trên cho chúng ta một số chú ý sau:

Thật ra, rất nhiều các tính chất trong lĩnh vực khoa học GD đã được rất nhiều tài liệu, nhiều tác giả, nhiều công trình nghiên cứu … đưa ra. Theo kết quả thăm dò XH học của tác giả Thái Duy Tuyên các tính chất GD được lựa chọn với tỉ lệ cao là: Tính định hướng XHCN: 90%, Tính khoa học: 83%, tính dân tộc: 75%, tính toàn diện: 73%, tính công bằng: 70%, tính hiện đại: 68%, tính nhân văn: 59%. Các tính chất còn lại được đề cập với tỉ lệ thấp. [51,tr.72]. Còn với 12 tính chất thuộc về nghề DH được đưa ra trong cuộc khảo sát này đều được đa số SV CĐTH của trường CĐSP Kiên Giang chọn với mức độ phù hợp khá cao. Điều này cho chúng ta một cái nhìn lạc quan về quá trình định hướng giá trị nghề DH cho SVSP trường CĐSP Kiên Giang, vì ngay từ bước đầu các em đã có sự lựa chọn khá đúng đắn. Tuy nhiên trong sự lựa chọn đó cần lưu ý: *các em thiên về các tính chất thuộc về quá trình DH hơn là các tính chất nghiêng về GD.* Mà như chúng ta đều biết điều quan trọng nhất trong GD là: thông qua dạy chữ để dạy người. Đặc biệt đối với bậc tiểu học thì quan trọng trước hết phải hình thành ở HS một nền tảng về đạo đức NC sau đó mới nói đến mặt trình độ, tri thức.

3.1.2 Những tính chất nghề DH được SV xếp theo thứ tự ưu tiên

Trong 12 tính chất nghề DH đã được đề cập và khảo sát trong SV hệ CĐTH, theo sự nhìn nhận của các em thì tất cả 12 tính chất các em khẳng định thật sự phù hợp với nghề DH. Tuy nhiên, một lần nữa để khẳng định những tính chất nghề DH nào được các em ưu tiên là phù hợp nhất với nghề DH. Và sự lựa chọn của các em đã thật sự logic. Chúng ta tiếp tục tìm hiểu qua sự ưu tiên xếp hạng cho các tính chất đó thông qua câu hỏi số 3. Dựa trên bảng 1, phụ lục 05 cho thấy:

Những tính chất nghề DH được các em quan tâm nhất và đồng ý nhất được xếp hạng theo thứ tự ưu tiên từ 1→ 3 lần lượt là: tính khoa học, tính tích cực, tính sáng tạo. Cụ thể:

- Ở mức ưu tiên 1, thì 4 tính chất có tần số và tỉ lệ cao nhất gồm: *Tính khoa học* (31.7%), theo sau đó là *tính tích cực* (27.1%), *tính sáng tạo* (16.5 %), *tính lao động trí óc* (9,7 %). Các tính chất còn lại có tỉ lệ không đáng kể. Đặc biệt chúng ta không thấy sự hiện diện của *tính chính trị* và *tính hiện đại*.
- Ở mức ưu tiên 2: tính chất có tần số cao nhất vẫn là *tính tích cực, tính sáng tạo, tính khoa học, tính lao động trí óc.* Còn các *tính chất nghiêng về GD* vẫn có tỉ lệ thấp. Mặt khác *tính chính trị* (0.6 %), *tính hiện đại* (0.6 %) có tỉ lệ thấp nhất và không đáng kể.
- Ưu tiên 3 cho thấy: *tính sáng tạo* chiếm tỉ lệ cao nhất (20.6%), kế đó là các *tính chất phổ thông*, *nhân văn*, *toàn diện*.

Qua việc thống kê trên cho thấy, các tính chất nghề DH được SV ưu tiên đồng ý hơn hết là *tính tích cực, tính sáng tạo, tính khoa học*. Đối chiếu với sự lựa chọn trên cho thấy có sự trùng hợp vì hầu hết các em cũng lựa chọn *tính tích cực, tính sáng tạo và tính khoa học* là phù hợp nhất với nghề DH. Tuy nhiên, ở mức ưu tiên 3 chúng ta chỉ thấy *tính sáng tạo* có tỉ lệ lựa chọn cao nhất. *Tính khoa học, tính tích cực* không được ưu tiên mà thay vào đó lại ưu tiên cho *tính phổ thông, tính nhân văn,* rồi đến *tính toàn diện.* Điều này cho thấy sự lựa chọn và đánh giá của các em đôi khi còn chưa được tập trung lắm và hơi có sự mâu thuẫn. Ở đây, các em quan niệm DH ưu tiên hàng đầu vẫn phải tuân theo khoa học.Tiếp theo trong DH thì điều quan trọng vẫn là phát huy sự tích cực, sáng tạo ở người học. Mặc dù vậy, sau sự ưu tiên đó trong suy nghĩ các em vẫn còn chỗ ưu tiên dành cho yếu tố nhân văn.

Như vậy, qua việc khảo sát cộng với các số liệu thống kê về sự lựa chọn và đánh giá các tính chất nghề DH nói lên SVSP nói chung và SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang nói riêng phần nào có sự đồng nhất thừa nhận các tính chất được đưa ra là phù hợp với nghề DH. Song bên cạnh đó tính chính trị chưa được các em cho là phù hợp với nghề DH.

3.2 Thực trạng định hướng giá trị nghề DH của SV

3.2.1 Nhận thức của SV CĐTH về giá trị nghề DH

3.2.1.1 Nhận thức của SV về tầm quan trọng (QT) các giá trị nghề DH

a) Kết quả nhận thức của SV về tầm quan trọng các giá trị nghề DH tính trên toàn mẫu

Bảng 3.2: Nhận thức của SV về tầm quan trọng các giá trị nghề DH.

Nhóm giá trị	STT	Các giá trị nghề DH	QT và rất QT		TB	Thứ hạng
			F	%		
Xã hội	1	Nghề góp phần xây dựng bảo vệ quê hương đất nước	231	74.5	3.99	20
	2	Đào tạo những công dân có ích cho XH	**305**	**98.4**	**4.72**	**2**
	3	Nghề tái sản xuất mở rộng sức lao động XH	224	72.2	3.92	23
	4	Giáo dục HS lòng tự hào dân tộc, yêu nước	**300**	**96.7**	**4.59**	**3**
	5	Nghề phát triển kinh tế, XH, văn hóa	274	88.4	4.28	11
	6	Nghề nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài	**306**	**98.8**	**4.78**	**1**
	7	Nghề giúp mỗi người tự hoàn thiện bản thân	247	79.7	3.99	18
Đạo đức	8	Nghề xây dựng một XH nhân văn sâu sắc	272	87.8	4.28	12
	9	Giúp HS sống công bằng, bình đẳng, tự trọng	232	74.8	3.92	22
	10	Hình thành ở HS tinh thần tôn sư trọng đạo, lễ độ	**287**	**92.6**	**4.39**	**6**
	11	Giúp HS biết tôn trọng phẩm giá, NC	263	84.9	4.20	14
	12	Nghề giúp sống khoan dung, vị tha, nhân ái	178	57.1	3.66	25
	13	Phát huy ở HS tính cần cù chịu khó, ham học tinh thần đoàn kết.	**285**	**91.9**	**4.31**	**9**
	14	Nghề hình thành những NC cao đẹp	**292**	**94.2**	4.48	**4**
GV TH	15	Hình thành ở HS những cơ sở ban đầu về đạo đức, trí tuệ, thẩm mĩ	**281**	**90.7**	**4.34**	7
	16	Hình thành ở HS NC con người Việt Nam XHCN	183	59.1	3.69	24
	17	Giúp HS phát triển toàn diện NC	**280**	**90.4**	**4.29**	**10**
	18	Giúp HS có hiểu biết đơn giản, cần thiết về tự nhiên, XH, con người.	235	75.8	3.99	19
	19	Dạy HS các kĩ năng cơ bản về nghe, nói, đọc, viết, tính toán	**264**	**85.2**	**4.33**	**8**
	20	Nghề giúp chúng ta có tính kiên nhẫn	**177**	**57.0**	**3.66**	**26**
	21	Nghề giúp chúng ta có kiến thức, kỹ năng cơ bản để chăm lo gia đình	**112**	**36.2**	**3.30**	**28**
Mới	22	Hình thành ở HS sự năng động, sáng tạo.	236	76.2	3.97	21
	23	Hình thành ở người học tinh thần trách nhiệm cá nhân	248	80.0	4.03	17

	24	Hình thành cho người học tinh thần cạnh tranh, dám nghĩ dám làm.	**169**	**54.5**	**3.57**	**27**
	25	Giúp HS có niềm tin vào cuộc sống, vào lẽ phải	267	86.1	4.18	15
	26	Nghề giúp thế hệ trẻ biết cách tìm tòi, phát hiện chân lý	260	83.9	4.16	16
	27	GD cho HS ý thức vươn lên, biết vượt khó.	276	89.1	4.20	13
	28	GD thế hệ trẻ có ước mơ, hoài bão.	**289**	**93.8**	**4.39**	**5**

Thông qua kết quả bảng 3.2, trong 28 giá trị được đưa ra khảo sát cho biết: Hầu như ***tất cả 28 giá trị đều được các em cho là quan trọng*** (ĐTB>3.5). Trong đó có 23/28 giá trị có tỉ lệ lựa chọn mức độ quan trọng và rất quan trọng là rất cao (trên 70%) và chỉ có 1 giá trị được cho là bình thường (ĐTB: 3.30) đối với nghề DH nói chung và nghề GVTH nói riêng.

Trước hết ba giá trị được xếp ở thứ hạng cao nhất trong bảng xếp hạng là *nghề nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài* (xếp thứ 1); *đào tạo những công dân có ích cho XH* (xếp thứ 2); *GD HS lòng tự hào dân tộc, yêu nước* (xếp thứ 3). Cả 3 giá trị này đều được đánh giá ở mức rất quan trọng (Vì ĐTB >4.5). Thật vậy, trong tất cả các nhân tố góp phần tạo nên sự phát triển kinh tế - XH thì nhân tố người giữ vị trí trung tâm, quyết định đối với toàn bộ hệ thống các nhân tố khác tạo nên sự phát triển chung. Tuy nhiên, GD thực hiện trọng trách đào tạo con người đáp ứng những yêu cầu của sự phát triển kinh tế XH. Do vậy mà bất kỳ quốc gia nào cũng ưu tiên để đầu tư cho GD. Và "thực sự coi giáo dục – đào tạo là quốc sách hàng đầu" cũng là chính sách hàng đầu của Việt Nam. Bên cạnh đó mục tiêu GD tổng quát nước ta đã được xác định "Phát triển GD nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài". Qua đây cho thấy, với các chính sách quan trọng đối với GD như vậy thì bất cứ người dân nào cũng hiểu được vai trò quan trọng của GD nhà trường trong việc nâng cao trình độ hiểu biết cho người dân và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng những yêu cầu của sự phát triển kinh tế XH. Do đó SVSP hơn ai hết phải hiểu rõ được vai trò của người thầy trong việc góp phần nâng cao trình độ hiểu biết của người học, cũng như góp phần dạy dỗ GD HS của mình trở thành những tài năng cho đất nước. Như vậy SVSP Kiên Giang cho là nghề DH quan trọng nhất phải là *"Góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài"* và *"Đào tạo những công dân có ích cho xã hội"* là một sự nhận thức hoàn toàn phù hợp với trình độ SVSP.

Còn giá trị *"Giáo dục học sinh lòng tự hào dân tộc, yêu nước"* được xếp thứ ba với mức rất quan trọng cũng là điều dễ hiểu. Bởi bất cứ một công dân của một quốc gia nào đều mang trong mình tinh thần ái quốc và tự hào dân tộc đối với họ. Đặc biệt tự hào dân tộc và yêu nước là những giá trị truyền thống quí báu của dân tộc Việt Nam. Hơn nữa, SV là tầng lớp trí thức nên vẫn luôn ý thức được tinh thần dân tộc, ý thức được những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Theo

giáo sư Trần Văn Giàu các giá trị truyền thống đó là: yêu nước, cần cù, anh hùng, sáng tạo, lạc quan, thương người, vì nghĩa. Đây là những giá trị quí báu tạo nên cốt cách, bản sắc, tâm hồn Việt Nam. Bên cạnh đó còn một số giá trị khác của dân tộc Việt Nam cũng cần GD cho thế hệ trẻ như: tôn sư trọng đạo, tinh thần đoàn kết, vượt khó, ham học hỏi…. Chính vì thế việc ý thức rõ DH phải GD học sinh lòng tự hào dân tộc yêu nước, phải GD cho HS các truyền thống tốt đẹp của dân tộc là trách nhiệm vụ của người đi trước. Như vậy SVSP đánh giá cao giá trị này là rất đúng. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp và đúng đắn khi hai giá trị thuộc giá trị truyền thống mà thầy cô giáo cần hình thành cho thế hệ trẻ :*"Hình thành ở HS tinh thần tôn sư trọng đạo,biết lễ độ"*,*"Phát huy ở HS tính cần cù, chịu khó, lòng ham học hỏi, tinh thần đoàn kết"* cũng được các em xếp ở thứ hạng cao - hàng "topten" (lần lượt xếp thứ 6 và thứ 9, với ĐTB là 4.39 và 4.31) trong 28 giá trị nghề DH được đưa ra. Như thế, SVSP hệ CĐTH vẫn đánh giá cao giá trị truyền thống và làm thế nào để GD các giá trị truyền thống cho HS là một trong những vấn đề mà các em quan tâm. Đây là một điều đáng mừng cho các giảng viên trường CĐSP Kiên Giang khi biết điều này.

Tiếp theo trong bảng xếp hạng ta thấy tiêu chí "*Nghề DH là nghề hình thành những NC cao đẹp"* được đa số SV nhận thức rất quan trọng (xếp thứ 4, ĐTB: 4.48). Điều này cũng thật dễ hiểu vì XH tin tưởng giao phó việc dạy dỗ con em họ cho các thầy cô giáo. Ngay trong xã hội nguyên thủy những người đảm nhận việc chuẩn bị cho trẻ em bước vào cuộc sống là các thủ lĩnh của bộ lạc. Trong các nước Phương Đông ngày xưa người ta lựa chọn thầy giáo là những người rất tử tế. Ở Hylạp cổ đại thầy giáo là những công dân thông minh, tài ba nhất. Ở La Mã, hoàng đế chỉ định thầy giáo trong số những quan chức có học thức và hiểu biết nhất. Ngày nay, thầy giáo là những người tài giỏi có đạo đức luôn được xã hội tôn trọng và yêu mến. Người thầy giáo chính là người thực hiện việc GD thế hệ trẻ trong nhà trường. Chính nơi đây, những mầm mống năng khiếu của mỗi người được phát hiện và bồi dưỡng, những ước mơ khát vọng được nuôi nấng để mai này nở rộ những tài năng. Người thầy giáo vun trồng những nhà thơ tương lai, nhà bác học lừng danh, các chính trị gia tài ba… Hiểu được điều này SVSP đánh giá cao tiêu chí hình thành những NC cao đẹp là giá trị rất quan trọng của nghề DH hoàn toàn phù hợp với mong muốn của XH.

Giá trị được được xếp thứ 5 *"Giáo dục thế hệ trẻ có ước mơ, hoài bão"* với ĐTB cũng rất cao (ĐTB:4.39). Tại sao SV lại đánh giá cao việc GD ước mơ hoài bão cho HS mà không phải là tri thức, kĩ năng kĩ xảo. Với sự nhận thức này có thể SVSP nói riêng, thế hệ thanh niên SV hiện nay nói chung đã nhận thức rất rõ vai trò của ước mơ hoài bão…Họ hiểu rằng chính những người biết ước mơ, có hoài bão vun đắp cho họ trở thành những NC lớn.

Tiếp theo 3 tiêu chí thuộc nhóm giá trị nghề GVTH là: *"Hình thành ở HS những cơ sở ban đầu về đạo đức, trí tuệ, thẩm mĩ"*, *"Dạy HS các kĩ năng cơ bản về nghe nói, đọc, viết, tính toán"* và

tiêu chí*"Giúp HS phát triển toàn diện NC"* được xếp ở vị trí thứ 8 và thứ 9 (ĐTB lần lượt: 4.33 và 4.31 và 4.29). Các tiêu chí này chính là mục tiêu của GDTH vì thế mà SV thuộc bậc CĐTH đánh giá chúng ở mức khá quan trọng là điều dễ hiểu. Qua đây cho thấy các em hiểu rất rõ mục tiêu của giáo dục tiểu học. Hơn nữa, bản thân các em sẽ là những GVTH thì các em phải biết rất rõ điều này hơn ai hết. Tuy nhiên, trong 7 giá trị thuộc về nhóm giá trị nghề giáo viên tiểu học thì chỉ có 3 giá trị này được các em xếp vào vị trí hàng topten. Còn lại 5 giá trị tuy là điểm TB khá cao (>3.5) nhưng xếp sau các giá trị khác. Đặc biệt là với tiêu chí: "*Giúp HS có hiểu biết đơn giản, cần thiết về tự nhiên xã hội con người"* cũng nằm trong mục tiêu của giáo dục tiểu học lại được xếp ở vị trí không cao (xếp thứ 19). Thật sự với HS tiểu học ngoài việc DH trang bị tri thức, hình thành các kĩ năng cơ bản nền tảng, thì điều quan trọng về mặt GD là ngay từ nhỏ phải giúp các em những điều rất cần thiết của cuộc sống để các em sau này thích nghi với XH vốn phức tạp muôn hình muôn vẻ. Điều này phần nào cũng nói lên trong DH ngay từ bậc tiểu học chúng ta đã quá chú trọng nhồi nhét kiến thức mà quyên đi việc hình thành cho các em kĩ năng sống. Phải chăng điều này đã làm cho khi các em lớn lên thiếu đi các kĩ năng sống cần thiết để ứng phó với cuộc sống.

Ba giá trị được xếp gần cuối và cuối bảng (vị trí thứ 24, 26 và 28) gồm: "*Hình thành NC con người Việt Nam XHCN"* (ĐTB:3.69), *"Nghề giúp chúng ta có tính kiên nhẫn"* (ĐTB: 3.30) và *"Nghề giúp chúng ta có kiến thức, kĩ năng cơ bản để chăm lo gia đình"* (Xếp cuối bảng, ĐTB: 3.30). Một điều đáng lưu tâm ở đây là mô hình NC con người Việt Nam XHCN mặc dù được SV đánh giá ở mức quan trọng nhưng không bằng so với các giá trị khác. Và quay trở lại với sự lựa chọn các tính chất nghề DH chúng ta thấy tính chính trị cũng được xếp ở vị trí cuối bảng so với các tính chất khác. Tiếp theo, như chúng ta đều biết ở bậc tiểu học, nhất là những lớp đầu cấp, HS chưa có nề nếp học tập, nên đòi hỏi GV để dạy tốt phải có tính kiên trì cao độ: uốn nắn từng thao tác nhỏ, hình thành từng nếp nhỏ ở mỗi HS. Nhưng SVSP bậc tiểu học lại xem nhẹ giá trị của sự kiên nhẫn trong QTGD học sinh bậc tiểu học.

Quan niệm *"Nghề DH giúp có kiến thức kĩ năng để chăm lo gia đình"* không quan trọng đối với sự đánh giá của SV. Điều này cũng dễ hiểu bởi DH và gia đình là 2 lĩnh vực khác nhau. Do đó giá trị này có ĐTB thấp nhất và xếp cuối bảng.

Trong nhóm giá trị đạo đức, ngoài 2 giá trị được xếp ở vị trí topten như đã được trình bày ở trên, thì 2 giá trị cũng được xếp ở vị trí khá cao (xếp thứ 12 và 14) và đều được đánh giá khá quan trọng (ĐTB>4.0) là: *"Nghề xây dựng một XH nhân văn sâu sắc"* và *"Giúp HS biết tôn trọng phẩm giá NC"*. Nếu như có một câu hỏi đặt ra: trong các nghành khoa học, ngành khoa học nào mang tính nhân văn hơn cả, thì chắc chắn câu trả lời sẽ là khoa học GD. Bởi lẽ, điều cơ bản nhất dễ hiểu nhất GD chính là dạy dỗ con người những điều hay lẽ phải, những thứ để làm người tất cả là vì sự tiến bộ

và phát triển của con người. Có lẽ vì thế mà SVSP đánh giá cao tầm quan trọng của 2 giá trị này. Một lần nữa nhìn lại bảng xếp hạng mức độ phù hợp đối với tính chất nghề DH thì tính nhân văn có tỉ lệ lựa chọn mức độ phù hợp khá cao 65% và (ĐTB: 3.79).

Các giá trị còn lại trong 28 giá trị đa số thuộc nhóm giá trị mới tuy được SV đánh giá là khá quan trọng nhưng ĐTB vẫn thấp hơn các giá trị khác. Đặc biệt nhất với giá trị *"Giúp thế hệ trẻ biết cách tìm tòi, phát hiện chân lí"* có thể nói là trọng tâm của toàn bộ QTDH không đươc xếp ở thứ hạng cao (thứ 16). Ngày nay, quan niệm mới trong DH không còn là việc "rót tri thức" đến người học mà nhấn mạnh việc người thầy giáo phải biết gợi mở, gây ý thức, khơi nguồn cảm hứng để người học tự tìm lấy tri thức. Như một nhà tâm lý giáo dục đã nói như sau:

"Người thầy tầm thường chỉ biết trình bày,
Người thầy giỏi thì biết giảng giải,
Người thầy xuất sắc thì biết chứng minh,
Người thầy vĩ đại thì biết thức tỉnh và khơi nguồn cảm hứng"
(William Arthur Ward).

Cũng vậy nhìn vào bảng xếp hạng chúng ta thấy thứ hạng của các giá trị như : *Hình thành ở người học sự năng động sáng tạo,nhạy bén, tinh thần trách nhiệm cá nhân, tinh thần cạnh tranh, dám nghĩ dám làm ...* không được đề cao. Có thể lí giải điều này là do đa số SV trường CĐSP Kiên Giang sống ở khu vực nông thôn và nghề nghiệp chính của gia đình là làm ruộng nên quan niệm: *sự năng động sáng tạo, nhạy bén, tinh thần trách nhiệm cá nhân, tinh thần cạnh tranh, dám nghĩ dám là ...* không quan trọng lắm.

b) Kết quả so sánh TB theo 4 nhóm giá trị, theo giới tính, theo năm học đối với 4 nhóm giá trị nghề DH

- ***So sánh giữa 4 nhóm giá trị nghề DH***

Bảng 3.3: Kết quả so sánh TB 4 nhóm giá trị tính trên toàn mẫu.

Nhóm giá trị	TB	SD	F	P
Giá trị xã hội	4.32	2.04	**5.30**	**0.00**
Giá trị đạo đức	4.18	2.85		
Giá trị nghề GVTH	3.94	2.96		
Giá trị mới	4.07	2.97		

Kết quả kiểm nghiệm ANOVA, với mức ý nghĩa $\alpha = 0.05$ và $P < \alpha$ cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa về nhận thức của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang giữa các nhóm giá trị nghề DH.

Thật vậy, mặc dù có ¾ nhóm giá trị được SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang nhận thức khá quan trọng (ĐTB>4.00), trong đó nhóm giá trị XH được đánh giá cao nhất (ĐTB:4.32), xếp thứ

hai là giá trị đạo đức của nghề (ĐTB:4.18), thứ ba là các giá trị mới mà mỗi GV cần phải có trong quá trình hội nhập (ĐTB: 4.07). Và cuối cùng là các giá trị thuộc lĩnh vực GD tiểu học (ĐTB: 3.94).

SV hệ CĐTH của trường CĐSP Kiên Giang cho là các giá trị XH là quan trọng nhất mà các em hướng đến đối với nghề DH. Nhóm giá trị đạo đức được xem là cốt lõi của NC nhà giáo cũng được các em nhìn nhận khá quan trọng. Còn nhóm giá trị mới tuy được đánh giá cao nhưng còn xem nhẹ. Điều đáng chú ý ở đây SVSP tiểu học lại không nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của các giá trị cơ bản của GD tiểu học so với các nhóm giá trị khác mà chính các em hiện đang là SV tiểu học và sau này sẽ là những GVTH.

Phải chăng do các giá trị XH của nghề DH có tính phổ biến nên mọi người trong XH khi nhắc đến nghề DH tự động thừa nhận và đánh giá cao các giá trị đó mà quên đi các giá trị khác của nghề DH cũng quan trọng không kém. Và SVSP cũng là một bộ phận trong XH nên có lẽ cũng không nằm ngoài qui luật đó. Vì thế mà các giá trị XH của nghề DH luôn được đánh giá cao là điều có thể hiểu được.

Nhóm giá trị mới của nghề DH được đánh giá thấp hơn. SVSP hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang xem nhẹ các giá trị này. Có thể lý giải điều này theo ảnh hưởng của yếu tố môi trường đến sự hình thành và phát triển NC. Những yếu tố này góp phần quan trọng đối với sự thành công của mỗi cá nhân.

Đáng lưu ý nhất chính SV bậc tiểu học lại đánh giá thấp các giá trị thuộc nghề GVTH. Phải chăng các em nhận định một số giá trị này chưa điển hình lắm và cũng chưa cần thiết lắm đối với lĩnh vực tiểu học. Vì thế mà các giá trị: *"Hình thành cho HS NC con người Việt nam XHCN", "Nghề giúp chúng ta có tính kiên nhẫn", "Nghề giúp có kiến thức kĩ năng cơ bản để chăm lo gia đình"* đều có điểm TB thấp nhất và xếp vị trí cuối bảng. Điều này giúp chúng ta xem xét lại thang giá trị nghề GVTH trong bối cảnh ngày nay để định hướng đúng cho các em lựa chọn các giá trị phù hợp với nghề GVTH hiện nay.

- ***Kết quả so sánh theo giới tính***

Bảng 3.4: Sự khác biệt nhận thức giữa nam và nữ đối với 4 nhóm giá trị

Nhóm sinh viên / **Nhóm giá trị**	**Nam**		**Nữ**		**t**	**p**
	TB	SD	TB	SD		
Xã hội	4.26	1.87	4.38	1.79	-3.17	0.01
Đạo đức	4.04	2.70	4.28	2.49	-4.49	0.00
Nghề GVTH	3.77	2.40	3.98	2.95	-3.80	0.00
Mới	**4.03**	**2.64**	**4.13**	**2.73**	**-1.9**	**0.06**

Ở mức ý nghĩa α=0.05, cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa ở 3 nhóm giá trị: Xã hội, đạo đức, Nghề GVTH giữa nam và nữ. Không có sự khác biệt ý nghĩa ở nhóm giá trị mới.

Như vậy đối với các giá trị nghề DH thuộc về nhóm giá trị XH, đạo đức, Nghề GVTH thì giữa nam SV và nữ SV nhận thức tầm quan trọng của các giá trị này khác nhau. Cụ thể có sự khác nhau tương đối với các giá trị (xem cụ thể phụ lục 05, bảng 02) sau:

"Nghề góp phần xây dựng bảo vệ quê hương đất nước" được nữ (TB:3.99) đánh giá cao hơn nam (TB:3.48). Có thể nữ sống tình cảm hơn, do đó tình cảm đối với quê hương đất nước được nữ SV xem trọng. Còn nam lý trí hơn do đó có thể quan niệm việc GD tình cảm đối với quê hương đất nước là trách nhiệm của mọi người, chứ không riêng ngành GD, do đó nam SV ưu tiên hơn cho các giá cơ bản thuộc nghề GV so với giá trị này.

"Nghề giúp mỗi người tự hoàn thiện bản thân" Nam đánh giá thấp hơn nhiều so với nữ (ĐTB của nam: 3.71; nữ: 4.74). Qua đây cho thấy, nam xem nhẹ việc tự rèn luyện bản thân hơn so với nữ. Mặt khác để giữ được phẩm chất NC nhà giáo việc tự hoàn thiện bản thân không thể thiếu. Với một vấn đề nhỏ này qua đây phần nào có thể lí giải tại sao một bộ phận thầy cô giáo đã bị ảnh hưởng tiêu cực, có những suy nghĩ, hành vi không lành mạnh làm ảnh hưởng đến hình ảnh tốt đẹp của thầy giáo ở các thầy nhiều hơn. Hơn nữa vấn đề tự hoàn thiện bản thân là một trong những vấn đề bắt buộc đối với mọi nhà giáo, đã được qui định trong luật GD và bản thân SVSP đã được học rất kĩ. Sự nhận thức này của nam SVSP là một vấn đề mà giảng viên trường CĐSP Kiên Giang cần phải lưu ý trong công tác GD.

Như chúng ta đều biết, đạo đức nhà giáo (hay còn gọi là sư đức) là cốt lõi của NC nhà giáo. Qua kết quả khảo sát tầm quan trọng của các giá trị nghề DH ở SV trường CĐSP Kiên Giang cho thấy các giá trị đạo đức của nghề DH như: *"Giúp HS sống công bằng bình đẳng, biết tự trọng", "Hình thành ở HS tinh thần tôn sư trọng đạo, biết lễ nghĩa", "Nghề giúp sống khoan dung vị tha, nhân nghĩa", "Phát huy ở HS tính cần cù chịu khó, ham học, tinh thần đoàn kết"* được nam SV và nữ SV nhận thức khác nhau. Nam SV đánh giá thấp tầm quan trọng của các giá trị đạo đức so với nữ. (ĐTB thể hiện ở các giá trị này ở Nam thấp hơn nhiều so với nữ, Xem phụ lục bảng 2). Với quan niệm ở nam SV như thế thì đây cũng thêm một bằng chứng cho thấy thực tế có thể sự vi phạm đạo đức nhà giáo thường dễ xảy ra ở giáo viên nam nhiều hơn.

Một số sự khác nhau cơ bản giữa nam SV và nữ SV đối với nhóm giá trị nghề GVTH ở giá trị: "*Hình thành cho học sinh NC con người Việt Nam XHCN"* (ĐTB nam: 2.97, nữ: 3.69), "*Nghề giúp chúng ta có tính kiên nhẫn"* (ĐTB nam:3.36, nữ:3.76), chứng tỏ suy nghĩ giữa nam và nữ khác nhau.

Còn đối với các giá trị mới của nghề DH cả nam về nữ đều có sự nhìn nhận đánh giá gần như nhau. Cả nam SV cũng như nữ SV nhìn nhận các giá trị này có thể không cần thiết lắm đối với GVTH. Chỉ có sự đánh giá khác nhau rõ nhất ở giá trị: *"Hình thành ở HS sự năng động, sáng tạo, nhạy bén"*, "*Giáo dục thế hệ trẻ có ước mơ, hoài bão"* (Nam SV đánh giá cao giá trị này). Có thể giải thích điều này do sự khác biệt đặc điểm giữa hai giới.

Tóm lại với kết quả so sánh sự nhận thức về tầm quan trọng của các giá trị nghề DH nói lên có sự khác nhau trong nhận thức và đánh giá của nam SV và nữ SVSP trường CĐSP Kiên Giang về giá trị nghề DH. Tuy nhiên sự khác nhau này không lớn lắm, chủ yếu khác nhau ở các giá trị mang màu sắc thuộc về các đặc điểm giới tính. Với đặc điểm tâm lý của nam mạnh mẽ, quyết đoán, lý trí hơn, tư duy sâu sắc hơn, năng động hơn. Còn nữ có khuynh hướng sống tình cảm hơn, nhìn vấn đề chi tiết, tỉ mỉ, tư duy dựa trên cảm tính, ít logic hơn, khoan dung vị tha… Do đó các vấn đề thuộc về đạo đức, về sự cố gắng, rèn luyện được nữ đánh giá cao hơn.

- ***Kết quả so sánh theo năm học***

Bảng 3.5: Kết quả so sánh giữa SV năm I - năm III đối với 4 nhóm giá trị

Nhóm sinh viên / Nhóm giá trị	**Năm I**		**Năm III**		**t**	**p**
	TB	SD	TB	SD		
Xã hội	4.32	2.20	4.34	1.84	-533	0.60
Đạo đức	4.20	3.07	4.14	2.63	1.20	0.23
Nghề GVTH	3.95	3.43	3.90	2.39	0.94	0.35
Mới	**4.15**	3.03	**4.03**	2.37	**2.61**	**0.01**

Nhìn vào kết quả bảng cho thấy cũng với mức ý nghĩa α=0.05, chúng ta thấy chỉ có sự khác biệt ý nghĩa giữa năm I với năm III ở nhóm giá trị mới. Tuy nhiên sự khác nhau này là không lớn lắm. Chỉ có sự khác nhau ở 2 giá trị: "*Hình thành ở học sinh sự năng động, sáng tạo nhạy bén"* (ĐTB năm I:4.12, năm III:3.80)*, "Hình thành cho người học tinh thần cạnh tranh, dám nghĩ dám làm"* (ĐTB năm I: 3.78, năm III: 3.44). Nhìn chung sau một thời gian khá dài SV năm III đánh giá thấp các giá trị mang tính thời đại. Có thể sau khi được trang bị đầy đủ kiến thức, kĩ năng để chuẩn bị ra trường các em có xu hướng tập trung nhiều hơn vào các giá trị trọng tâm thuộc chuyên môn của nghề giáo.

SV năm I cũng như năm III vẫn đánh giá cao nhóm giá trị XH và nhóm giá trị đạo đức. Cho dù mới bước chân vào trường SP hay sau một thời gian học tập và rèn luyện hầu hết các em vẫn nhìn nhận các giá trị XH, các giá trị đạo đức của nghề DH luôn luôn quan trọng đối với các em. Hơn thế

nữa các giá trị XH luôn được sinh viên CĐTH trường CĐSP Kiên Giang hướng đến và đánh giá cao nhất trong 4 nhóm giá trị. Như vậy sau một quá trình học tập chuẩn bị ra trường để trở thành những thầy cô giáo thực thụ các em vẫn chủ yếu hướng vào các giá trị XH và đánh giá cao. Trong khi đó sau một thời gian 3 năm học cái nhìn của các em có xu hướng giảm lại đối với các giá trị đạo đức, giá trị nghề GVTH cũng như các giá trị mới. Đáng quan tâm nhất vẫn là nhóm giá trị đặc thù của bậc tiểu học. Vì cho dù sau gần 3 năm học các em đã được học cũng như đã nghiên cứu kĩ về đặc điểm của giáo dục tiểu học thì các em vẫn không đánh giá cao các giá trị này mà ngược lại còn có xu hướng xem nhẹ.

3.2.1.2 Nhận thức của SV CĐTH về tầm quan trọng các phẩm chất NC người GVTH

a) Nhận thức của SV CĐTH về tầm quan trọng các phẩm chất NC GVTH

Bảng 3.6: Kết quả nhận thức tầm quan trọng phẩm chất NC GVTH

Nhóm phẩm chất	Stt	**Các phẩm phẩm chất nhân cách**	**Rất QT và QT**		**TB**	**Thứ hạng**
			F	**%**		
Đạo đức	1	Có lý tưởng XHCN	**154**	**49.7**	**3.49**	**20**
	2	Có tinh thần yêu nước	288	92.9	4.49	7
	3	Có trách nhiệm công dân, trách nhiệm nghề nghiệp	**302**	**97.5**	**4.57**	**5**
	4	Lòng yêu trẻ - yêu nghề	**301**	**97.1**	**4.63**	**4**
	5	Ý thức phấn đấu vươn lên trong sự nghiệp	291	93.9	4.30	11
	6	Năng động và sáng tạo	282	90.9	4.15	14
	7	Nhạy bén và linh hoạt	271	87.4	4.07	15
Kiến thức	8	Trình độ chuyên môn vững vàng	**308**	**99.3**	**4.78**	**1**
	9	Hiểu biết sâu rộng	**302**	**97.4**	**4.63**	**3**
	10	Hiểu rõ đặc điểm tâm lý HS, tâm lý lứa tuổi, tâm lý SP	**305**	**98.4**	**4.71**	**2**
	11	Có kiến thức về GD, vận dụng hiệu quả PPGD	268	86.4	4.39	8
	12	Có kiến thức về kiểm tra đánh giá kết quả học tập rèn luyện của HS	243	78.4	3.99	16
	13	Thành thạo vi tính, giỏi ngoại ngữ	**164**	**52.9**	**3.56**	**19**
	14	Hiểu biết tình hình kinh tế văn hóa xã hội địa phương	**101**	**32.6**	**3.09**	**21**
Kỹ năng	15	Kỹ năng lập kế hoạch GD và DH	282	91.0	4.27	13
	16	Kỹ năng tổ chức, thực hiện các HĐDH	282	91.0	4.34	10
	17	Kỹ năng làm công tác chủ nhiệm	276	89.0	4.29	12
	18	Kỹ năng tổ chức các HĐGD ngoài giờ	179	63.6	3.72	17
	19	Kỹ năng ứng xử và giao tiếp SP	299	96.5	4.56	6

	20	Kỹ năng xây dựng bảo quản đồ dùng DH	158	50,1	3.60	18
	21	Kỹ năng quản lý HS	292	94.2	4.35	9

Hoạt động lao động của người thầy giáo đòi hỏi các thầy cô phải có những phẩm chất NC của một nhà giáo. Những phẩm chất này chính là những giá trị không thể thiếu đối với bất cứ ai muốn trở thành GV. Sinh viên sư phạm CĐTH trường CĐSP Kiên Giang đã quan niệm về những yêu cầu đối với phẩm chất NC của người thầy giáo như thế nào.

Dựa trên kết quả điều tra qua **bảng 3.6** cho thấy: Trong 21 phẩm chất cơ bản đối với NC một nhà giáo được đưa ra khảo sát thì ***toàn bộ 21 phẩm chất*** được SV hệ CĐTH cho là quan trọng và thật sự quan trọng (ĐTB> 3,5). Và có 19/21 phẩm chất được đưa ra có tỉ lệ trên 50% đánh giá ở mức độ quan trọng và rất quan trọng.

Theo SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang, đối với NC của người thầy giáo điều trước tiên và quan trọng nhất phải có: Thứ nhất:*"Trình độ chuyên môn vững vàng"*. (ĐTB:4.78), thứ 2: "*Hiểu biết sâu rộng"* (ĐTB:4,71), thứ ba: "*Hiểu rõ đặc điểm tâm lí HS, tâm lí lứa tuổi và SP"* (ĐTB:4.67). Đây là những tiêu chuẩn tối thiểu cần thiết của một GV. Bởi nếu thiếu hiểu biết sâu sắc về một khoa học mà người thầy giáo lại đem dạy những cơ sở khoa học cho học trò thì không biết điều gì sẽ xảy ra đối với tương lai của nhân loại. Ngoài kiến thức chuyên môn còn đòi hỏi một sự hiểu biết sâu rộng đối với lĩnh vực khác như XH, tự nhiên, con người ….Người GV giỏi bao giờ cũng phải biết nhiều hơn những cái mà người ta yêu cầu phải truyền thụ cho học sinh theo yêu cầu. Trình độ học vấn sâu rộng giúp cho người thầy giáo khả năng định hướng nhanh chóng và chính xác những vấn đề phức tạp của các cơ sở khoa học mà mình phải dạy cho HS. Như vậy, hai tiêu chí chuyên môn vững và hiểu biết sâu rộng là điều kiện đầu tiên và cần thiết của một GV từ mẫu giáo cho đến đại học.

Bên cạnh yêu cầu về trình độ chuyên môn, kiến thức sâu rộng thì để trở nên một người thầy vĩ đại biết thức tỉnh và khơi nguồn cảm hứng nơi học trò mình, người thầy phải hiểu rõ tâm lí HS. Do đó người GV cần "H*iểu rõ đặc điểm tâm lí HS, tâm lí tuổi và tâm lí SP"*. Ở đây SVSP hệ tiểu học cũng đã nhận thức rất rõ tầm quan trọng của những yêu cầu này đối với một GV. Ngoài kiến thức về tâm lý thì kiến thức về GD cũng rất quan trọng, vì thế phẩm chất "*Có kiến thức về GD và vận dụng hiệu quả PPGD"* đã được các em xếp ở vị trí thứ 8 và đánh giá mức khá quan trọng (ĐTB:4.39). Chúng ta biết rằng GD là công việc khó khăn và phức tạp nhất vì đối tượng tác động của GD là con người. Người thầy giáo ở đây lãnh đạo và điều khiển những HS, mà mỗi HS là một thực thể riêng biệt, có khuynh hướng riêng, khả năng, cá tính, hoàn cảnh không giống nhau. Vì vậy, người thầy giáo phải am tường về kiến thức GD từ đó mới vận dụng hiệu quả PPGD phù hợp với từng đối tượng

Mặt khác cho dù người thầy giáo có tài giỏi xuất chúng đến đâu đi chăng nữa nhưng nếu không có lòng yêu trẻ thì thật khó để trở thành một nhà SP tài ba. Vì GD trẻ là một công việc gian khổ, lâu dài, phức tạp tốn nhiều thời gian và công sức. Như thế điều gì sẽ giúp các GV hiện nay mà cuộc sống vốn còn nhiều khó khăn vẫn kiên trì với sự nghiệp trồng người. Điều đó chỉ có thể xuất phát từ *lòng yêu trẻ*. Chính N.N. Gôlôvin – một nhà giáo dục đã nói: "Từ tình yêu trẻ sẽ nảy sinh ra tình yêu lao động sư phạm. Và tình yêu đó sẽ tạo ra tài nghệ sư phạm". SVSP Kiên Giang cũng đã ý thức rất rõ điều này, vì thế mà sau khi ưu tiên cho những phẩm chất thuộc lĩnh vực kiến thức, thì phẩm chất rất quan trọng của một người GV thuộc về lĩnh vực đạo đức phải là:*"Lòng yêu trẻ, yêu nghề"*.

Ngoài những yêu cầu trên, nhà giáo phải có: "*Trách nhiệm công dân, trách nhiệm nghề nghiệp"*. Phẩm chất này được các em xếp ở vị trí thứ 5, với ĐTB mức rất quan trọng (4.57). Điều này cũng dễ hiểu, bởi mọi người đều thừa nhận: một người luôn ý thức tốt trách nhiệm công dân của mình trong XH sẽ luôn luôn ý thức rõ trách nhiệm đối với công việc họ phụ trách. Như thế, người thầy giáo tốt trước hết phải là một công dân tốt, ý thức được đầy đủ trách nhiệm của một công dân.

Tuy nhiên, những yêu cầu về *trình độ tri thức, tình yêu trẻ, trách nhiệm nghề nghiệp* không thôi mới chỉ là điều kiện cần chứ chưa đủ để tạo nên tài nghệ SP, điều quan trọng thầy giáo phải biết cách vận dụng một cách *hợp lý, khéo léo, nhuần nhuyễn những tình huống có thể xảy ra trong hoạt động SP một cách hiệu quả nhất.* Do đó các kỹ năng SP không thể thiếu đối với NC nhà giáo. SVSP hiểu rất rõ điều này vì thế các giá trị thuộc nhóm kỹ năng trong phẩm chất NC giáo viên được các em đánh giá khá quan trọng bao gồm: *Kỹ năng ứng xử và giao tiếp SP* (xếp thứ 6, ĐTB:4.56); *Kỹ năng quản lý HS (*Xếp thứ 9, ĐTB:4.35); *Kỹ năng tổ chức thực hiện các HĐDH* (Xếp thứ 10, ĐTB: 4.34); *Kỹ năng làm công tác chủ nhiệm* (Xếp thứ 12, ĐTB:4.29); *Kỹ năng lập kế hoạch GD và DH* (xếp thứ 13, ĐTB: 4.27).

Phẩm chất có*"tinh thần yêu nước"* (Xếp thứ 7) cũng đã được xếp ở vị trí rất cao trong bảng xếp hạng những phẩm chất NC nhà giáo và đồng thời được đánh giá rất quan trọng. Như vậy SVSP đòi hỏi là GV phải có tinh thần yêu nước. Đối chiếu với ***bảng 3.2:*** *Nhận thức về tầm quan trọng của các giá trị nghề DH* cho thấy SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang xác định nghề DH thật sự có giá trị khi biết *"Giáo dục HS lòng tự hào dân tộc yêu nước"* (giá trị này có ĐTB:4.59, xếp thứ ba). Chính vì vậy để hình thành được ở HS lòng yêu nước nồng nàn để tiếp nối truyền thống quí báu của dân tộc thì trước hết bản thân GV phải có một tinh thần yêu quê hương đất nước hơn ai hết. Như vậy SVSP Kiên Giang có sự nhìn nhận khá hợp lí điều này. Tuy nhiên, cùng với phẩm chất yêu nước một phẩm chất không thể thiếu đối với một nhà giáo với thể chế XHCN là:*"Có lý tưởng xã hội chủ nghĩa"* lại không được các em đánh giá cao và xem nhẹ hơn (xếp thứ 20/21, ĐTB:3.49). Phải

chăng các em quan niệm yêu nước hoàn toàn khác với yêu CNXH. Hoặc là "*Lý tưởng XHCN"* không mấy còn phù hợp với nhận thức của tầng lớp trí thức hiện nay, trong đó có SV. Nhà trường cần phải có biện pháp nâng cao quan niệm của SV về vấn đề này.

Các tiêu chí khác như: "*Ý thức phấn đấu vươn lên trong sự nghiệp", "Năng động và sáng tạo", "Nhạy bén và linh hoạt",* cũng được các em đánh giá quan trọng (ĐTB>3.5). Tuy nhiên, các yêu cầu này được xếp ở vị trí thấp hơn so với những yêu cầu khác trong phẩm chất NC thầy giáo. Phải chăng các em quan niệm các phẩm chất này nếu có sẽ dễ góp phần thêm vào sự thành công của nhà giáo.

Đặc biệt với 2 tiêu chí: *"Thành thạo vi tính, giỏi ngoại ngữ" (Xếp 19)*, *"Hiểu biết tình hình kinh tế văn hóa xã hội địa phương"* được xếp cuối bảng, mặc dù đây là hai trong các tiêu chí của chuẩn GVTH. Như vậy sinh viên CĐTH trường CĐSP Kiên Giang quan niệm việc biết vi tính, giỏi ngoại ngữ cũng như việc hiểu biết về tình hình kinh tế xã hội địa phương không quan trọng lắm. Cũng vậy trong ý kiến đóng góp khi chuẩn GVTH mới ban hành, ý kiến các nhà giáo cho rằng: "việc hiểu biết về tình hình kinh tế văn hóa XH địa phương là mơ hồ. Còn trình độ ngoại ngữ cũng chẳng để làm gì. Bên cạnh đó cũng theo ý kiến của đa số cán bộ quản lý, thì một trong những yêu cầu với GV phải *"yêu nước, yêu CNXHi"* là rất khó định lượng, nên việc đánh giá cũng không mấy dễ dàng. Bởi vì đã là nhà giáo, dù dạy trẻ lần đầu cắp sách đến trường, cho đến sinh viên năm cuối, đều có đặc điểm giống nhau: *Đạo đức người thầy, kỹ năng sư phạm, soạn giáo án giảng dạy, dự giờ, đặt câu hỏi phát vấn học sinh..""*. Như vậy quan điểm của sinh viên hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang về những phẩm chất đối với NC nhà giáo cũng phù hợp với ý kiến của XH mong muốn về mô hình NC người thầy giáo trong xã hội hôm nay.

Tóm lại những yêu cầu về phẩm chất đối với NC nhà giáo được SVSP trường CĐSP Kiên Giang nói chung, SV hệ CĐTH nói riêng nhìn nhận khá phù hợp với sự mong muốn của XH về mô hình NC người thầy giáo trong XH hôm nay. Tuy nhiên, bên cạnh đó để theo kịp với tiến trình đổi mới hội nhập với thế giới người GV không chỉ có giá trị trong khu vực mà còn với toàn cầu. Thiết nghĩ một số những phẩm chất mới như: *năng động và sáng tạo, nhạy bén và linh hoạt, thành thạo vi tính, giỏi ngoại ngữ, ý thức phấn đấu vươn lên…*cũng hết sức cần thiết đối với nhân cách GV trong thời kỳ hội nhập. Do đó, thế hệ SVSP đặc biệt ở vùng sâu vùng xa cần nhận thức rõ tầm quan trọng của các giá trị này để tự trang bị cho mình theo kịp với tiến trình phát triển thế giới.

Nhìn chung, các phẩm chất trong các lĩnh vực *đạo đức, kiến thức, kĩ năng* đều được đa số sinh viên sư phạm CĐTH trường CĐSP Kiên Giang đánh giá khá quan trọng đối với nhân cách GV. Nhưng trong 3 lĩnh vực đó các em xem trọng cái nào nhất, hay cả 3 đều quan trọng như nhau. Bên

cạnh đó quan niệm của nam SV với nữ SV có khác biệt gì không, cũng vậy quan niệm của SV năm nhất với năm cuối đối với các phẩm chất đó là như nhau? Chúng ta cùng tìm hiểu điều này:

b) So sánh điểm trung bình giữa ba nhóm phẩm chất NC, theo giới tính, theo năm học.

➢ ***Kết quả so sánh TB giữa 3 nhóm phẩm chất tính trên toàn mẫu***

Bảng 3.7: Kết quả so sánh giữa 3 nhóm phẩm chất NC.

Nhóm phẩm chất	**TB**	**SD**	**F**	**p**
Đạo đức	4.25	2.44	**7.73**	**0.00**
Kiến thức	4.14	2.46		
Kĩ năng	4.17	2.85		

Với α=0.05, ứng với giá trị F =7.73, P=0.00<α, như vậy có sự khác biệt ý nghĩa về sự nhận thức giữa các nhóm phẩm chất NC người GVTH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang.

Với điểm TB của 3 nhóm phẩm chất được thể hiện rõ ở bảng 3.7, chứng tỏ SVSP trường CĐSP Kiên Giang đánh giá cao các giá trị thuộc nhóm đạo đức sau đó đến nhóm kĩ năng và cuối cùng là kiến thức. Tuy nhiên sự chênh lệch mức độ quan trọng giữa 3 nhóm phẩm chất đó không đáng kể. Như vậy các em vẫn đánh giá cao 3 nhóm phẩm chất này nhưng nhấn mạnh trước hết đạo đức. Đây là một sự đánh giá hoàn toàn đúng đắn. Trong XH tất cả các ngành nghề đều có những quy định về đạo đức. Tuy nhiên nghề giáo là một trong những nghề có qui định nghiêm nghặt hơn cả về đạo đức. Do nghề DH có mối quan hệ rất đặc biệt: Quan hệ thầy – trò. Bởi lẽ đây là một quan hệ quyền lực hoàn toàn không cân đối: người thầy có quyền lớn còn người học ở vào vị thế dễ bị lợi dụng. Vì vậy đạo đức nhà giáo là vấn đề cốt lõi nhất trong NC nhà giáo. Là GV ngoài yêu cầu về mặt đạo đức phải có năng lực. Năng lực nhà giáo được hình thành trên cơ sở kiến thức và kĩ năng SP. Song ở đây SVSP hệ CĐTH nhấn mạnh mặt kĩ năng xong mới đến kiến thức. Đây là một sự nhận thức chưa hợp lí lắm. Bởi kĩ năng đúng được hình thành trên cơ sở nền tảng kiến thức. Với thực trạng này chúng ta cần phải xem xét đến các phẩm chất về mặt kiến thức cần giáo dục cho SVSP hệ CĐTH đã thật sự phù hợp chưa? Tại sao các em lại có sự nhìn nhận chưa thật sự đúng với mô hình nhân cách người GV.

➢ ***Kết quả so sánh theo giới tính***

Nhìn chung đa số sinh viên CĐTH trường CĐSP Kiên Giang đã có sự nhận thức khá đúng đắn đối với các giá trị NC người thầy giáo. Nhưng sự nhận thức đó có phụ thuộc vào đặc điểm của giới tính không. Bởi chúng ta thấy rất ít nam thi vào các trường SP. Phải chăng SV nam coi nhẹ các giá trị nghề DH. Mặt khác định hướng giá trị nói chung và định hướng giá trị nghề DH nói riêng có phụ thuộc vào trình độ đào tạo hay không.

Bảng 3.8: Sự khác biệt quan niệm của SV nam và nữ đối với 3 nhóm phẩm chất NC người GVTH

Nhóm sinh viên / Nhóm Phẩm chất	Nam		Nữ		t	p
	TB	SD	TB	SD		
Đạo đức	4.15	2.20	4.28	2.22	-2.92	0.00
Kiến thức	4.19	2.27	4.09	2.51	2.12	0.04
Kĩ năng	4.24	2.67	4.07	2.49	-3.10	0.00

Từ kết quả bảng trên với mức ý nghĩa α=0.05, ở cả 3 nhóm phẩm chất. Ta thấy giá trị p ở cả 3 nhóm đều nhỏ hơn α cho thấy có **s*ự khác biệt về nhận thức giữa nam SV và nữ SV về tầm quan trọng ở 3 nhóm phẩm chất NC nhà giáo***. Đối với *nhóm phẩm chất đạo đức nam đánh giá thấp hơn nữ.* Đối với *nhóm phẩm chất và kĩ năng nam SV đánh giá cao hơn nữ.* Đối với *phẩm chất về kiến thức* tuy có sự nhận thức khác nhau giữa nam và nữ *nhưng sự khác nhau này không đáng kể*. Có thể xem cả nam và nữ đều xem trọng về lĩnh vực kiến thức đối với một GV. Như vậy với quan niệm NC là tổ hợp các phẩm chất và năng lực. Hay nói cách khác là đức và tài. Ở đây đối với NC nhà giáo nữ SV đánh giá cao mặt đạo đức, còn nam SV đánh giá cao mặt năng lực. Qua kết quả kiểm nghiệm, nhìn chung cả nam SV và nữ SV đều nhận thức các phẩm chất trong cấu trúc NC người thầy giáo rất quan trọng. Bên cạnh đó nữ đề cao mặt "đức" còn nam chú trọng mặt "tài". (Xem cụ thể phụ lục 05, bảng 04)

- ***Kết quả so sánh theo năm học***

Bảng 3.9: Sự khác biệt quan niệm giữa năm I – năm III đối với 3 nhóm phẩm chất NC người GVTH

Nhóm sinh viên / Nhóm Phẩm chất	Năm I		Năm III		t	p
	TB	SD	TB	SD		
Đạo đức	4.29	2.48	4.16	2.19	3.11	0.00
Kiến thức	4.26	2.46	4.05	2.33	3.81	0.00
Kĩ năng	4.22	2.80	4.13	2.57	1.93	0.06

Có sự khác biệt nhận thức giữa SV năm nhất và SV năm cuối ở nhóm phẩm chất đạo đức và nhóm kiến thức. Kết quả kiểm nghiệm ứng với α=0.05, giá trị p ở 2 nhóm < α). Một sự đáng ngạc nhiên ở đây là SV năm cuối lại đánh giá thấp các phẩm chất trong cấu trúc NC người thầy giáo hơn so với năm đầu. Tuy các phẩm chất đó các em vẫn thừa nhận là quan trọng (ĐTB cả 3 nhóm > 4.0,

ở cả năm I và năm III) nhưng đối với năm thứ 3 thì mức độ quan trọng ở cả 3 nhóm đều giảm xuống. Lẽ ra với SV năm cuối sắp ra trường các yêu cầu đối với phẩm chất NC người thầy giáo càng quan trọng hơn nhưng ở đây lại ngược lại. Đây là một vấn đề mà khoa Tiểu Học - Mầm non có trách nhiệm xem xét lại quá trình đào tạo.

Nhóm kĩ năng thì SV năm I và năm III quan niệm giống nhau. Năm thứ nhất cũng như năm thứ ba đều nhìn nhận phẩm chất kĩ năng của nghề DH thật sự quan trọng. Nhưng đáng lưu tâm SV năm I đánh giá cao hơn SV năm III (Xem cụ thể phụ lục 05, bảng 05)

3.2.1.3 Đánh giá của SV về nghề dạy học

a) Đánh giá của sinh viên CĐTH trường CĐSP Kiên Giang về nghề DH

Phải thừa nhận rằng nghề DH luôn đươc rất nhiều người trong XH đánh giá cao và trân trọng những giá trị mà nó mang đến. Một cuộc khảo sát bỏ túi gần đây cho thấy có trên 70% SVSP Tp. HCM đánh giá tích cực đối với nghề DH. Còn SV ở tỉnh đánh giá như thế nào đối với nghề DH. Một lần nữa để biết rõ và cũng để khẳng định SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang có sự nhận thức đúng đắn giá trị nghề DH hay chưa, người nghiên cứu đã đưa ra 16 ý kiến cả tích cực lẫn tiêu cực để các em tự đánh giá về nghề DH. Kết quả thu được như sau:

Bảng 3.10: Ý kiến đánh giá của SV về nghề DH.

Nhóm ý kiến	Stt	**Ý kiến đánh giá về nghề DH**	Rất đúng và đúng		**TB**	Thứ hạng
			F	**%**		
Tích cực	1	Nghề được đánh giá cao	**285**	**91.9**	**4.48**	**1**
	3	Nghề được nhà nước quan tâm	285	91.9	4.34	4
	5	Nghề thanh cao trong sáng	**282**	**90.9**	**4.38**	**3**
	7	Nghề cao quí	**288**	**92.9**	**4.42**	**2**
	9	Nghề lao động khoa học sáng tạo	247	79.7	3.87	9
	11	Nghề lao động trí óc	**143**	**46.2**	**3.22**	**15**
	13	Nghề có khối lượng, thời gian làm việc nhiều	**134**	**43.2**	**3.23**	**14**
	15	Nghề đòi hỏi sự nghiêm túc, nguyên tắc cao	280	90.3	4.30	5
Tiêu cực	2	Nghề bạc bẽo	257	82.5	4.11	6
	4	Nghề chưa được nhà nước quan tâm nhiều	212	68.4	3.71	11
	6	Nghề đang có xu hướng thương mại hóa	**98**	**31.6**	**3.07**	**16**
	8	Nghề bình thường như mọi nghề khác	190	61.3	3.43	13
	10	Nghề lao động đơn điệu nhàm chán	259	83.5	4.02	7
	12	Nghề có nhiều thời gian rỗi	235	75.8	3.84	10

	14	Nghề làm việc tự do, không phụ thuộc	280	90.3	3.87	8
	16	Nghề không sợ có những sản phẩm xấu ảnh hưởng đến việc hành nghề	189	61.0	3.59	12

Kết quả cho thấy SV trường CĐSP Kiên Giang hầu như hoàn toàn tán thành và đánh giá rất cao các ý kiến nghề DH: "*Nghề được đánh giá cao", "Nghề cao quí", "Nghề thanh cao trong sáng", "Nghề được nhà nước quan tâm", "Nghề đòi hỏi sự nghiêm túc và nguyên tắc cao"* (tất cả các ý kiến này được xếp ở thứ hạng cao nhất, ĐTB>4.0). Điều này chứng tỏ các em vẫn rất đề cao nghề DH cho dù nghề DH hiện nay chịu không ít sự phê phán cũng như các ảnh hưởng tiêu cực của kinh tế thị trường và phần nào sự xuống cấp của đạo đức XH. Đồng thời với việc đánh giá cao bản chất cao quí, thanh cao trong sáng của nghề, các em không hoàn toàn thừa nhận đây là *"Nghề bình thường như mọi nghề khác"*.

Đúng như thế nghề DH trong XH ta vốn mang bản chất là thanh cao trong sáng, là cao quí, là nghề mà XH xem thầy cô giáo chính là các chiến sĩ cách mạng. Điều này có nguồn gốc từ sự coi trọng đạo lý làm người và có truyền thống hiếu học. Người thầy giáo là người truyền bá đạo lý, GD con người và truyền bá tri thức văn hóa. Vì trọng đạo lý và hiếu học nên dân tộc ta rất yêu mến, kính trọng người thầy giáo: "Cha sinh không bằng thầy dạy", "Không thầy đố mày làm nên", "Trăm sự nhờ thầy"…. Như vậy những tư tưởng và truyền thống tốt đẹp này vốn ăn sâu vào trong tâm thức của mỗi người. Vì thế SVSP cũng rất đồng ý với ý kiến của XH. Mặt khác, hầu hết các em thừa nhận nghề DH cũng được nhà nước quan tâm thông qua các chủ trương chính sách như "Giáo dục, đào tạo là quốc sách hàng đầu", "Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển kinh tế xã hội.". Bên cạnh đó, SVSP cũng đã hiểu được tính chất, đặc điểm của lao động sư phạm và khẳng định một cách chắc chắn đây là *nghề đòi hỏi sự nghiêm túc và nguyên tắc cao*, cũng như là *nghề lao động khoa học, sáng tạo.*

Tuy nhiên bên cạnh các ý kiến tích cực thì cũng có phần đông số SV không mấy lạc quan với nghề DH, cho rằng đó là *"nghề bạc bẽo"*, *"nghề lao động đơn điệu nhàm chán", "nghề làm việc tự do, không phụ thuộc", "nghề có nhiều thời gian rỗi"*…. và không cho rằng đây là nghề *"có khối lượng và thời gian làm việc nhiều"* và cũng không hẳn là *"nghề lao động trí óc chuyên nghiệp"*. Cho dù các chuyên gia và các nhà GD đã đánh giá: lao động của giáo viên bậc tiểu học là lao động nặng nhọc, thứ lao động đặc biệt; gồm cả lao động trí óc, chân tay. Phải chăng các em chưa thật sự bước vào giai đoạn là những GV thực thụ, do đó các em có sự nhận định chủ quan chưa đúng. Thực tế rất nhiều GV bậc tiểu học đã có nhiều năm kinh nghiệm khi được hỏi trả sau: "Nhìn bề ngoài nhiều người cho rằng DH là thứ lao động nhẹ nhàng, gián tiếp, song thực tế chúng tôi rất vất vả. Từ sáng đến tối, chẳng mấy lúc nào được rảnh rỗi: sáng lo soạn bài, chuẩn bị giáo án, làm đồ dùng DH,

chiều lên lớp, tối về chấm bài, ấy là chưa kể những tình huống xảy ra trong lớp học: HS gây gổ, đánh nhau, hỗn láo với cô giáo… Nhiều hôm mất ăn, mất ngủ vì buồn phiền để nghĩ cách GD những HS cá biệt". Ý kiến khác: "Khi đánh giá mức độ nặng nhọc của các hoạt động SP, nhiều GV nói: công việc của chúng tôi gồm rất nhiều hành động SP, mà hành động nào chúng tôi cũng thấy là đặc trưng và vất vả cả, rất khó phân biệt xem hành động nào vất vả hơn hành động nào". Như vậy ở đây SVSP một phần đánh giá nghề DH như vậy là còn phiếm diện. Nhà trường nên có các biện pháp GD phù hợp để các em nhận thức rõ tính chất lao động SP của nghề DH nói chung, nghề GVTH nói riêng.

Đặc biệt SVSP trường CĐSP Kiên Giang số ít thừa nhận *"nghề DH là nghề đang có xu hướng thương mại hóa"* (chỉ chiếm 30% mức độ rất đúng và đúng). Tuy nhiên phần đông các em còn phân vân (ĐTB:3.07). Như vậy, SVSP có cái nhìn chưa mấy tích cực, lạc quan đối với nghề giáo. Điều này có thể ảnh hưởng đến hành vi học tập rèn luyện trong thời gian còn là SV trên ghế nhà trường.

b) So sánh TB giữa 2 nhóm ý kiến tích cực và tiêu cực, so sánh theo giới tính, theo năm học

- ***Điểm TB 2 nhóm ý kiến tích cực và tiêu cực tính trên toàn mẫu***

Bảng 3.11: Kết quả điểm TB giữa 2 nhóm ý kiến tích cực và tiêu cực

Nhóm ý kiến	TB	SD
Tích cực	4.03	3.53
Tiêu cực	3.57	4.47

Dựa trên kết quả điểm TB giữa 2 nhóm ý kiến cho thấy, đa số SV tán thành với nhóm ý kiến về tính tích cực của nghề. Kết quả thu được thể hiện nhận thức đúng đắn, tích cực của SVSP trường CĐSP Kiên Giang về vai trò, ý nghĩa của nghề DH, cũng như những đóng góp to lớn của thầy cô giáo đối với XH. Như vậy, thời nào cũng vậy nghề giáo vẫn luôn được XH đánh giá cao và trân trọng. Không ai có thể phủ nhận vai trò của GD đối với sự tiến bộ XH, đặc biệt là các thầy cô giáo là những người trực tiếp đóng góp nhiều cho sự tiến bộ ấy. Chính vì thế SVSP là những thầy cô giáo tương lai lại càng phải ý thức rõ hơn ý nghĩa lớn lao này. Tuy nhiên nhìn vào kết quả, mặc dù nhóm ý kiến tiêu cực có sự tán đồng thấp hơn so với nhóm tích cực nhưng với ĐTB >3.5 có nghĩa là đôi khi các em còn nhìn nhận nghề DH chưa mấy lạc quan và tin tưởng vào các giá trị mà nó đem đến cho XH.

- ***So sánh TB ý kiến đánh giá nghề DH theo giới tính***

Bảng 3.12: Kết quả so sánh giữa SV nam và nữ ý kiến đánh giá nghề DH

Nhóm ý	Nam	Nữ	**t**	**p**

kiến	TB	SD	TB	SD		
Tích cực	3.53	2.51	3.47	3.64	0.55	0.59
Tiêu cực	**3.30**	3.38	**3.14**	4.12	**2.38**	**0.02**

Ở nhóm ý kiến tích cực: với mức ý nghĩa α=0.05, ứng với giá trị t=0.55, p=0.59> α. Cho thấy không có sự khác biệt giữa ý kiến đánh giá của nam và nữ về nghề DH. Cả nam và nữ đều tán đồng với những nhận xét tích cực mà XH ưu ái dành cho nghề DH.

Ở nhóm ý kiến tiêu cực (cũng với mức ý nghĩa α=0.05) cho thấy có sự khác biệt giữa ý kiến đánh giá của nam SV và nữ SV đối với nghề DH. ĐTB của nam = 3.30, nữ = 3.14 chứng tỏ nữ SVSP phản đối mạnh hơn (không tán đồng lắm) so với nam về một số ý kiến mang tính tiêu cực đối với nghề DH. Như thế khi đánh giá về nghề DH, nam SV ngành CĐTH có xu hướng không mấy lạc quan lắm so với nữ về nghề DH.

- ***So sánh TB ý kiến đánh giá nghề DH theo năm học***

Bảng 3.13: Kết quả so sánh giữa SV năm I – năm III ý kiến đánh giá nghề DH.

Nhóm ý kiến	**Năm I**		**Năm III**		**t**	**p**
	TB	SD	TB	SD		
Tích cực	4.01	4.19	3.47	2.80	-1.08	0.28
Tiêu cực	**3.77**	4.86	**3.14**	4.04	**2.47**	**0.01**

Với kiểm nghiệm Independent-samples T-test, với α=0.05, qua kết quả bảng 3.13 đã thể hiện rõ:

Không có sự khác biệt ý nghĩa đối với nhóm ý kiến tích cực về nghề DH giữa SV năm I với SV năm III. Cả SV mới vào trường cũng như SV sắp ra trường thừa nhận các ý kiến tích cực của XH dành cho nghề DH. Mặc dù vậy, với ĐTB của SV năm III: 3.47 cho thấy SV hệ CĐTH khi sắp ra trường lại không đánh giá cao các ý kiến tích cực đối với nghề DH.

Có sự khác biệt ý kiến đánh giá nghề DH giữa SV năm đầu và năm cuối ở nhóm ý kiến tiêu cực (ứng với α=0.05, t=2.47, P=0.01). Với Điểm TB năm III = 3.14 < 3.77 ở năm I. Chứng tỏ SV năm cuối không đồng ý lắm với các ý kiến không mấy tích cực dành cho nghề DH. Sinh viên năm nhất thừa nhận những vấn đề còn tồn tại đối với nghề DH.

3.2.2 Thái độ của SV đối với nghề DH

3.2.2.1 Hứng thú của SV đối với nghề DH.

Hứng thú với nghề DH là động lực thúc đẩy SVSP học tập, rèn luyện để chiếm lĩnh các giá trị nghề nghiệp. Xét ở góc độ này thì hứng thú là một phương diện biểu hiện định hướng giá trị nghề DH của SV.

a) Mức độ hứng thú nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang

Kết quả hứng thú với nghề DH được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.14: Mức độ yêu thích nghề DH

Stt	Mức độ yêu thích	Tần số	Tỷ lệ %
1	Rất thích	84	27.1
2	Thích	183	59.0
3	Bình thường	37	11.9
4	Không thích	3	1.3
5	Hoàn toàn không thích	2	0.6

Với câu "hỏi em có thích nghề DH không", có 84/310 (chiếm 27.1%) SV trả lời rất thích, 183/310 (chiếm 59%) nói thích, 37/310 (chiếm 11.9%) cho là bình thường, chỉ có 3 người (chiếm 1.3%) không thích và 2 em (0.6%) em nói hoàn toàn không thích. Kết quả trên 86.1% thích nghề DH. Như vậy hầu hết SV được hỏi đều thích nghề giáo. Đối chiếu với sự nhận thức của SVSP về giá trị nghề DH cho thấy bước đầu có sự phù hợp giữa nhận thức với thái độ biểu hiện đối với nghề DH.

Thật vậy khi được phỏng vấn *"Lý do em thi vào sư phạm ?"* phần đông các em trả lời: *vì yêu thích nghề dạy học và muốn trở thành giáo viên, vì phù hợp với nguyện vọng và sở thích, để theo đuổi ước mơ của bản thân.* Một sinh viên lớp 31 CĐTH1chia sẻ như sau: "Em có mơ ước trở thành cô giáo từ khi còn học mẫu giáo. Em thường mang tất cả búp bê, gấu bông em có ra để cho chúng làm HS, còn mình là cô giáo. Cứ thế theo thời gian ước mơ cứ lớn dần, lớn dần lên". Một em khác học năm thứ 3 cho biết: "sở dĩ em thi vào SP vì em rất quí trẻ em, chúng nó rất hồn nhiên và dễ thương". SV Nguyễn Thu Hương lớp 29ACĐTH phát biểu: "Em thích trở thành GV vì em nhận thấy người dân rất quí trọng thầy cô giáo". Như vậy ở đây chúng ta thấy cho dù phần đông SVSP trường CĐSP Kiên Giang nhận thấy đời sống của GV vùng nông thôn còn nhiều khó khăn nhưng vì yêu thích nghề giáo nên các em đã thi vào trường SP. Tuy nhiên không phải ai thi vào sư phạm cũng xuất phát từ sở thích, có em không thi đỗ nguyện vọng 1 nên xét tuyển nguyện vọng 2 vào SP. Nhìn chung, với thái độ này, bước đầu cho thấy SVSP ngành CĐTH trường CĐSP Kiên Giang ý thức rõ giá trị nghề DH, điều này rất thuận lợi cho công tác GD đào tạo của trường và hoạt động tự rèn luyện của SV.

b) So sánh mức độ yêu thích nghề DH theo giới tính, theo năm học

Bảng 3.15:Kết quả SS mức độ yêu thích nghề DH theo giới tính, năm học

Mức độ yêu thích	Rất thích	Thích	Bình thường và không thích	df	X^2	P

Nhóm / SV	F	%	F	%	F	%			
Nam	27	28.1	55	57.3	14	14.6	2	1.04	0.59
Nữ	27	26.0	66	63.5	11	10.6			
Năm I	37	28.7	69	53.5	23	17.8	2	**8.87**	**0.01**
Năm III	33	25.2	89	67.9	9	6.9			

- Với kiểm nghiệm ý nghĩa (α=0.05) từ kết quả bảng trên cho thấy: mức ý nghĩa quan sát P = 0.59 > α, ứng với giá trị Chi bình phương là 1.04 nói lên không có sự khác biệt giữa nam và nữ về sự yêu thích nghề DH. Nhìn vào bảng trên chúng ta dễ thấy chỉ có sự chênh lệch một chút ở mức độ thích (Nam: 57.3% so với nữ: 63.5%) và mức độ bình thường và không thích (Nam:14.6%, nữ:11%). Còn mức độ thích tỉ lệ chênh lệch không đáng kể. Qua sự so sánh này cho thấy đối với sinh viên CĐTH trường CĐSP Kiên Giang sự yêu thích nghề DH giữa nam và nữ không có khác nhau gì. Như vậy sự yêu thích nghề DH không phụ thuộc vào giới tính.

- Đối với trình độ đào tạo giữa năm đầu và năm cuối (với mức α=0.05). Với giá trị Chi bình phương = 8.87, P = 0.01< α. Có sự khác biệt về mức độ yêu thích nghề DH giữa năm I với năm III. Cụ thể tỉ lệ SV năm III thích nghề DH nhiều hơn SV năm I hơn 14%. Như vậy sau một thời gian học thì SV trường CĐSP Kiên Giang yêu thích nghề DH hơn.

Tóm lại phần lớn SVSP trường CĐSP Kiên Giang yêu thích nghề DH. Hơn nữa một điều đáng mừng sau một thời gian học ở trường thái độ yêu thích tăng thêm. Nhưng sự yêu thích này được biểu hiện cụ thể như thế nào, SVSP có luôn quan tâm các vấn đề liên quan đến DH, có biểu hiện xúc cảm tích cực với trẻ, có niềm tin vào giá trị của nghề không? Vậy để hiểu rõ hơn về thái độ yêu thích này, chúng ta cùng tìm hiểu qua sự biểu hiện cụ thể về mặt hứng thú, tình cảm và niềm tin đối với các vấn đề về nghề DH.

3.2.2.2 Mức độ biểu hiện thái độ về mặt hứng thú, tình cảm, niềm tin với nghề DH của SV hệ CĐTH

a) Mức độ biểu hiện thái độ về mặt hứng thú, tình cảm, niềm tin với nghề DH

Bảng 3.16: Kết quả biểu hiện thái độ về mặt hứng thú tình cảm, niềm tin

Nhóm	**Stt**	**Nội dung các biểu hiện**	**TB**	Thứ hạng
Hứng thú	**1**	Em rất thường quan tâm các thông tin về nghề DH	4.05	6
	4	Em rất thích và thường xuyên tìm hiểu PPDH	3.92	10
	7	Với em các môn học luôn có sự lôi cuốn mạnh mẽ	**3.48**	**12**
	10	Em luôn quan tâm chú ý đến các môn nghiệp vụ	3.98	9

Tình cảm	**2**	Em thật sự vui sướng khi tiếp xúc với trẻ	**4.09**	**4**
	5	Với em được dạy dỗ HS là cả một niềm vinh dự	**4.06**	**5**
	8	Em thật sự bức xúc trước các vấn nạn học đường	**3.86**	**11**
	11	Với em mỗi HS là một người bạn, một người em	**4.22**	**3**
Niềm tin	**3**	Em rất hài lòng với nghề em đang theo học	4.05	6
	6	Nghề DH sẽ đem lại niềm vui cho em	4.05	6
	9	Cho dù khó khăn vẫn đi đến cùng con đường đã chọn	**4.41**	**2**
	12	Đối với em nghề DH mãi là một nghề cao quí	**4.59**	**1**

Kết quả bảng 3.16 cho thấy: ĐTB thấp nhất là:3.48 và cao nhất: 4.59. Qua đây nói lên SVSP hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang có thái độ khá tích cực đối với nghề DH. Hơn nữa cường độ biểu hiện của thái độ này khá mạnh và có sự tập trung.

Hai biểu hiện tích cực nhất gồm: *Đối với em nghề DH mãi là một nghề cao quí (ĐTB:4.59), Cho dù khó khăn vẫn đi đến cùng con đường đã chọn (4.41)*. Cho dù nghề DH có bị ảnh hưởng tiêu cực của nền kinh tế thị trường, của XH thì các em vẫn có một niềm tin mạnh mẽ vào giá trị của nghề DH. Cũng như cho dù khó khăn đến đâu các em vẫn theo đuổi ước mơ hằng ấp ủ. Sau 2 biểu hiện về mặt niềm tin các em có một tình cảm dương tính yêu quí đối với trẻ. Với SVSP trường CĐSP Kiên Giang thì: *được tiếp xúc với trẻ là một niềm vui*, *niềm vinh dự*, *các em HS là những người bạn, người em.* Tuy nhiên, một số biểu hiện về mặt hứng thú được xếp ở các vị trí thấp hơn. Các em chưa thật sự *hứng thú với các môn học.* (Vì với biểu hiện: "*Với em các môn học luôn có sự lôi cuốn mạnh mẽ"có ĐTB thấp nhất và xếp ở vị trí cuối), không quan tâm đến các phương pháp dạy học*. (xếp thứ 10/12). Đây là một vấn đề cần phải quan tâm bởi lẽ vì hầu như (86.1%) các em đều thích nghề DH thì tất nhiên các môn học sẽ rất hứng thú. Nhưng ở đây các môn học chưa thật sự thu hút, điều này có thể thuộc về lỗi phương pháp giảng dạy cũng như trình độ, nghệ thuật SP của giảng viên. Hơn nữa, với các *vấn nạn của học đường* là điều nhức nhối của XH, là mối bận tâm của phụ huynh đối với ngành giáo dục thì SVSP lại tỏ thái độ không quan tâm.

Nhìn chung đây là những biểu hiện rất cơ bản thể hiện thái độ của cá nhân với nghề DH. Với 12 biểu hiện trên cùng với kết quả cụ thể của mỗi biểu hiện đã làm nổi bật thái độ của SV hệ CĐTH nói riêng, SVSP trường CĐSP nói chung đối với nghề DH. Đồng thời qua thái độ trên cho thấy rõ tính quan trọng và cần thiết mà SVSP quyết định theo đuổi nghề DH.

b) So sánh mức độ biểu hiện thái độ giữa 3 nhóm hứng thú, tình cảm, niềm tin , so sánh theo giới tính, theo năm học mức độ biểu hiện thái độ đối với 3 nhóm hứng thú tình cảm, niềm tin .

➢ ***So sánh TB giữa 3 nhóm biểu hiện thái độ với nghề DH tính trên toàn mẫu***

Bảng 3.17: Kết quả so sánh giữa 3 nhóm biểu hiện thái độ với nghề DH

Nhóm biểu hiện	**TB**	**SD**	**F**	**p**
Hứng Thú	3.86	2.15	6.32	0.00
Tình cảm	4.03	2.04		
Niềm tin	4.30	1.69		

Kết quả bảng trên chỉ ra có sự khác biệt ý nghĩa giữa 3 nhóm biểu hiện thái độ đối với nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang. Cụ thể trong 3 nhóm biểu hiện: *Hứng thú, tình cảm, niềm tin.* Trước hết SV hệ CĐTH có *một niềm tin lớn lao* vào nghề DH. (ĐTB nhóm niềm tin:4.30 cao nhất), tiếp đến tình cảm (ĐTB: 4.03), và đến hứng thú (ĐTB:3.86). Điều này cho chúng ta có một cái nhìn khá lạc quan về bức tranh tổng thể thái độ của SVSP trường CĐSP Kiên Giang đồng thời dự báo một sự thuận lợi về mặt tâm lý của SV trong quá trình học nghề và công tác sau này. Bởi niềm tin là sự kết tinh của những quan điểm, tri thức, rung cảm, ý chí được con người thể nghiệm, trở thành chân lý bền vững trong mỗi cá nhân. Niềm tin tạo cho con người nghị lực, ý chí để hành động phù hợp với quan điểm đã chấp nhận. Như vậy niềm tin với nghề DH sẽ giúp cho sinh viên CĐTH trường CĐSP Kiên Giang có những nghị lực cần thiết giúp các em - những thầy cô giáo tương lai hoàn thành tốt nhất trách nhiệm của mình. Còn tình cảm giành cho học sinh làm cho người GV tìm thấy niềm vui cho dù có gặp khó khăn trong công tác. Cũng chính tình yêu học trò mới làm cho người thầy giáo có thể đi đến cùng và cống hiến cho sự nghiệp GD. Tuy nhiên, cần thiết các giảng viên phải có phương pháp lôi cuốn, thu hút và hấp dẫn để các em thật sự yêu thích các môn học, đồng thời bồi dưỡng thêm tình cảm nghề ngay từ khi mới bước chân vào trường SP để từ đó ngày càng củng cố thêm niềm tin vững chắc.

➢ ***So sánh TB theo giới tính biểu hiện thái độ với nghề DH***

Bảng 3.18: Kết quả so sánh giữa nam – nữ thái độ biểu hiện về mặt hứng thú, tình cảm, niềm tin với nghề DH

Nhóm	Nam	Nữ	**t**	**p**
	TB	TB		
Hứng thú	3.93	3.84	0.14	0.15
Tình cảm	4.01	4.07	-0.94	0.35
Niềm tin	4.28	4.31	-0.45	0.66

Kết quả kiểm nghiệm ở mức ý nghĩa $\alpha = 0.05$ cho thấy không có sự khác biệt ý nghĩa giữa 2 nhóm sinh viên nam – nữ trong các lựa chọn ở 3 nhóm thái độ (hứng thú, tình cảm và niềm tin).

Như vậy nhìn chung, giữa nam và nữ SV có sự thống nhất cao trong các biểu hiện thái độ của mình với nghề DH, đại đa số SV của cả hai giới đều thể hiện thái độ tích cực cao với nghề DH.

- ***Kết quả so sánh theo năm học biểu hiện thái độ với nghề DH***

Bảng 3.19: Kết quả so sánh giữa năm I – năm III biểu hiện thái độ với nghề DH

Biểu hiện thái độ	Năm I	Năm III	**t**	**p**
	TB	TB		
Hứng thú	3.84	3.90	-1.04	0.30
Tình cảm	4.04	4.09	-0.70	0.49
Niềm tin	4.28	4.31	-0.29	0.77

Từ kết quả bảng trên, cũng với kết quả kiểm nghiệm ở mức ý nghĩa α=0.05 cho thấy không có sự khác biệt ý nghĩa giữa SV năm I với năm III về sự biểu hiện thái độ đối với nghề DH. Như vậy trình độ có khác nhau nhưng thái độ đối với nghề là như nhau. Sinh viên năm I có hứng thú, tình cảm, niềm tin với nghề cũng giống như sinh viên năm III.

3.2.2.3 Mức độ yên tâm của SVSP đối với nghề DH.

Yên tâm nghề nghiệp là một trong những cơ sở để đánh giá tính ổn định trong định hướng giá trị nghề nghiệp của SV. Thực tế có trường hợp SV yêu thích nghề dạy học, hứng thú với nghề nhưng chưa hẳn đã yên tâm với nghề đã chọn. Để biết chắc chắn thật sự SVSP có thái độ đúng đắn với nghề, điều cần thiết phải tìm hiểu thêm mức độ yên tâm đối với nghề. Sau đây là kết quả khảo sát:

Bảng 3.20: Mức độ yên tâm của sinh viên đối với nghề dạy học

Stt	**Mức độ yên tâm**	**Tần số**	**Tỷ lệ %**
1	Chọn lại	19	6.1
2	Phân vân	57	18.4
3	Không chọn lại	243	75.5

Có hơn 75% SV được hỏi đều khẳng định cho dù có điều kiện chọn lại nghề khác tốt hơn các em vẫn chọn nghề DH. Điều này phản ánh tâm lý vững vàng của đa số SV. Các em luôn thể hiện một thái độ sẵn sàng để dấn thân vào con đường đã chọn. Một khi với thái độ kiên quyết người ta luôn sẵn sàng chấp nhận mọi thứ mà không cảm thấy ân hận về sau. Ở đây phần lớn SV cũng đã chấp nhận theo nghề giáo và cho dù khó khăn đến đâu cũng vẫn đi đến cùng con đường đã chọn điều này hoàn toàn phù hợp với thái độ biểu hiện về mặt niềm tin. Với kết quả này nhà trường có nhiều thuận lợi trong công tác đào tạo.

➢ ***So sánh mức độ yên tâm với nghề DH theo giới tính, theo năm học***

Bảng 3.21: Kết qủa thái độ yên tâm với nghề DH giữa các nhóm SV

Nhóm SV	Chọn lại		Phân vân		Không chọn lại		Df	X^2	P
	f	%	f	%	f	%			
Nam	8	8.3	14	14.6	74	77.1	2	3.13	0.21
Nữ	3	2.9	19	18.3	82	78.8			
Năm I	8	6.2	29	22.5	92	71.3	2	5.24	0.07
Năm III	5	3.8	17	13.0	109	83.2			

Với độ tin cậy 95% (α=0.05), Sig.= 0.21> α ứng với giá trị Chi bình phương =3.13 thì không có sự khác biệt ý nghĩa giữa nam và nữ về mức độ yên tâm với nghề DH. Đúng vậy nhìn vào bảng trên ta thấy tỉ lệ không chọn lại nghề DH giữa nam (77.1%) và nữ (78,8%) gần như là ngang nhau. Ở mức chọn lại của nam SV có tỉ lệ cao hơn nữ SV (8.3% so với 2.9%). Điều này dễ hiểu bởi xét về đặc điểm tâm lí thì nam SV có nhiều cơ hội lựa chọn hơn nữ.

Xét về trình độ đào tạo dựa trên kết quả bảng (với α=0.05), cho thấy không có sự khác biệt (Tuy sự khác biệt này là không lớn lắm, vì p = 0.07) về mức độ yên tâm với nghề DH giữa SV năm I với năm III. Song nhìn vào bảng có điều đáng lưu ý: Tỉ lệ % SV năm III vẫn theo nghề DH (cho dù có điều kiện chọn lại nghề khác) cao hơn 12%. Chứng tỏ SV năm nhất khi mới vào trường SP tâm lý còn dao động, (chiếm khoảng 30%) hoặc chưa thật sự yên tâm với nghề GVTH mà mình đã chọn. Còn SV năm cuối yên tâm hơn với quyết định của mình. Phải chăng sau một thời gian học nghề SVSP hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang đã nhận thức sâu sắc giá trị cũng như yêu cầu của nghề và thấy mình hoàn toàn phù với với nghề GVTH.

Kết luận: Trong sự chuyển hóa nhận thức thành hành vi thì thái độ niềm tin có ý nghĩa vô cùng quan trọng, nó có giá trị hướng dẫn con người hành động. Thái độ niềm tin là nội lực là sức mạnh tinh thần để biến những điều đã nhận thức được thành phẩm chất NC. Như vậy rất may ở đây SVSP trường CĐSP Kiên Giang thể hiện thái độ rất tốt với nghề DH. Hy vọng những SV này sẽ là những GV có tài – đức để dạy dỗ, giáo dục thế hệ trẻ có ích cho xã hội.

3.2.3 Hành vi học tập, rèn luyện nghề dạy học của SV

3.2.3.1 Hành vi học tập, rèn luyện nghề DH của SV

Đời sống tâm lí cá nhân là sự kết hợp ba mặt nhận thức, tình cảm và hành vi. Qua điều tra về mặt nhận thức và thái độ chúng ta thấy đa số SVSP hệ CĐTH có nhận thức đúng đắn có thái độ tích

cực yêu thích nghề DH và yên tâm với sự lựa chọn. Song sự định hướng giá trị nghề thật sự có ý nghĩa đối với mỗi cá nhân khi họ tích cực hoạt động nhằm chiếm lĩnh các giá trị đó. Vì vậy mức độ học tập, rèn luyện của người SV là một trong những biểu hiện cụ thể nhất của định hướng giá trị nghề DH.

Trong chương trình đào tạo của trường CĐSP Kiên Giang cùng với hoạt động học tập, nhà trường tổ chức rất nhiều hoạt động khác nhau để bồi dưỡng những phẩm chất, năng lực cần thiết cho giáo sinh SP có đủ phẩm chất năng lực của một nhà giáo. Tuy nhiên ngoài các hoạt động mang tính chất bắt buộc được nhà trường tổ chức. Điều quan trọng hơn SVSP còn cần phải tự giác rèn luyện thêm các hoạt động khác để tự hoàn thiện mình. Thông qua 14 hành vi cụ thể được chia thành 2 nhóm (nhóm hành vi có tính chất bắt buộc, và nhóm hành vi có tính chất tự giác) liên quan đến việc hình thành và rèn luyện nghề SP được đưa ra để các em tự đánh giá mức độ tham gia rèn luyện nghề được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.22: Biểu hiện hành vi học tập rèn luyện nghề DH

Nhóm hành vi	Stt	**Nội dung hành vi học tập, rèn luyện**	Rất TX và TX		**TB**	Thứ hạng
			F	**%**		
Bắt buộc	**1**	Tập trung nghe giảng	**273**	**88.1**	**4.19**	**2**
	2	Tham gia tích cực giờ học nhóm trên lớp	191	61.6	3.72	6
	3	Soạn bài, làm bài đầy đủ theo yêu cầu và tham gia hiệu quả giờ thực hành ở lớp.	223	83.5	3.66	7
	4	Tranh luận, nêu thắc mắc tham gia xây dựng bài	165	53.2	3.58	10
	5	Ghi chép bài đầy đủ	**292**	**94.2**	**4.58**	**1**
	6	Hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập, rèn luyện	208	67.1	3.76	5
	7	Tham gia có hiệu quả các hoạt động học tập, văn nghệ, thể thao, các câu lạc bộ… do lớp, khoa, nhà trường tổ chức	167	53.8	3.43	11
Tự giác	**8**	Tự nỗ lực tìm PP học tập phù hợp	**267**	**85.2**	**4.01**	**4**
	9	Tự giác học thêm môn học ngoài chương trình như vi tính, ngoại ngữ, năng khiếu …	**126**	**40.6**	**3.17**	**13**
	10	Trao đổi với GV, bạn bè, người thân những khó khăn trong học tập và cuộc sống	173	55.8	3.65	8
	11	Tham gia hoạt động dạy thêm, hoặc dạy thêm tình nguyện	**39**	**12.5**	**1.99**	**14**

	12	Ngoài bạn bè, tự học hỏi thêm ở các thầy cô	**140**	**45.2**	**3.23**	**12**
	13	Tự trau dồi các phẩm chất đạo đức, tác phong người GV sư phạm	**251**	**81.0**	**4.03**	**3**
	14	Đọc thêm tài liệu, sách báo, internet…phục vụ học tập	171	55.2	3.63	9

Kết quả có 11/14 hoạt động được SV thực hiện thường xuyên và rất thường xuyên (ĐTB từ 3.54 đến 4.58). Đây là những hoạt động thường diễn ra nhằm mục đích giúp SV tích lũy tri thức, rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức, phương pháp cũng như để hình thành kĩ năng nghề nghiệp. Trong đó 2 hoạt động quen thuộc nhất và đặc trưng của HS, sinh viên khi còn ngồi trên ghế nhà trường được xếp ở vị trí cao nhất là: "*Ghi chép bài đầy đủ"* (ĐTB:4.58), "*Tập trung nghe giảng"* (ĐTB:4.19). Đây là 2 hoạt động dễ dàng quen thuộc từ thời phổ thông vẫn còn có tác động đến SV đại học khi đến lớp. Đa số SV quan niệm để đạt kết quả cao trong học tập thì việc tập trung nghe giảng và ghi chép bài đầy đủ là chắc ăn và hiệu quả nhất để đạt kết quả cao. Chính vì thế mà có tới hơn 90% SV thường xuyên làm điều này. Điều này phần nào cũng nói lên sự chuyên cần trong học tập, rèn luyện và cũng là sự cố gắng của SV trong học tập.

"Trau dồi các phẩm chất đạo đức tác phong người GV" (ĐTB:4.03) được xếp ở vị trí thứ 3. Mặc dù đây là hoạt động có tính định tính, thể hiện xu hướng nghề nghiệp của SV. Nhưng đó là tín hiệu đáng mừng khi mà XH đang chạy theo vật chất, xem nhẹ phẩm chất NC thì SVSP vẫn thường xuyên rèn luyện phẩm chất đạo đức tác phong của một người GV để tự hoàn thiện mình.

Các hoạt động: "*Tự nỗ lực tìm phương pháp học tập phù hợp","Hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập rèn luyện", "Tham gia hiệu quả việc học nhóm trong các giờ học"*, *"Soạn bài làm bài đầy đủ theo yêu cầu và tham gia hiệu quả giờ thực hành trên lớp"* lần lượt được xếp ở vị trí thứ 4, thứ 5, thứ 6, thứ 7. Như chúng ta đều biết bài giảng của giảng viên chỉ mang tính chất gợi mở, đưa ra các hướng, tư tưởng chủ đạo của các vấn đề cần nghiên cứu chứ không phải là để cung cấp sẵn kiến thức cho người học. Nhiệm vụ của SV đại học phải tự tìm ra phương pháp học tập phù hợp, cũng như tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

Ngoài ra các hoạt động khác cũng đã được các em thực hiện thường xuyên như: "*Trao đổi với GV, bạn bè, người thân những khó khăn trong học tập và cuộc sống"* (ĐTB:3.65), *"Đọc thêm tài liệu, sách báo, internet...phục vụ học tập"* (ĐTB:3.63) , *"Tranh luận, nêu thắc mắc tham gia xây dựng bài"* (ĐTB:3.58). Như vậy ở đây phần nào SVSP hệ CĐTH ý thức được việc tự học ở đại học và thường xuyên tự học là chính.

Hai hoạt động:*"Tham gia có hiệu quả các hoạt động học tập, văn nghệ, thể thao, các câu lạc bộ do khoa, nhà trường tổ chức"* và *"Ngoài bạn bè, tự học hỏi thêm ở các thầy cô"*chưa được các em thực hiện tốt lắm (xếp thứ 11, ĐTB:3.43 và thứ 12, ĐTB:3.23). Đây là một điều đáng lưu ý. Lẽ

ra các hoạt động này tất cả SV phải luôn luôn tham gia một cách hiệu quả nhất mới dần hình thành NC người giáo sinh SP. Bởi lẽ đa số các em học SP là vì yêu thích. Và vì yêu thích thì với các hoạt động thiết thực nhất do nhà trường tổ chức thì SV phải rất hào hứng và rất thường xuyên tham gia vào. Có thể nói việc tổ chức các hoạt động của nhà trường không mấy hấp dẫn lôi cuốn, còn đơn điệu, nhàm chán. Bên cạnh đó trình độ tri thức, tác phong SP, sự gương mẫu của đội ngũ giảng viên của trường cũng có thể chưa được SV nể phục cho nên các em cảm thấy không có gì đáng để học thêm ở quí thầy cô chăng. Với điểm đáng lưu tâm này khoa Tiểu Học nói riêng, trường CĐSP nói chung cần có giải pháp khắc phục.

Hai hoạt động có ĐTB thấp nhất và xếp ở vị trí cuối cùng gồm: "*Tự giác học thêm các môn học ngoài chương trình như vi tính, ngoại ngữ, năng khiếu…"* (ĐTB:3.17) *"Tham gia hoạt động dạy thêm hoặc dạy thêm tình nguyện"* (ĐTB:1.99). Thiết nghĩ đây là hai hoạt động rất thiết thực giúp SVSP bồi dưỡng thêm kiến thức, rèn thêm kĩ năng SP làm hành trang sau này phục vụ tốt nhiệm vụ của người GV thì lại không được các em thực hiện. Đặc biệt trong thời kì mở của hội nhập việc biết vi tính ngoại ngữ là cánh cửa mở ra nhiều điều hay mới lạ để chúng ta tiến bộ hơn. Phải chăng điều này cũng phù hợp với nhận thức của đa số SV sống ở nông thôn, các em quan niệm kiến thức về vi tính ngoại ngữ không cần thiết đối với GVTH. Có thể đây là quan niệm còn lạc hậu. Còn đối với *hoạt động dạy thêm hoặc dạy thêm tình nguyện* thì hầu như SV trường CĐSP Kiên Giang chưa bao giờ tham gia. Điều này phải chăng do sự thụ động của SV hay do môi trường không có điều kiện để các em tham gia vào.

3.2.3.2 So sánh TB mức độ học tập, rèn luyện nghề DH của SV theo nhóm hành vi, theo giới tính, theo năm học.

- ***So sánh điểm trung bình giữa 2 nhóm hành vi***

Bảng 3.23: Kết quả điểm trung bình giữa 2 nhóm hành vi:

Nhóm hành vi	TB	SD
Bắt buộc	3.85	3.11
Tự giác	3.39	3.65

Với ĐTB ở nhóm hành vi có tính chất bắt buộc cao hơn nhóm tính chất tự giác cho thấy việc học tập rèn luyện của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang chưa thật phù hợp với tính chất học tập của bậc đại học mà còn mang tính chất học tập ở bậc phổ thông. Hơn nữa với hành vi học tập và rèn luyện có tính chất bắt buộc thì SVSP hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang thường xuyên tham gia vào. Còn các hành vi rèn luyện nghề DH hiệu quả nhất là tự giác thì các em chỉ tham gia ở mức độ đôi khi. Theo tâm lý học phát triển trong quá trình hình thành và phát triển NC thì chính hoạt

động của chủ thể có ý nghĩa quyết định sự hình thành và phát triển NC của mỗi cá nhân. Cụ thể đó chính là tính tích cực hoạt động của chính chủ thể. Quay trở lại với hành vi học tập rèn luyện nghề DH của SVSP tiểu học trường CĐSP Kiên Giang với các hoạt động mang tính tự giác chưa được thực hiện thường xuyên cho thấy: quá trình học tập rèn luyện của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang để hình thành NC của người GVTH ngay từ khi còn là SVSP chưa thật sự đạt được hiệu quả như mong muốn.

- ***So sánh mức độ học tập rèn luyện nghề DH theo giới tính***

Bảng 3.24: Kết quả so sánh mức độ học tập và rèn luyện giữa SV nam-nữ

Nhóm hành vi	**Nam**	**Nữ**	**t**	**p**
	TB	TB		
Bắt buộc	3.93	3.89	0.61	0.55
Tự giác	3.34	3.45	-1.48	0.14

Từ kết quả so sánh mức độ học tập và rèn luyện giữa nam SV và nữ SV, với mức ý nghĩa $\alpha=0.05$, ứng với giá trị $p=0.55$ và $p=0.14$ (ở đây $p> \alpha$) chứng tỏ: Không có sự khác biệt giữa nam và nữ về mức độ học tập và rèn luyện nghề DH học ở cả 2 nhóm hành vi: bắt buộc và tự giác. Nam SVSP cũng như nữ SVSP ngành CĐTH tham gia vào các hoạt động học tập rèn luyện ở mức thường xuyên đối với các hoạt động có tính chất bắt buộc. Còn các hoạt động có tính tự giác thì cả nam và nữ đôi khi mới tham gia. (Xem cụ thể phụ lục 06, Bảng 10). Lẽ ra với các đặc điểm thuận lợi hơn so với nữ thì nam SV phải tích cực hơn với các hoạt động này, nhưng với kết quả ở bảng trên cho thấy nam SVSP bậc CĐTH trường CĐSP Kiên Giang lại thụ động hơn so với nữ. Như vậy khoa Tiểu Học – Mầm non nói riêng cũng như trường CĐSP Kiên Giang nói chung cần chú ý hơn đến vấn đề này. Khoa và nhà trường cần có giải pháp phù hợp tạo điều kiện thuận lợi hơn để nam SV cũng như nữ SV tích cực chủ động tham gia vào các hoạt động có tính tự giác nhiều hơn. Bởi chính hoạt động này giữ vai trò quan trọng quyết định sự phát triển NC của SVSP.

- ***So sánh mức độ học tập, rèn luyện nghề DH giữa năm I – năm III***

Bảng 3.25: Kết quả so sánh mức độ học tập, rèn luyện giữa SV năm I- năm III

Nhóm hành vi	**Năm I**	**Năm III**	**t**	**p**
	TB	TB		
Bắt buộc	3.91	3.90	0.15	0.88
Tự giác	**3.26**	**3.51**	-3.85	**0.00**

Nhìn vào kết quả **Bảng 3.25** cho thấy (với mức $\alpha=0.05$) không có sự khác biệt ý nghĩa giữa SV năm thứ nhất và SV năm cuối ở nhóm hành vi học tập rèn luyện mang tính chất bắt buộc. Như vậy với các hoạt động học tập rèn luyện thì mức độ tham gia vào các hoạt động đó ở SV năm nhất

cũng như năm cuối là như nhau. SV năm I và năm III tham gia ở mức thường xuyên với các hoạt động có tính chất bắt buộc.

Cũng với mức α=0.05, ở nhóm hành vi có tính chất bắt buộc với t= - 3.85, p=0.00< α, => có sự khác biệt ý nghĩa giữa SV năm nhất và SV năm cuối về mức độ học tập và rèn luyện đối với các hoạt động mang tính chất tự giác. Ở SV năm I các hoạt động này các em thỉnh thoảng mới tham gia chứ không thường xuyên. Còn SV năm cuối các hoạt động học tập rèn luyện có tính tự giác đã được các em ý thức rõ tính chất của các hoạt động này và thường xuyên tham gia. Như vậy thông qua kết quả mức độ tham gia các hoạt động học tập rèn luyện giữa SV mới vào trường với SV sắp ra trường cho thấy SV mới vào trường chưa quen với môi trường học tập ở đại học. Điều này cũng phù hợp với công trình nghiên cứu ở Việt Nam và trên thế giới cho biết cần có một thời gian nhất định để người SV làm quen, thích ứng với môi trường đại học.

3.3 Yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề DH của SV

3.3.1 Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang

Định hướng giá trị nghề DH của cá nhân bị chi phối bởi các yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài. Đối với SV hệ CĐTH trường CĐSP thì ĐHGT nghề DH cũng không nằm ngoài qui luật. Tuy nhiên trong 2 yếu tố đó yếu tố nào chi phối nhiều hơn đến sự lựa chọn các giá trị nghề dạy học. Để tìm hiểu điều này chúng ta cùng tìm hiểu qua kết quả điều tra được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 3.26: Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến định hướng giá trị nghề DH

Nhóm yếu tố	**Stt**	**Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề DH**	**TB**	Thứ hạng
Yếu tố bên trong	1	Phù hợp với điều kiện và khả năng	3.98	11
	2	Sau này có đủ khả năng làm tốt công việc DH	**4.23**	**6**
	3	Để mọi người thừa nhận tôn trọng	3.68	17
	4	Vì yêu thích nghề DH	**4.01**	**8**
	5	Nhu cầu có việc làm	**4.37**	**2**
	6	Mong muốn đem hiểu biết truyền đạt cho trẻ	**4.33**	**4**
	7	Nhận thức được các giá trị và phẩm chất NC người GV	4.06	7
	8	Không phù hợp với nguyện vọng	4.02	9
	9	Muốn được gần gũi tiếp xúc với trẻ	3.99	10
	10	Tương lai ra trường sợ không có việc làm	**3.79**	**13**
Yếu tố bên	11	Gia đình luôn tạo điều kiện để được đi học	**4.36**	**3**
	12	Những lời dạy bảo nhắc nhở từ gia đình	**4.39**	**1**

ngoài	13	Ảnh hưởng lối sống của cha mẹ từ nhỏ	**3.69**	**16**
	14	Tấm gương nhiệt tình, tận tụy, hết lòng với HS của thầy cô	**4.24**	**5**
	15	Có bầu không khí tích cực học tập trong SV	**3.88**	**12**
	16	Nội dung GD nghề nghiệp của trường luôn đổi mới	**3.77**	**14**
	17	Sự không gương mẫu và thiếu đạo đức của một số thầy cô	2.87	24
	18	Nhà trường không có nhiều hoạt động đa dạng, hấp dẫn	3.02	23
	19	Điều kiện cơ sở vật chất kĩ thuật, thư viện… của trường chưa đáp ứng đủ nhu cầu nghiên cứu của SV	3.28	20
	20	Thu nhập ổn định và sự ít di chuyển của nghề	**3.76**	**12**
	21	Đời sống sinh hoạt của GV còn nhiều khó khăn	3.53	19
	22	Nghề này nghèo, nhiều người trong XH xem thường	2.56	25
	23	Chế độ chính sách đối với ngành chưa phù hợp	3.13	22
	24	Trẻ em bỏ học nhiều	3.61	18
	25	Nghành GD có quá nhiều hạn chế, bất cập	3.25	21

Kết quả Bảng 3.24 nói lên: tất cả các yếu tố được nêu ra đều có ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề DH của SVSP trường CĐSP Kiên Giang. (ĐTB thấp nhất 2.56, cao nhất 4.39). Nhưng mức độ ảnh hưởng của mỗi yếu tố là không như nhau.

Đứng đầu yếu tố có ảnh hưởng nhiều nhất đến định hướng giá trị nghề DH đó là: "*Những lời dạy bảo nhắc nhở từ gia đình"*. Qua đây cho thấy, gia đình có vai trò vô cùng quan trọng trong việc GD các giá trị đạo đức NC của mỗi cá nhân. SVSP yêu thích nghề DH, đánh giá cao các giá trị của nghề DH đều có nguyên nhân từ sự dạy bảo của gia đình. Đúng như người ta đã nói gia đình là trường học đầu đời và cha mẹ là những người thầy đầu tiên của mỗi cá nhân. Cũng xuất phát từ yếu tố gia đình có ảnh hưởng lớn đến định hướng giá trị: *"Gia đình luôn tạo điều kiện để được đi học",*(xếp thứ 3, ĐTB:4.36) chính sự cố gắng của gia đình để được đi học cũng có ảnh hưởng lớn đến nhận thức, thái độ, hành vi của các em trong quá trình hình thành NC của một nhà giáo sau này.

Tiếp theo yếu tố xếp thứ 2 có mức độ ảnh hưởng rất nhiều: "*Nhu cầu có việc làm"*. Yếu tố này xuất phát từ đặc điểm của lứa tuổi thanh niên, chọn nghề và việc làm là một trong những mối bận tâm hàng đầu của thanh niên. Cũng là tâm lý chung của tất cả các SV khi còn đang học trong trường. Đặc biệt đối với tỉnh Kiên Giang trong những năm gần đây SVSP ra trường không có việc làm vì tình trạng dư giáo viên ở một số môn. Do vậy nhu cầu có việc làm ảnh hưởng rất nhiều đến quá trình học tập rèn luyện của SVSP là điều dễ hiểu.

Các yếu tố bên trong vẫn là các yếu tố ảnh hưởng nhiều đến định hướng giá trị nghề DH bao gồm: "*Mong muốn đem hiểu biết truyền đạt cho trẻ", "Sau này có đủ khả năng làm tốt công việc*

dạy học", "Nhận thức được các giá trị về phẩm chất NC người thầy giáo", "Vì yêu thích nghề dạy học", "Không phù hợp với nguyện vọng", "Muốn được gần gũi tiếp xúc với trẻ", "Phù hợp với điều kiện và khả năng" (Các yếu tố này đều được xếp ở vị trí cao từ 4 đến 11). Đây là các yếu tố bên trong , yếu tố đặc trưng cơ bản tạo nên các giá trị của nghề DH. Những yếu tố này càng trở nên có ý nghĩa trong tình hình XH hiện nay, nghề thầy giáo còn gặp nhiều khó khăn, vất vả, chính sách về lương còn chưa hợp lý đời sống GV còn nhiều khó khăn. Như vậy, ở đây chính đặc điểm tâm lý, trình độ nhận thức, sở thích, nguyện vọng … của cá nhân SV quyết định đến sự lựa chọn các giá trị của nghề DH và theo đuổi nghề.

Một yếu tố khác có ảnh hưởng rất nhiều đến ĐHGT nghề dạy học: "*Tấm gương nhiệt tình, tận tụy, hết lòng với HS của các thầy cô"* (Xếp thứ 5, ĐTB:4.24). Qua đây cũng khẳng định muốn GD thế hệ trẻ trở thành người công dân chân chính trong tương lai trước hết thầy cô giáo phải là những tấm gương tốt. Sự gương mẫu của quí thầy cô làm tăng thêm lòng kính trọng, tin cậy, tự giác ở người học và có tác động trực tiếp đến nhận thức, tình cảm, niềm tin ở mỗi cá nhân.

Còn lại là các yếu tố bên ngoài cũng có ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề dạy học của SV CĐTH trường CĐSP Kiên Giang. Nhưng các yếu tố này có mức độ ảnh hưởng thấp hơn các yếu tố bên trong. Các yếu tố bên ngoài này bao gồm: *" Có bầu không khí tích cực học tập trong sinh viên"*, *"Nội dung giáo dục của trường luôn đổi mới", "Thu nhập ổn định và sự ít di chuyển của nghề", " Tương lai ra trường sợ không có việc làm"*, "*Trẻ em bỏ học nhiều", "Đời sống sinh hoạt của giáo viên còn nhiều khó khăn" "Nhà trường không có nhiều hoạt động đa dạng hấp dẫn" .... "Nghề này nghèo, một số người trong xã hội xem thường"*. Như vậy ngoài các yếu tố bên trong có ảnh hưởng rất nhiều đến sự lựa chọn các giá trị thì yếu tố bên ngoài cũng góp phần không nhỏ ảnh hưởng đến điều này. Mặc dù vậy các yếu tố bên ngoài đóng vai trò thứ yếu. Có lẽ do tầng lớp SV đã có sự nhận thức đúng đắn cũng như sự hiểu biết sâu sắc, lập trường rõ ràng cộng với tình cảm thái độ niềm tin dành cho nghề họ đã lựa chọn.

Tóm lại sự định hướng giá trị nói chung, định hướng giá trị nghề DH của SVSP nói riêng có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến gồm yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài. Qua 25 yếu tố được đưa ra ở trên chúng ta thấy đa số các yếu tố bên trong (chủ quan) có ảnh hưởng nhiều hơn so với yếu tố bên ngoài. Tuy nhiên mức độ ảnh hưởng nhiều như thế nào chúng ta dựa vào kết quả điểm trung bình của từng nhóm yếu tố được thể hiện dưới đây:

Bảng 3.27: Kết quả điểm TB của 2 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề DH

Nhóm yếu tố	TB	SD
Bên trong	4.05	3.73

Bên ngoài	3.52	7.55

Với kết quả này chúng ta thấy cả 2 nhóm yếu tố bên trong, cũng như bên ngoài đều có ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề DH của SV. Tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của 2 nhóm yếu tố khác nhau. Nhóm yếu tố bên ngoài không có ảnh hưởng nhiều đến định hướng giá trị nghề DH (*ĐTB là 3.52*). Nhóm yếu tố bên trong ảnh hưởng khá nhiều (*ĐTB:4.05*) đến định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang. Chứng tỏ sự định hướng giá trị nghề DH của SV thì yếu tố bên trong ảnh hưởng nhiều hơn yếu tố bên ngoài. Qua đây cho thấy sự lựa chọn các giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang do chính bản thân SV ý thức được sở thích, khả năng của chính bản thân và các giá trị của nghề đem lại. Còn các yếu tố bên ngoài ít nhiều cũng có ảnh hưởng nhưng ảnh hưởng không nhiều đến định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang. Yếu tố quyết định vẫn là bản thân SV.

3.3.2 So sánh mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến định hướng giá trị nghề DH theo giới tính, theo năm học

3.3.2.1: So sánh ảnh hưởng của các yếu tố theo giới tính

Bảng 3.28: Kết quả SS mức độ ảnh hưởng của 2 nhóm yếu tố đến định hướng giá trị nghề DH giữa nam-nữ

Giới / Yếu tố ảnh hưởng	Nam		Nữ		t	p
	TB	SD	TB	SD		
Bên trong	3.92	3.42	3.91	3.674	0.09	0.93
Bên ngoài	3.55	7.81	3.60	7.286	-7.18	0.47

Với mức ý nghĩa α=0.05, từ kết quả bảng trên cho thấy cả yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài đều không có sự khác biệt ý nghĩa mức độ ảnh hưởng giữa nam và nữ. Điều này có nghĩa là sự định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH (cả nam và nữ) trường CĐSP Kiên Giang có bị chi phối bởi nhiều yếu tố tác động (bên trong cũng như bên ngoài). Nhưng mức độ tác động này theo như kết quả kiểm nghiệm thì tất cả các yếu tố này tác động đến nam SV và nữ SV là như nhau. Các yếu tố ảnh hưởng này không bị chi phối bởi giới tính. Cho dù đặc điểm tâm sinh lí, điều kiện, sự nhận thức, lối tư duy của nam khác nữ thì các yếu tố bên trong cũng như bên ngoài tác động lên họ có thể làm thay đổi định hướng giá trị, nhưng điều này không xảy ra đối với SVSP ngành CĐTH thuộc tỉnh Kiên Giang. Chúng ta chỉ thấy có sự khác biệt mức độ ảnh hưởng giữa nam và nữ ở một yếu tố: *"Gia đình luôn tạo điều kiện để được đi học"* (ĐTB nam: 4.28, nữ: 4.48 phụ lục 06, Bảng 12). Điều này có thể cho chúng ta thấy việc lựa chọn nghề nghiệp của SV nam độc lập hơn, ít phụ thuộc vào ý kiến của cha mẹ hơn sinh viên nữ.

3.3.2.2 So sánh mức độ ảnh hưởng của các yếu tố theo năm học

Bảng 3.29: Kết quả mức độ ảnh hưởng của 2 nhóm yếu tố giữa năm I-năm III

Giới / Yếu tố ảnh hưởng	Năm I		Năm III		t	P
	TB	SD	TB	SD		
Bên trong	3.87	4.23	3.95	3.00	-1.65	0.10
Bên ngoài	3.53	8.18	3.61	7.10	-1.21	0.23

Cũng với mức ý nghĩa α=0.05, kết quả cho thấy không có sự khác biệt về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố giữa trình độ SV năm I, với trình độ SV năm III ở cả 2 nhóm yếu tố - bên trong và bên ngoài. Lẽ ra với trình độ khác nhau (năm đầu và năm cuối) thì các yếu tố tác động đến ĐHGT nghề DH của SV là không như nhau. Bởi SV năm cuối có thời gian học tập tích lũy kiến thức, rèn luyện phẩm chất đạo đức "chín mùi" hơn thì SV năm III, lẽ ra phải nhận thức rõ hơn các yếu tố có ảnh hưởng hoặc tích cực hoặc tiêu cực đến uy tín danh dự nghề giáo. Từ đó, tỏ thái độ rõ ràng hoặc phê phán lên án hay ủng hộ với các vấn đề xã hội đang quan tâm. Qua vấn đề này chúng ta có thể rút ra một bài học: Giáo dục chưa thật sự thành công bởi đâu đó thế hệ trẻ từ học sinh phổ thông cho đến sinh viên đại học vẫn còn thái độ vô cảm đối với những điều không hay đang xảy ra trong xã hội. Mà thái độ vô cảm là kết quả không mong muốn của quá trình giáo dục. Như vậy với thực trạng này trường CĐSP Kiên Giang cần xem lại quá trình đào tạo làm thế nào để SVSP từ nhận thức đúng các giá trị nghề DH tỏ thái độ rõ ràng phù hợp với tình cảm yêu thích dành cho nghề DH và biểu hiện cụ thể ra bằng hành vi đúng đắn.

3.4 Một số giải pháp giáo dục định hướng giá trị nghề DH cho SVSP

3.4.1 Cơ sở đề xuất giải pháp

3.4.1.1 Từ quá trình nghiên cứu cơ sở lý luận

Dựa trên các khái niệm giá trị, định hướng giá trị, giá trị nghề DH, định hướng giá trị nghề DH, yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề DH đã được đúc rút từ chương 1, chúng tôi đặc biệt lưu ý các vấn đề sau đây như là những cơ sở qui định trực tiếp đến việc đề xuất các giải pháp:

- Định hướng giá trị nghề GVTH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang là hệ thống giá trị chuẩn của nghề GVTH được đưa ra để SV lựa chọn, đánh giá qua đó giáo dục giá trị nghề DH cho SV trường CĐSP Kiên Giang. Do đó *cần làm rõ chuẩn giá trị của nghề GVTH nói riêng và chuẩn giá trị nghề dạy học nói chung.*
- Định hướng giá trị qui định xu hướng phát triển NC và chỉ đạo toàn bộ hoạt động của con người. Định hướng giá trị của mỗi cá nhân do chính cá nhân quyết định, lựa chọn theo nguyện vọng mong muốn của mình. Định hướng giá trị nghề GVTH của SV hệ CĐTH

trường CĐSP Kiên Giang do chính bản thân SV quyết định dựa trên sở thích, nguyện vọng, năng lực. Bên cạnh sự lựa chọn các giá trị nghề DH trước đó ít nhiều bị ảnh hưởng, chi phối của các yếu tố bên ngoài là gia đình, nhà trường, xã hội. *Như vậy muốn định hướng giá trị nghề DH cho SVSP một cách đúng đắn chúng ta cần quan tâm đặc biệt đến tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, mong muốn của SV. Tạo mọi điều kiện để các em có sự ĐHGT nghề DH một cách đúng đắn nhất.*

- Do đặc thù cũng như xét về bản chất của quá trình hình thành định hướng giá trị nghề DH của SVSP là quá trình hình thành ở người giáo sinh NC của nhà giáo dục. Điều này cho thấy quá trình hình thành định hướng giá trị nghề DH tốt nhất diễn ra trong suốt quá trình học tập rèn luyện trong môi trường nhà trường SP. Những *tác động của nhà trường giữ vai trò chủ đạo đến định hướng giá trị nghề DH của SV.*

3.4.1.2 *Qua khảo sát thực trạng, thu thập ý kiến SV, qua câu hỏi khảo sát mở (câu hỏi 11, phụ lục 05).*

Với thực trạng định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang, cho chúng tôi một cái nhìn như sau:

- SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang năm học 2009 – 2010 có định hướng giá trị nghề dạy học khá đúng đắn và tích cực. Được biểu hiện ở cả 3 mặt nhận thức, thái độ và hành vi.
- Yếu tố ảnh hưởng chủ yếu đến định hướng giá trị nghề DH do chính sự nhận thức, năng lực và sở thích của SV.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt khả quan đó xét theo quan điểm toàn diện cũng cần chú ý đến khía cạnh cụ thể trong toàn bộ quá trình định hướng giá trị nghề DH, cũng như qua kết quả phỏng vấn và thu thập ý kiến từ câu hỏi khảo sát 11 có một số khía cạnh đáng quan tâm sau:

- Quá trình định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH ở 3 mặt nhận thức, thái độ, hành vi chưa có sự thống nhất cao. Đã có sự nhận thức đúng đắn các giá trị nghề DH với thái độ tích cực yêu thích nghề DH, song mức độ biểu hiện ở hành vi học tập rèn luyện nghề DH chưa cao.
- Các giá trị xã hội phổ biến của nghề DH được SV xếp ở thứ hạng cao nhưng có xu hướng coi nhẹ các mặt phẩm chất chính trị, xem nhẹ các giá trị có tính thời đại.
- Qua phỏng vấn và thu thập ý kiến của SV trường CĐSP Kiên Giang để có ĐHGT nghề DH phù hợp hầu hết các em đều băn khoăn và đề xuất các ý kiến sau:

  Về phía nhà trường: Điều kiện CSVC – KT, trang thiết bị học tập chưa đáp ứng nhu cầu của SV; các hoạt động của nhà trường tuy có nhưng chưa đa dạng và thiếu sự hấp dẫn; cần phối

hợp chặt chẽ, nắm bắt tình hình cụ thể của địa phương để có thể phân phối đầu vào đầu ra hợp lý.

Về phía giáo viên: Nhìn chung hầu hết ý kiến tập trung trước hết vào phẩm chất đạo đức, rồi trình độ và đến năng lực của giáo viên. Ngoài ra các em còn mong muốn quí thầy cô hướng cho các em đến với nghề DH, cũng như mong quí thầy cô gần gũi với SV nhiều hơn. Các em đã thẳng thắn bộc bạch: "*Em rất mong quí thầy cô giảng dạy tận tình cho chúng em, bên cạnh việc truyền đạt kiến thức. Hãy giúp chúng em nhận thấy được phẩm chất cao quí từ thầy cô. Thầy cô nên gần gũi với SV, sẵn sàng lắng nghe và giải đáp những thắc mắc của SV. Thực hiện nhà trường thân thiện - HS thân thiện*"

Đối với chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước: Quan tâm đến việc làm của SV vì SV ra trường khó xin việc hoặc không dạy đúng với chuyên ngành; Có chính sách phù hợp và khuyến khích nghề DH, có chính sách ưu đãi và giúp đỡ nhiều hơn nữa đối với SVSP.

Từ những cơ sở trên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp nhằm giáo dục định hướng giá trị nghề DH cho SV CĐSP.

3.4.2 Một số giải pháp

3.4.2.1 Xây dựng chuẩn giá trị nghề giáo viên nói chung, GVTH nói riêng

Thang giá trị của mỗi cá nhân được hình thành trên cơ sở thang giá trị của xã hội. Thang giá trị biến đổi theo thời gian, theo sự phát triển, biến đổi của xã hội của cộng đồng cũng như của mỗi cá nhân. Thế nên, để định hướng giá trị của mỗi cá nhân được đúng đắn cần xây dựng một hệ thống thang giá trị chuẩn phù hợp với yêu cầu của xã hội. Đây là một hệ thống các giá trị cốt lõi, chiếm vị trí then chốt và mang tính chuẩn mực chung cho nhiều người.

Hiện nay Bộ Giáo Dục và Đào Tạo đã ban hành Chuẩn nghề nghiệp GVTH và xem đó là căn cứ để đánh giá GVTH. Tuy nhiên rất nhiều ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục quan ngại về tính phức tạp và sự khả thi của chuẩn. Qua thực tế triển khai thí điểm ở 10 tỉnh, thành phố thời gian qua, phản ánh của không ít GV ở các địa phương là tương đối khó thực hiện, bởi tương ứng với mỗi lĩnh vực, có quá nhiều yêu cầu, mức độ. Ý kiến khác cho rằng cách tiếp cận của chuẩn nghề nghiệp GVTH thiên về chính trị, cụ thể cho là: "Các yêu cầu như *nhận thức tư tưởng chính trị, chấp hành chính sách pháp luật của nhà nước* không phải là yêu cầu đặc trưng của nhà giáo, mà là yêu cầu chung của bất kì công dân Việt Nam nào. Vì vậy cần thiết có cách tiếp cận hợp lí hơn, trong đó các yêu cầu đạo đức được thực sự đề cao." [45, tr2]

Từ đây trong phạm vi nghiên cứu, chúng tôi đề xuất một số hướng về việc xây dưng một chuẩn GVTH có tính khả thi hơn:

- Trước hết xác định các giá trị cốt lõi của nghề GVTH từ đó xây dựng các chuẩn mực đạo đức cơ bản của nhà giáo. Để xác định được các giá trị cốt lõi cần dựa vào bản chất của quá trình giáo dục và quá trình đào tạo giáo viên. Đó chính là mối quan hệ giữa người dạy và người học, chất lượng từ phía người học.
- Cần soạn thảo "Chuẩn nghề nghiệp" cho giáo viên nói chung, từ mẫu giáo đến đại học
- Tham khảo kỹ lưỡng, lấy ý kiến rộng rãi nhiều ngành, nhiều giới. Cần thiết nên tham khảo cách làm của các nước giáo dục tiên tiến. Nhìn chung nhiều nước trên thế giới đều quan tâm xây dựng các qui địnhvề sư đức.

3.4.2.2 Tạo môi trường học tập rèn luyện cho SV

a) Về điều kiện cơ sở vật chất kĩ thuật của trường

Để tạo điều kiện cho SV học tập rèn luyện nghề DH một cách thoải mái và hiệu quả thì diều trước tiên điều kiện cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, đồ dùng dạy học, tài liệu… phải đáp ứng yêu cầu DH và GD của trường CĐSP. Một số giải pháp cho vấn đề này:

- Nhà trường SP xây dựng các công trình theo cơ cấu qui định theo một hệ thống hài hòa.
- Phòng học phải rộng rãi, thoáng mát, bàn ghế phù hợp, tiện lợi cho việc thay đổi PPDH. Mỗi khoa chuyên ngành cần phải có ít nhất 2 phòng chuyên dụng cho giảng mẫu tập giảng và được trang bị các phương tiện kĩ thuật DH phát huy tính tích cực sáng tạo của SV.
- Các phòng chức năng cần được xây dựng có hệ thống đáp ứng đầy đủ nhu cầu rèn luyện và phát triển cuả SV. Tránh tình trạng vừa xây dựng vừa sử dụng hoặc dùng giảng đường, phòng học để tổ chức hoạt động khác.
- Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống thư viện trường, như: Bổ sung nhiều đầu sách mới, trang bị thêm các công trình nghiên cứu, luận văn; Tạo cho SV có điều kiện tự vào thư viện lựa chọn sách báo; SV có thể mượn về nhà nhiều loại sách hơn nữa; Thời gian mở cửa thư viện không chỉ trong giờ hành chính mà còn ngoài giờ hành chính kể cả thứ bảy và chủ nhật. Đặc biệt thư viện cần phải được nâng cấp thành thư viện điện tử.

c) *Tổ chức nhiều hoạt động, phong trào đa dạng hấp dẫn*

Ngoài các hoạt động thường được khoa và nhà trường tổ chức theo chương trình học của SV như: sinh hoạt chính trị đầu năm học, hội thi nghiệp vụ sư phạm cấp khoa, cấp trường, cuộc thi olympic Mac-Lê, các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các ngày lễ…Nhìn chung tất cả các hoạt động này tạo điều kiện để SV rèn luyện,bổ sung kiến thức cơ bản, hình thành thái độ đúng đắn hơn về các giá trị nghề SP. Tuy nhiên các hoạt động này còn cứng nhắc, chưa được đầu tư thích đáng, mang nặng tính hình thức, bắt buộc nên SV tham gia một cách gượng ép, không có hứng thú. Từ thực trạng này chúng tôi đề xuất một số giải pháp về vấn đề này:

- Mỗi khoa nên thành lập một câu lạc bộ theo chuyên ngành đào tạo.

- Đoàn thanh niên, hội SV của trường có sự phối hợp để tổ chức các hoạt động đa dạng, mới lạ, hấp dẫn hơn như sinh hoạt tập thể, cắm trại xa, hội diễn văn nghệ, làm báo tường, các cuộc thi hái hoa dân chủ, báo tường…

- Nhà trường có các buổi sinh hoạt chính trị với nhiều hình thức khác thu hút hơn như: bảng tin, băng rôn ,biểu ngữ, xuất bản các tạp chí, nội san của trường để giáo dục đạo đức, lý tưởng nghề SP cho SV ngay từ khi bước chân vào trường SP.

3.4.2.3 Hình thành hứng thú, động cơ học tập cho SVSP

Theo tâm lí học dạy học mục đích của toàn bộ quá tình dạy học là tạo ra sự phát triển tâm lí, hình thành NC ở người học. Do đó yếu tố giữ vai trò chính để hình thành hứng thú, động cơ học tập cho SVSP là đội ngũ giảng viên trường SP và vai trò quyết định là bản thân SVSP. Với ý nghĩa này chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau:

Đối với giảng viên:

- Làm rõ ý nghĩa môn học, bài học trong chương trình đào tạo giáo viên.
- Gia tăng tính hấp dẫn của nội dung môn học, bài học, tạo ra hứng thú học tập cho SV
- Tạo mối quan hệ thầy trò tích cực ở trên lớp cũng như ngoài lớp.
- Ứng xử khéo léo các tình huống sư phạm
- Và điều quan trọng hơn hết và cũng là mong muốn của SV đó chính là phẩm chất NC đạo đức của người giảng viên như gương mẫu, công bằng, nhiệt tình giảng dạy, yêu nghề, tinh thần trách nhiệm cao… sẽ là yếu tố hình thành định hướng giá trị nghề DH cho SV hữu hiệu nhất.

Đối với SV:

- Tạo ra một viễn cảnh tương lai cho mình
- Hãy có niềm tin vào chính bản thân của mình vào những điều tốt đẹp
- Thẳng thắn trao đổi với nhà trường, thầy cô, bạn bè nếu gặp khó khăn, trở ngại nào đó mà mình cảm thấy chưa hài lòng trong môi trường học tập, rèn luyện
- Hãy cố gắng hết sức, tự nỗ lực vươn lên

Trên đây là một số giải pháp GD định hướng giá trị nghề DH cho SV hệ CĐTH cũng như SVSP. Tất cả các giải pháp đưa ra đều tập trung làm phát triển NC SVSP để chuẩn bị hình thành NC một người GV sau này.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng định hướng giá trị nghề DH và các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang, tác giả đề tài rút ra một số kết luận sau:

1.1 Về mặt lý luận

Khi nói tới giá trị, thường được hiểu là phẩm chất tốt hay xấu, là cái làm cho vật có ích lợi, đáng quí, là tính ý nghĩa tích cực của khách thể đối với cá nhân, nhóm được phản ánh vào các nguyên tắc, chuẩn mực.

Định hướng giá trị là sự sắp xếp, lựa chọn các giá trị có ý nghĩa cá nhân (hoặc nhóm). Được thể hiện ở thái độ ưa thích, ủng hộ và hành động để hiện thực hóa các giá trị đó.

Định hướng giá trị nghề DH của SVSP tiểu học là xác định hệ thống các giá trị cốt lõi của nghề giáo viên tiểu học, qua đó giúp các em lựa chọn các giá trị đó để hình thành ở họ cảm xúc, thái độ và tính tích cực hoạt động nghề nghiệp để sau này các em trở thành NC của một nhà giáo theo theo mong muốn của xã hội.

1.2 Kết quả nghiên cứu thực tiễn định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang

1.2.1 Về sự lựa chọn tính chất nghề DH

Đa số SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang thừa nhận các tính chất nghề DH được đưa ra là phù hợp với nghề DH.

Các tính chất được các em lựa chọn với mức độ phù hợp cao nhất và xếp theo thứ tự ưu tiên dành cho nghề DH là: *Tính tích cực, tính khoa học, tính sáng tạo*

Song sự lựa chọn và đánh giá các tính chất nghề DH của các em đôi khi còn chưa được tập trung. Đáng lưu ý nhất đối với *tính chính trị* thì SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang cho là chưa thật sự phù hợp với nghề DH.

1.2.2 Khảo sát về định hướng giá trị nghề DH của SV

Hầu hết SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang có nhận thức khá đúng đắn các giá trị của nghề DH. Tất cả 28 giá trị đều được các em cho là quan trọng (Điểm TB>3.5) và 23/28 giá trị có trên 70% SV được khảo sát đánh giá mức quan trọng và khá quan trọng. Đối với 4 nhóm giá trị của nghề DH, số SV được khảo sát đều đánh giá quan trọng. Song nhìn vào TB của mỗi nhóm giá trị, nhóm giá trị xã hội được đánh giá quan trọng nhất. Như vậy SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang trước hết hướng chủ yếu vào các giá trị của nghề DH.

Về phẩm chất NC người GVTH thì gần như cả 21 phẩm chất NC cũng được hầu hết SV (gần như trên 70% SV xếp mức QT và rất QT) đánh giá thật sự cần thiết và quan trọng đối với một GVTH. (chỉ có 2 phẩm chất : *có lý tưởng XHCN; hiểu biết tình hình văn hóa xã hội địa phương* được đánh giá ở mức bình thường). Trong 3 nhóm phẩm chất: *đạo đức, kiến thức, kĩ năng* SV đánh giá cao nhóm phẩm chất đạo đức. Đối với nghề DH, SVSP luôn ưu tiên và đề cao vấn đề đạo đức nhà giáo. Chính vì thế SVSP tiểu học trường CĐSP Kiên Giang vẫn đánh giá cao ý kiến mà XH luôn trân trọng, ưu ái, đề cao dành cho nghề DH, các em luôn khẳng định nghề DH là nghề được đánh giá cao, nghề cao quí, nghề thanh cao trong sáng….

Bên cạnh sự nhận thức khá đúng đắn giá trị của nghề DH nói chung, nghề GVTH nói riêng, thì hầu như SVSP trường CĐSP Kiên Giang có thái độ yêu thích nghề DH (trên 85% SV được hỏi đều thích nghề DH). Thể hiện cụ thể qua các biểu hiện về mặt niềm tin, tình cảm, hứng thú với nghề DH. Các em có một niềm tin mạnh mẽ vào nghề DH (Điểm TB của nhóm niềm tin: 4.30), có một tình cảm khá mãnh liệt với nghề (TB: 4.03) và cũng thật sự hứng thú với nghề (TB:3.86). Hơn nữa hầu như SV rất yên tâm với sự lựa chọn nghề SP của mình (trên 75% SV không chọn nghề khác cho dù có cơ hội).

Việc học tập và rèn luyện nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang chưa thật sự tích cực. Các hoạt động có tính bắt buộc, gắn liền với việc học tập hàng ngày trên lớp thì SV thực hiện thường xuyên hơn các hoạt động có tính tự giác. Các hoạt động bồi dưỡng kiến thức và trau dồi phẩm chất đạo đức có sự biến đổi tích cực và được SV thực hiện thường xuyên hơn các hoạt động nghiêng về rèn luyện kĩ năng và nghiệp vụ SP.

Mức độ nhận thức, thái độ và biểu hiện hành động trong định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang chưa có sự thống nhất cao. Hầu hết SV nhận thức đúng đắn giá trị nghề DH có thái độ tích cực với nghề DH và cũng đã được biểu hiện ra bằng các hành vi có tính bắt buộc. Tuy nhiên mức độ biểu hiện ở mặt hành vi học tập và rèn luyện thấp hơn so với biểu hiện về mặt nhận thức và thái độ.

Không có sự khác nhau nhiều giữa nam và nữ về định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang. (chỉ có sự khác nhau về mặt nhận thức). So sánh theo năm học không có sự khác nhau về định hướng giá trị nghề DH giữa năm I và năm III.

1.2.3 Yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề DH của SV, song mức độ ảnh hưởng của mỗi yếu tố là khác nhau. Trong đó phần lớn là các yếu tố thuộc về sở thích, nguyện vọng, năng lực của chính bản thân SV. Và nhóm yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang là nhóm yếu tố bên trong (ĐiểmTB nhóm yếu tố bên

trong: 4.05; Bên ngoài:3.52). Như vậy quá trình định hướng giá trị nghề DH cho SV nhìn chung do chính bản thân SV lựa chọn theo sở thích, nguyện vọng, phù hợp với đặc điểm tâm lý, NC của SV. Còn nhóm yếu tố bên ngoài tuy có ảnh hưởng nhưng ảnh hưởng không đáng kể đến định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang.

Không có sự khác nhau giữa nam và nữ, giữa năm I và năm III đối với các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang.

1.2.4 Về việc đề xuất các giải pháp giáo dục định hướng giá trị nghề DH

Các giải pháp được đề ra phù hợp với thực trạng định hướng giá trị nghề DH của SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang trong thời điểm hiện nay. Các giải pháp cơ bản và trọng tâm nhất vẫn là tập trung vào phía người học và vai trò của nhà trường SP. Cụ thể bao gồm :

- Xây dựng chuẩn giá trị nghề GV nói chung, GVTH nói riêng
- Tạo một môi trường học tập rèn luyện thật thoải mái, đầy đủ điều kiện trang thiết bị cần thiết đáp ứng nhu cầu của SV.
- Hình thành hứng thú, động cơ học tập ở SV.
- Tổ chức các hoạt động giáo dục thật đa dạng, phong phú, hấp dẫn

2. KIẾN NGHỊ

Từ những kết luận kiến nghị đã phân tích ở trên, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị nhằm tạo cơ sở để thực hiện các giải pháp GD định hướng giá trị nghề DH cho SV hệ CĐTH trường CĐSP Kiên Giang:

Thứ nhất: Nhà nước và các cơ quan chức năng trước hết cần làm tốt hơn nữa công tác hướng nghiệp để thế hệ trẻ có định hướng giá trị nghề DH thật đúng đắn để có thể lựa chọn ngành nghề một cách phù hợp về sở thích nguyện vọng với tình hình thực tế của nhà trường SP cũng như tình hình XH hiện tại. Cần xây dựng chuẩn nghề giáo viên nói chung rồi cụ thể hóa cho lĩnh vực GDTH. Chuẩn này phải mang tính khả thi, có tầm chiến lược và "thước đo" của chuẩn phải thực sự chuẩn. Và điều quan trọng hơn hết là trách nhiệm của nhà nước đảm bảo điều kiện làm việc, tiền lương, đời sống của giáo viên để họ yên tâm hoàn thành trách nhiệm của một nhà giáo.

Thứ hai: Người GV phải được đào tạo theo quan điểm nhân văn, vừa là người dạy, vừa là người giáo dục. Do vậy nhà trường SP phải tăng cường đào tạo mặt nghiệp vụ SP vừa đào tạo bồi dưỡng kiến thức cũng như đạo đức nghề nghiệp. Bên cạnh đó đội ngũ giảng viên của trường SP phải thực sự là một tấm gương đạo đức nghề nghiệp, không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Thứ ba: Nhà trường cần xác định cụ thể mục tiêu đào tạo, nhất là mục tiêu về đạo đức nghề nghiệp làm cơ sở để xây dựng nội dung và đánh giá "đầu ra – sản phẩm" của trường SP đáp ứng yêu nhu cầu giáo viên trong giai đoạn hiện đại. Đổi mới chương trình, nội dung sao cho đảm bảo cân đối giữa lý thuyết và thực hành, giữa lý luận và thực tiễn nghề nghiệp.

Thứ tư*:* Các tổ chức đoàn thể trong trường SP cần tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt tập thể thật sự sinh động, phong phú, hấp dẫn có tác dụng giáo dục đạo đức và giáo dục nghề SP cho SV. Tạo mọi điều kiện tốt nhất để tất cả SV tham gia đầy đủ và hứng thú với các hoạt động của trường.

Thứ năm*:* Mỗi SV cần tự nỗ lực, phấn đấu hơn nữa trong học tập và rèn luyện nghề của bản thân, đồng thời phải có những kiến thức văn hóa xã hội, tình hình quốc tế, khu vực, các xu thế phát triển của thời đại.

Cuối cùng chúng tôi mong muốn có những nghiên cứu tiếp theo về vấn đề định hướng giá trị nghề DH nói chung của SVSP ở các ngành khác trên phạm vi rộng hơn để làm rõ thang giá trị và định hướng giá trị nghề GV không chỉ đối với SVSP mà còn đối với đội ngũ GV trong điều kiện cụ thể của Việt nam. Từ đó có những tác động thực nghiệm nhằm xác nhận tính khả thi, tính hiệu quả của các giải pháp góp phần định hướng giá trị nghề DH được tốt hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn An (1991), *Những vấn đề cơ sở của giáo dục học,* Trường ĐHSP Tp HCM, lưu hành nội bộ
2. Hoàng Anh (2007), *Thực trạng định hướng giá trị đạo đức của sinh viên sư phạm Tp HCM,* luận văn thạc sĩ TLH
3. A.Nannhep. B.G (1992), *Nghiên cứu giáo dục* (12)
4. Nguyễn Văn Bắc (2006), "Nhận thức của sinh viên sư phạm về các giá trị truyền thống trong học tập"*, Tạp chí tâm lý học* (3)
5. Bùi Thị Bích (2007), *Định hướng giá trị lối sống sinh viên ở một số trường đại học tại Tp HCM,* Luận văn thạc sĩ TLH
6. Nguyễn Ngọc Bích (1998), *Tâm lý học nhân cách*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Trần Thị Chanh (2003), *Định hướng giá trị nghề dạy học của sinh viên trường CĐSP Hà Nam,* Trường ĐHSP Hà Nội.
8. Nguyễn Hữu Châu (2007), *Giáo dục Việt nam những năm đầu thể kỉ 21,* Nxb Giáo dục, tr.55-62
9. Dương Tự Đạm (1996), *Định hướng giá trị của thanh niên sinh viên trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam,* Luận án PTS Khoa học Triết học, Hà nội
10. Nghiêm Thị Đương (2005), "Những yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn nghề của sinh viên các trường cao đẳng sư phạm mẫu giáo"*, Tạp chí tâm lý học* (10)
11. Trần Văn Giàu (1993), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam,* Nxb Tp HCM
12. Phạm Mạnh Hà (2002),"Khái niệm năng lực nghề nghiệp"*, Tạp chí tâm lý học* (6)
13. Nguyễn Thị Bích Hạnh, Trần Thị Thu Mai (2008), *Tâm lí học tiểu học và tâm lí sư phạm tiểu học,* Nxb Giáo dục Việt nam
14. Phạm Minh Hạc (1996), *Phát triển giáo dục, phát triển con người phục vụ phát triển xã hội kinh tế,* Nxb khoa học xã hội.
15. Trần Hiệp (Chủ biên) (1996), *Tâm lí học xã hội những vấn đề lý luận,* Nxb Khoa học xã hội, Hà nội
16. Nguyễn Thị Hoa (2006), "Giá trị nghề nghiệp đối với cán bộ nghiên cứu khoa học"*, Tạp chí tâm lí học* (3)
17. Hồ Lam Hồng (2008), *Giáo trình Nghề giáo viên mầm non*, Nxb Giáo dục.
18. Lê Văn Hồng (1996), *Tâm lý học sư phạm,* Nxb Giáo dục
19. Phạm Thị Hương (2002), "Suy nghĩ, thái độ và hành động của sinh viên trường CĐSP Đồng Nai đối với nghề dạy học"*, Tạp chí tâm lý học* (4)

20. Nguyễn Thị Khoa (1996), *Định hướng giá trị chất lượng cuộc sống gia đình của nữ trí thức hiện nay,* Luận án PTS TLH, Viện nghiên cứu KHGD, Hà nội
21. Trần Ngọc Khuê (1998), *Xu hướng biến đổi tâm lí xã hội trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội (tr.74)
22. *Luật giáo dục năm 2005 và qui định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục,* (2005), Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội
23. Phạm Lăng (1997), *Giáo dục giá trị nhân văn ở trường THCS,* Nxb Giáo dục
24. Nguyễn Thị Mai Lan (2008), "Nhận thức của học sinh THPT về định hướng giá trị nhân cách", *Tạp chí tâm lí học* (9)
25. Nguyễn Thị Mai Lan (2008), "Định hướng giá trị nhân cách của học sinh THPT thể hiện trong hoạt động học tập"*, Tạp chí tâm lý học* (11)
26. Nguyễn Văn Lê (1978), *Giáo dục thái độ nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trong quá trình đào tạo giáo viên,* Luận án tiến sĩ, Hà Nội
27. Nguyễn Văn Lê (1998), *Nghề thầy giáo,* Nxb Giáo dục
28. Đặng Vũ Cảnh Linh (2008), "Một số chỉ báo về định hướng giá trị của sinh viên các trường đại học hiện nay", *Tạp chí tâm lí học* (1)
29. Vũ Thị Nho (1999), *Tâm lí học phát triển,* Nxb Đại học quốc gia Hà nội
30. Đào Thị Oanh (2005), "Nghiên cứu định hướng giá trị của học sinh trung học trong giai đoạn hiện nay"*, Tạp chí tâm lí học* (8)
31. Đào Thị Oanh (2003), "Xác định mức độ tác động định hướng của một số giá trị đối với hoạt động học tập ở học sinh THPT"*, Tạp chí tâm lý học* (10)
32. Đào Thị Oanh (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Đặng Xuân Hoài, Lê Đức Phúc, Trần Trọng Thủy, Nguyễn Huy Tú (2007), *Vấn đề nhân cách trong tâm lý học ngày nay,* Nxb Giáo dục
33. Hoàng Phê (2004), *Từ điển tiếng việt,* Nxb Đà Nẵng
34. Hoàng Phê (chủ biên) (1994), *Từ điển Tiếng việt,* Nxb Khoa học xã hội
35. Lê Đức Phúc (1992), "Giá trị và định hướng giá trị"*, Nghiên cứu giáo dục* (12)
36. Đào Hiền Phương (1991), "Định hướng giá trị - một việc cần thiết"*, Nghiên cứu giáo dục* (2) tr.23
37. Nguyễn Thơ Sinh (2008), *Các học thuyết tâm lý nhân cách,* Nxb Lao động
38. Huỳnh Sơn (2002), "Lối sống và sự lựa chọn các giá trị đạo đức trong lối sống của thanh niên", *Tạp chí tâm lý học* (2)
39. Huỳnh Văn Sơn (2007), *Thực trạng lựa chọn các giá trị đạo đức nhân văn trong lối sống của sinh viên Tp HCM hiện nay,* Đề tài cấp bộ B2007.19.27

40. Trần Quốc Thành (2002), "Định hướng giá trị nghề nghiệp của học sinh lớp 12 THPT một số tỉnh miền núi phía bắc", *Tạp chí tâm lí học* (8)
41. Hà Nhật Thăng (1998), *Giáo dục hệ thống giá trị đạo đức nhân văn,* Nxb Giáo dục tr.19
42. Hà Nhật Thăng (2007), *Giáo trình đạo đức và giáo dục đạo đức,* Nxb Đại học sư phạm
43. Trịnh Thị Thuận (1995), *Tìm hiểu một số biểu hiện về định hướng giá trị nghề dạy học cả SV trường ĐHSP Việt Bắc,* Tiểu luận khoa học 5.07.03, Hà nội
44. Trần Trọng Thủy (1993), "Giá trị, định hướng giá trị và nhân cách", *Nghiên cứu giáo dục*, (7), tr.11
45. Phạm Đỗ Nhật Tiến (2008), "Đạo đức nhà giáo và vấn đề thể chế hóa", *Khoa học giáo dục*, (30)
46. Dương Thiệu Tống (2005), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và tâm lý,* Nxb Khoa học xã hội
47. Dương Thiệu Tống (2005), *Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục,* Nxb Khoa học xã hội
48. Mạc Văn Trang (2000), "Thử đề xuất một số quan niệm về nhân cách trong cơ chế thị trường", *Tạp chí TLH* (4)
49. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS,* Nxb Thống kê
50. Nguyễn Huy Tuyên (2006), *Định hướng giá trị nghề dạy học của sinh viên trường CĐSP Quảng Trị,* Luận văn thạc sĩ TLH, Hà nội
51. Thái Duy Tuyên (1998), *Những vấn đề cơ bản giáo dục học hiện đại,* Nxb Giáo dục
52. Thái Duy Tuyên (1995), *Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam,* Chương trình KHCN đề tài KX-07-10, Hà nội
53. Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Thạc, Mạc Văn Trang (1995), *Giá trị -Định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị,* đề tài khoa học cấp Nhà nước KX-07-04, Hà Nội.

Phụ lục 01

PHIẾU PHỎNG VẤN

Các bạn SV thân mến để biết được định hướng giá trị nghề DH của SV hiện nay. Trên cơ sở đó giúp các bạn học tốt hơn. Các em vui lòng trả lời một số câu hỏi sau:

1. Bạn hiểu gì về nghề dạy học?
2. Bạn có thể phát biểu một vài cảm tưởng và suy nghĩ của bạn về nghề DH.
3. Bạn có thể cho biết những công việc cụ thể mà bạn đang làm để chuẩn bị cho việc DH trong tương lai?
4. Theo bạn những phẩm chất, năng lực nào cần có ở người GV?
5. Nghề DH hiện nay có còn nguyên giá trị của nó không? Tại sao?
6. Xã hội ngày nay có còn đề cao vai trò của các thầy cô giáo không? Tại sao?
7. Lý do em thi vào sư phạm là gì?

Xin chân thành cảm ơn các em!

Phụ lục 02

PHIẾU XIN Ý KIẾN

Các em SV thân mến!

Chúng tôi đang thực hiện đề tài nghiên cứu về Định hướng giá trị nghề DH của SVSP, các em vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề được đề cập dưới đây.

Em đọc kỹ khái niệm sau về giá trị: "***Giá trị là những cái cần, cái có ích, có ý nghĩa đối với cá nhân, tập thể và xã hội, phản ánh mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể, được đánh giá và có thể bị thay đổi theo những điều kiện xã hội - lịch sử cụ thể. Yếu tố giá trị gắn liền với nhân cách con người.''***

Với cách hiểu về giá trị như trên theo em nghề DH hiện nay có những giá trị gì?

1/ ……. 6/ …….
2/ ……. 7/ ……..
3/ ……. 8/ ……
4/ ……. 9/ ……..
5/ ……. 10/ ……

1. Em có suy nghĩ gì về các giá trị nghề DH hiện nay ?

……
……
……

2. Những giá trị cốt lõi tạo nên sự cao qúy và tôn vinh của nghề DH là gì?

……
……
……

3. Theo em, ngoài những yêu cầu về phẩm chất của người GV như : ***thế giới quan***, ***lí tưởng nghề dạy học, lòng yêu trẻ, lòng yêu nghề***, thì người GV còn cần thêm những phẩm chất nào khác để theo kịp **xã hội hiện đại**?

……
……
……

4. Theo em, **những yếu tố nào ảnh hưởng** đến việc lựa chọn các giá trị nghề DH của SV (yếu tố từ phía bản thân mỗi SV như :trình độ nhận thức, sở thích, đặc điểm tâm lý… đến yếu tố bên ngoài: hoàn cảnh gia đình, sự gương mẫu của thầy cô, truyền thống gia đình, sự định hướng của nhà trường, tác động của bạn bè, kinh tế- chính trị - xã hội …)? Em hãy kể cụ thể theo thứ tự ưu tiên.

……
……
……

Xin chân thành cảm ơn ý kiến của các em !

Phụ lục 03

PHIẾU XIN Ý KIẾN

Kính thưa quý Thầy/Cô!

Với mục đích nghiên cứu định hướng giá trị nghề DH của SV trường CĐSP Kiên Giang, ngay từ đầu chúng tôi đã ý thức về vai trò của Quý Thầy/Cô. Do đó, rất mong nhận được ý kiến của quý Thầy/Cô về vấn đề này.

1. Xin quý Thầy/cô cho biết **nghề DH hiện nay có những giá trị gì**?

……
……
……

2. Theo quí thầy/cô những giá **trị của nghề GVTH** có khác với giá trị nghề các bậc học khác không? Tại Sao?

……
……
……

3. Thầy/ cô cho biết những **phẩm chất và năng lực cần có ở người GV** :

……
……
……

4. Theo quí thầy/cô những **yếu tố nào ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề DH** của SV?.....

……
……

5. Để SV có định hướng giá trị nghề DH thật đúng đắn **nhà trường SP nên có những giải pháp** gì?.....

……
……

Xin trân trọng cảm ơn sự đóng góp của quý Thầy/Cô!

Phụ lục 04

PHIẾU ĐIỀU TRA

Các em SV thân mến!

Để có những cơ sở thiết thực cho đề tài **"Định hướng giá trị nghề DH của SV trường CĐSP Kiên Giang**", từ đó có những đề xuất nhằm giúp các em học tập tốt, người nghiên cứu mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các em.

Các em đọc kỹ các câu hỏi dưới đây và trả lời đầy đủ chính xác theo từng câu.

Đôi điều về bản thân:

Giới tính: ☐ 1. Nam ☐ 2. Nữ

Là sinh viên năm thứ: ☐ Năm 1 ☐ Năm 2 ☐ Năm 3

Hộ khẩu thường trú : ☐ 1.Thị xã (TP) ☐ 2.Thị trấn ☐ 3.Nông thôn:

Nghề nghiệp chính của gia đình em là:

☐ 1. Làm ruộng ☐ 2. Buôn bán ☐ 3. Cán bộ công nhân viên.

Nghề khác (Xin ghi cụ thể)……

Câu 1: Hiện nay em có **thích nghề DH** không? (Em hãy đánh dấu **X** vào một ô phù hợp nhất).

☐ 1. Rất thích ☐ 2. Thích ☐ 3. Bình thường

☐ 4. Không thích ☐ 5.Hoàn toàn không thích.

Câu 2: Bảng dưới đây là một số tính chất nghề DH, **em hãy lựa chọn các tính chất mà em nhận thấy phù hợp với suy nghĩ của em** bằng cách đánh dấu **X** vào **1** trong **5** cột bên cạnh.

Stt	Nghề DH là nghề có:	Mức độ				
		Rất phù hợp	Phù hợp	Ít phù hợp	Không phù hợp	Hoàn toàn không phù hợp
1	Tính chính trị					
2	Tính khoa học					
3	Tính tích cực					
4	Tính sáng tạo					
5	Tính lao động trí óc					
6	Tính hiện đại					
7	Tính nhân văn					
8	Tính dân tộc					
9	Tính toàn diện					
10	Tính phổ thông					
11	Tính phát triển					
12	Tính nghệ thuật					

Câu 3: Trong các tính chất của nghề DH trong bảng trên, em hãy chọn **1 đến 3 tính chất nghề DH mà em đồng ý nhất.** Hãy xếp hạng từ 1 đến 3.

……..
……..
…….

<u>Câu 4:</u> Em đọc kỹ các giá trị nghề DH dưới đây và cho biết ý kiến về **mức độ quan trọng của mỗi giá trị đối với mình.** Đánh dấu **X** vào 1 trong 5 cột cùng hàng.

Stt	Các giá trị nghề dạy học	Mức độ quan trọng (QT)				
		Rất QT	QT	Bình thường	không QT	Hoàn toàn không
1	Nghề góp phần xây dựng quê hương, đất nước					
2	Đào tạo những công dân có ích cho XH					
3	Nghề tái sản xuất mở rộng sức lao động XH					
4	Giáo dục HS lòng tự hào dân tộc, yêu nước					
5	Nghề phát triển kinh tế, văn hóa, XH					
6	Góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài					
7	Nghề giúp tự hoàn thiện bản thân					
8	Nghề xây dựng một XH nhân văn sâu sắc					
9	Giúp HS sống công bằng, bình đẳng, tự trọng					
10	Hình thành HS t.thần tôn sư trọng đạo, lễ nghĩa					
11	Giúp HS tôn trọng NC người khác					
12	Nghề giúp sống khoan dung, vị tha, nhân ái					
13	Phát huy ở HS tính cần cù chịu khó, ham học, tinh thần đoàn kết.					
14	Nghề hình thành những NC cao đẹp					
15	Hình thành ở HS những cơ sở ban đầu về đạo đức, trí tuệ, thẩm mĩ					
16	Hình thành HS NC con người việt nam, XHCN					
17	Giúp HS phát triển toàn diện về NC					
18	Giúp HS có hiểu biết đơn giản, cần thiết về tự nhiên, XH, con người					
19	Dạy HS KN cơ bản nghe nói, đọc viết, tính toán					
20	Nghề giúp chúng ta có tính kiên nhẫn					
21	Nghề giúp chúng ta có kiến thức, kĩ năng cơ bản để chăm lo gia đình					
22	Hình thành cho HS tính năng động, sáng tạo, nhạy bén					
23	Hình thành HS tinh thần trách nhiệm cá nhân					
24	Hình thành ở HS tinh thần cạnh tranh, dám nghĩ dám làm					
25	Giúp HS có niềm tin vào cuộc sống, vào lẽ phải					
26	Nghề giúp thế hệ trẻ tìm tòi, phát hiện chân lý					

27	GD cho HS ý thức vươn lên, biết vượt khó					
28	Giáo dục HS có ước mơ, hoài bão.					

Câu 5: Dưới đây là những **yêu cầu về phẩm chất** NC của người GV. Em hãy cho biết **ý kiến của mình về tầm quan trọng** của mỗi phẩm chất. Bằng cách đánh dấu **X** vào 1 trong 5 cột cùng hàng.

Stt	Các yêu cầu về phẩm chất nhân cách:	Mức độ quan trọng (QT)				
		Rất QT	QT	Bình thường	không QT	Hoàn toàn không
1	Có lý tưởng XHCN					
2	Có tinh thần yêu nước					
3	Có trách nhiệm công dân, nghề nghiệp					
4	Lòng yêu yêu trẻ - yêu nghề					
5	Ý thức phấn đấu vươn lên trong sự nghiệp					
6	Năng động và sáng tạo					
7	Nhạy bén và linh hoạt					
8	Trình độ chuyên môn vững vàng					
9	Hiểu biết sâu rộng					
10	Hiểu rõ tâm lý HS, tâm lý lứa tuổi và tâm lý SP					
11	Có kiến thức GD, vận dụng hiệu quả PPGD					
12	Có kiến thức về kiểm tra đánh giá kết quả học tập rèn luyện của HS					
13	Thành thạo vi tính, giỏi ngoại ngữ					
14	Hiểu biết tình hình KT-VH XH địa phương					
15	Kỹ năng lập kế hoạch GD và DH					
16	Kỹ năng tổ chức và thực hiện các HĐDH					
17	Kỹ năng làm công tác chủ nhiệm					
18	Kỹ năng tổ chức HĐGD ngoài giờ lên lớp					
19	Kỹ năng ứng xử và giao tiếp sư phạm					
20	Kỹ năng xây dụng bảo quản đồ dùng DH					
21	Kỹ năng quản lý HS					

Câu 6 :Dưới đây **ý kiến đánh giá của XH đối với nghề DH**. Em hãy cho biết **nhận xét của mình** về những ý kiến đó. Hãy đánh dấu **X** vào 1 trong 5 cột cùng hàng.

STT	Nghề DH là nghề:	Mức độ				
		Rất đúng	Đúng	Phân vân	không đúng	Hoàn toàn không đúng
1	Nghề được đánh giá cao					
2	Nghề bạc bẽo					
3	Nghề được nhà nước quan tâm					

4	Nghề chưa được nhà nước quan tâm nhiều					
5	Nghề thanh cao trong sáng					
6	Nghề có xu hướng bị thương mại hóa					
7	Nghề cao quí					
8	Nghề bình thường như mọi nghề khác					
9	Nghề lao động khoa học sáng tạo					
10	Nghề lao động đơn điệu, nhàm chán					
11	Nghề lao động trí óc căng thẳng					
12	Nghề có nhiều thời gian rỗi					
13	Nghề có khối lượn, thời gian làm việc nhiều					
14	Nghề làm việc tự do, không phụ thuộc					
15	Nghề đòi hỏi sự nghiêm túc, nguyên tắc cao					
16	Nghề không sợ bị có những sản phẩm xấu ảnh hưởng đến việc hành nghề					

Câu 7: Em hãy cho biết **thái độ của mình đối với nghề DH.** Bằng cách đánh dấu **X** vào 1 trong 5 cột cùng hàng mà đúng với em.

Stt	**Thái độ đối với nghề dạy học**	**Mức độ**				
		Rất đúng	Đúng	Phân vân	không đúng	Hoàn toàn không đúng
1	Em thường quan tâm đến các vấn đề về DH					
2	Em rất vui sướng khi tiếp xúc với trẻ					
3	Em rất hài lòng với nghề mình đang học					
4	Em rất thích và thường xuyên tìm hiểu PPDH					
5	Với em được dạy dỗ trẻ là một niềm vinh dự					
6	Nghề DH sẽ đem lại niềm vui cho em					
7	Với em các môn học trong chương trình luôn có sự lôi cuốn mạnh mẽ					
8	Em rất bức xúc trước các vấn nạn học đường					
9	Dù khó khăn đi đến cùng con đường đã chọn					
10	Các mô nghiệp vụ luôn được quan tâm chú ý					
11	Với em mỗi HS là một người bạn, người em					
12	Đối với em DH mãi là một nghề cao quí					

Câu 8: Nếu có điều kiện **chọn lại nghề khác**, em sẽ: (đánh dấu **X** vào **1** ô phù hợp)

☐ Chọn lại nghề khác

☐ Phân vân

☐ không chọn lại

Câu 9: Trong quá trình học tập, em đã thực hiện ***những hoạt động*** sau ở mức độ như thế nào? (Đánh dấu **X** vào 1 trong 5 cột cùng hàng phù hợp với em)

Số TT	Các hoạt động	Mức độ thường xuyên (TX)				
		Rất TX	TX	Đôi khi	Không TX	Chưa bao giờ
1	Tập trung nghe giảng					
2	Tham gia tích cực giờ học nhóm trên lớp					
3	Soạn bài, làm bài đầy đủ theo yêu cầu và tham gia hiệu quả giờ thực hành ở lớp.					
4	Tranh luận, nêu thắc mắc, xây dựng bài					
5	Ghi chép bài đầy đủ					
6	Hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập, rèn luyện					
7	Tham gia các hoạt động học tập, VN-TT, các câu lạc bộ… do lớp, khoa, nhà trường tổ chức					
8	Tự nỗ lực tìm phương pháp học tập phù hợp					
9	Tự giác học thêm các môn học ngoài chương trình như vi tính, ngoại ngữ, năng khiếu…					
10	Trao đổi với GV, bạn bè, người thân những vướng mắc trong học tập và cuộc sống					
11	Tham gia hoạt động dạy thêm tại nhà, hoặc dạy thêm tình nguyện					
12	Ngoài bạn bè, tự học hỏi thêm ở các thầy cô					
13	Tự trau dồi P.C đạo đức, tác phong người GV.					
14	Đọc thêm tài liệu, sách báo, internet…phục vụ học tập					

Câu 10 : Những yếu tố sau ảnh hưởng tới suy nghĩ của em về giá trị nghề DH như thế nào? Hãy đánh dấu **X** vào 1 trong 5 cột cùng hàng mà phù hợp với em nhất.

Stt	Yếu tố ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng				
		Rất nhiều	Nhiều	BT	Không ảnh hưởng	Hoàn toàn không
1	Phù hợp với điều kiện và khả năng					
2	Sau này có đủ khả năng làm tốt công việc DH					
3	Để mọi người thừa nhận tôn trọng					
4	Vì yêu thích nghề DH					
5	Nhu cầu có việc làm					
6	Mong muốn đem hiểu biết truyền đạt cho trẻ					
7	Nhận thức được các yêu cầu về NC người GV					

8	Không phù hợp với nguyện vọng					
9	Muốn được gần gũi tiếp xúc với trẻ					
10	Tương lai ra trường lo không có việc làm					
11	Gia đình luôn tạo điều kiện để được đi học					
12	Những lời dạy bảo nhắc nhở từ gia đình					
13	Ảnh hưởng lối sống của cha mẹ từ nhỏ					
14	Tấm gương nhiệt tình, tận tụy với HS của thầy cô					
15	Có bầu không khí tích cực học tập trong SV					
16	Nội dung GD nghề của trường luôn đổi mới					
17	Sự không gương mẫu,thiếu đạo đức ở một số GV					
18	Nhà trường không có nhiều HĐ đa dạng, hấp dẫn					
19	Điều kiện cơ sở VC-KT, thư viện… trường chưa đáp ứng đủ nhu cầu nghiên cứu của SV					
20	Thu nhập ổn định và sự ít di chuyển của nghề					
21	Đời sống của GV còn nhiều khó khăn					
22	Nghề này nghèo, một số người xem thường					
23	Chế độ chính sách với ngành chưa phù hợp					
24	Trẻ em bỏ học nhiều					
25	Nghành GD có quá nhiều hạn chế, bất cập					
26	Yếu tố khác (ghi cụ thể)……...					

<u>Câu 11</u>: Để SVSP có **những định hướng giá trị nghề DH phù hợp hơn**, em có những kiến nghị gì?

1.Với nhà trường.....
.....……
……

2. Với giáo viên……
……
……

3. Các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với nghề DH:…….
……
……
……

Xin chân thành cảm ơn sự cộng tác của em !

Phụ lục 05: Bảng

Bảng 1: Những tính chất nghề DH xếp theo thứ tự ưu tiên về mức độ phù hợp.

Ưu tiên 1			Ưu tiên 2			Ưu tiên 3		
Tính chất nghề DH	**F**	**%**	**Tính chất nghề DH**	**F**	**%**	**Tính chất nghề DH**	**F**	**%**
Tính khoa học	98	31.7	Tính tích cực	72	23.2	Tính sáng tạo	64	20.6
Tính tích cực	84	27.1	Tính sáng tạo	71	22.9	Tính phổ thông	44	14.2
Tính sáng tạo	51	16.5	Tính khoa học	41	13.1	Tính nhân văn	30	9.7
Tính lao động trí óc	30	9.7	Tính lao động trí óc	35	11.2	Tính toàn diện	28	9.0
Tính toàn diện	16	5.2	Tính phát triển	26	8.4	Tính tích cực	27	8.7
Tính phát triển	14	4.5	Tính phổ thông	16	5.2	Tính khoa học	25	8.1
Tính phổ thông	12	3.9	Tính toàn diện	14	4.5	Tính lao động trí óc	22	7.1
Tính nghệ thuật	4	1.3	Tính nhân văn	12	3.9	Tính phát triển	20	6.5
Tính nhân văn	2	0.6	Tính nghệ thuật	9	2.9	Tính dân tộc	19	6.1
Tính hiện đại	2	0.6	Tính dân tộc	8	2.6	Tính nghệ thuật	19	6.1
			Tính chính trị	2	0.6	Tính hiện đại	9	2.9
			Tính hiện đại	2	0.6	Tính chính trị	6	1.9

Bảng 2: Kết quả so sánh mức độ quan trọng các giá trị nghề DH theo giới tính

Các giá trị	**Nam**		**Nữ**		**t**	**P**
	TB	SD	TB	SD		
Nghề xây dựng bảo vệ quê hương đất nước	3.48	.833	3.99	.717	-4.63	0.00
Đào tạo những công dân có ích cho XH	4.74	.464	4.75	.435	-164	0.87
Nghề tái sản xuất mở rộng sức lao động XH	4.11	.724	4.05	.918	0.57	0.57
Giáo dục HS lòng tự hào dân tộc, yêu nước	4.53	.580	4.63	.488	-1.37	0.17
Nghề phát triển kinh tế, XH, văn hóa	4.44	.612	4.33	.689	1.17	0.23
Nghề nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài	4.82	.384	4.76	.451	1.07	0.29
Nghề giúp mỗi người tự hoàn thiện bản thân	3.71	.664	4.74	.614	-4.83	0.00
Nghề xây dựng một XH nhân văn sâu sắc	4.38	.771	4.30	.652	0.76	0.45
Giúp HS sống công bằng, bình đẳng, biết tự trọng	3.73	.801	4.00	.697	-2.54	0.01
Hình thành HS tinh thần tôn sư trọng đạo, biết lễ độ	4.26	.743	4.52	.557	-2.80	0.01
Giúp HS biết tôn trọng phẩm giá, NC	4.03	.746	4.30	.695	-2.62	0.01
Nghề giúp sống khoan dung, vị tha, nhân ái	3.20	.980	3.79	.746	-4.82	0.00

Phát huy ở HS tính cần cù chịu khó, ham học, tinh thần đoàn kết.	4.20	.555	4.52	.574	-4.02	0.00
Nghề hình thành những NC cao đẹp	4.52	.580	4.54	.590	-0.21	0.83
Hình thành ở HS những cơ sở ban đầu về đạo đức, trí tuệ, thẩm mĩ.	4.21	.664	4.44	.620	-2.58	0.01
Hình thành HS NC con người Việt Nam XHCN	2.97	.839	3.69	1.01	-5.54	0.00
Giúp HS phát triển toàn diện về NC	4.19	.604	4.36	.723	-1.79	0.08
Giúp học HS có hiểu biết đơn giản, cần thiết về tự nhiên, XH, con người	4.20	.690	3.96	.736	2.34	0.02
Dạy HS kĩ năng cơ bản nghe,nói,đọc, viết, tính toán	4.32	.703	4.38	.741	-0.60	0.55
Nghề giúp chúng ta có tính kiên nhẫn	3.36	.698	3.76	.704	-3.98	0.00
Nghề giúp chúng ta có kiến thức, kỹ năng cơ bản để chăm lo gia đình	3.14	.730	3.26	.824	-0.94	0.35
Hình thành ở HS sự năng động, sáng tạo, nhạy bén	4.00	.724	3.79	.683	-2.09	0.04
Hình thành người học tinh thần trách nhiệm cá nhân	3.94	.693	4.13	.772	-1.80	0.07
Hình thành cho người học tinh thần cạnh tranh, dám nghĩ dám làm	3.60	.747	3.49	.812	1.03	0.31
Giúp HS có niềm tin vào cuộc sống, chân lý, lẽ phải	4.17	.627	4.32	.686	-1.62	0.11
Nghề giúp thế hệ trẻ tìm tòi, phát hiện chân lý	4.22	.728	4.21	.720	0.07	0.95
GD cho HS thức vươn lên, biết vượt khó.	4.15	.562	4.27	.578	-1.53	0.13
GD thế hệ trẻ có ước mơ, hoài bão	4.49	.621	4.31	.591	-2.08	0.04

Bảng 3: Kết quả so sánh mức độ quan trọng các giá trị nghề DH theo năm học

Các giá trị	**Năm I**		**Năm III**		**t**	**p**
	TB	**SD**	**TB**	**SD**		
Nghề xây dựng bảo vệ quê hương đất nước	3.99	.980	3.79	.620	2.02	0.04
Đào tạo những công dân có ích cho XH	4.66	.580	4.78	.435	-1.88	0.06
Nghề tái sản xuất mở rộng sứclao động XH	3.82	.879	4.18	.752	-3.56	0.00
Giáo dục HS lòng tự hào dân tộc, yêu nước	4.66	.508	4.53	.559	2.00	0.05
Nghề phát triển kinh tế, XH, văn hóa	4.29	.712	4.37	.683	-0.92	0.36
Nghề nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài	4.74	.476	4.81	.414	-1.31	0.19
Nghề giúp mỗi người tự hoàn thiện bản thân	4.05	.711	3.89	.623	1.95	0.05
Nghề xây dựng một XH nhân văn sâu sắc	4.29	.675	4.30	.751	-0.12	0.90

Giúp HS sống công bằng, bình đẳng, tự trọng	4.03	.706	3.76	.776	2.99	0.03
Hình thành HS tinh thần tôn sư trọng đạo, lễ độ	4.37	.674	4.41	.655	-0.49	0.63
Giúp HS biết tôn trọng phẩm giá, NC	4.32	.684	4.05	.758	2.95	0.00
Nghề giúp sống khoan dung, vị tha, nhân ái	3.64	1.04	3.55	.768	0.89	0.37
Phát huy ở HS tính cần cù chịu khó, ham học, tinh thần đoàn kết.	4.28	.625	4.36	.583	-1.06	0.29
Nghề hình thành những NC cao đẹp	4.45	.661	4.53	.572	-1.11	0.27
Hình thành ở HS những cơ sở ban đầu về đạo đức, trí tuệ, thẩm mĩ	4.40	.642	4.31	.631	1.14	0.26
Hình thành HS NC con người Việt Nam XHCN	3.74	1.16	3.34	.847	3.24	0.00
Giúp HS phát triển toàn diện NC.	4.15	.663	4.43	.633	-3.49	0.00
Giúp HS có hiểu biết đơn giản, cần thiết về tự nhiên, XH, con người	4.00	.781	4.08	.680	-.925	0.36
Dạy HS KN cơ bản nghe,nói,đọc,viết,tính toán	4.25	.791	4.46	.693	-2.28	0.02
Nghề giúp chúng ta có tính kiên nhẫn	3.64	.909	3.63	.586	.102	0.92
Nghề giúp chúng ta có kiến thức, kỹ năng cơ bản để chăm lo gia đình	3.47	.944	3.06	.669	0.40	0.00
Hình thành HS sự năng động, sáng tạo, nhạy bén	4.12	.707	3.80	.661	.380	0.00
Hình thành người học trách nhiệm cá nhân	4.06	.817	4.02	.650	.427	0.67
Hình thành cho người học tinh thần cạnh tranh, dám nghĩ dám làm	3.78	.770	3.44	.795	3.58	0.00
Giúp HS tin vào cuộc sống, chân lý, lẽ phải	4.22	.652	4.15	.696	0.86	0.39
Nghề giúp thế hệ trẻ tìm tòi, phát hiện chân lý	4.15	.730	4.23	.697	-923	0.36
GD cho HS ý thức vươn lên, biết vượt khó	4.26	.653	4.18	.592	0.94	0.35
GD thế hệ trẻ có ước mơ, hoài bão.	4.47	.600	4.36	.583	1.45	0.15

Bảng 4: Kết quả so sánh theo giới tầm quan trọng về phẩm chất NC người GV

Nội dung yêu cầu về phẩm chất NC	**Nam**		**Nữ**		**t**	**P**
	TB	**SD**	**TB**	**SD**		
Có lý tưởng XHCN	3.06	1.03	3.48	1.01	-2.89	0.00
Có tinh thần yêu nước	4.50	.598	4.55	.555	-0.59	0.56
Có trách nhiệm công dân trách nhiệm nghề nghiệp	4.60	.492	4.57	.517	0.52	0.61
Lòng yêu trẻ - yêu nghề	4.52	.598	4.75	.435	-3.08	0.00
Ý thức phấn đấu vươn lên trong sự nghiệp	4.23	.533	4.35	.517	-1.50	1.14
Năng động và sáng tạo	4.05	.563	4.17	.614	-0.95	0.34
Nhạy bén và linh hoạt	4.04	.597	4.11	.573	-0.76	0.44

Trình độ chuyên môn vững vàng	4.86	.344	4.72	.492	2.41	0.02
Hiểu biết sâu rộng	4.69	.466	4.61	.565	1.12	0.26
Hiểuđặc điểm tâm lý HS,tâm lý lứa tuổi,tâm lý SP	4.76	.429	4.68	.488	1.19	0.23
Có kiến thức GD, vận dụng hiệu quả PPGD	4.20	.592	4.27	.611	-0.84	0.40
Có kiến thức về kiểm tra đánh giá kết quả học tập rèn luyện của HS	4.03	.623	3.96	.696	0.74	0.46
Thạo vi tính, giỏi ngoại ngữ	3.72	.721	3.42	.733	2.87	0.01
Hiểu biết tình hình KT-VH XH địa phương	3.07	.785	2.95	.928	0.99	0.32
Kỹ năng lập kế hoạch GD và DH	4.38	.576	4.24	.626	-1.59	0.11
Kỹ năng tổ chức, thực hiện các HĐDH	4.50	.744	4.16	.607	-3.59	0.00
Kỹ năng làm công tác chủ nhiệm	4.49	.691	4.17	.557	-3.66	0.00
Kỹ năng tổ chức các HĐGD ngoài giờ	3.73	.768	3.49	.611	-2.47	0.01
Kỹ năng ứng xử và giao tiếp SP	4.67	.561	4.57	.533	1.31	0.19
Kỹ năng xây dụng bảo quản đồ dùng DH	3.48	.870	3.61	.674	-1.14	0.25
Kỹ năng quản lý HS	4.38	.624	4.32	.580	-0.73	0.47

Bảng 5 : Kết quả so sánh quan niệm của SV năm I và năm III về phẩm chất NC người thầy giáo

Nội dung yêu cầu về phẩm chất nhân cách	**Năm I**		**Năm III**		**t**	**P**
	TB	SD	TB	SD		
Có lý tưởng XHCN	3.67	1.18	3.13	.854	4.19	.000
Có tinh thần yêu nước	4.52	.626	4.48	.637	.491	.624
Có trách nhiệm công dân, trách nhiệm nghề nghiệp	4.60	.536	4.53	.531	1.18	.240
Lòng yêu trẻ - yêu nghề	4.64	.542	4.66	.552	.193	.847
Ý thức phấn đấu vươn lên trong sự nghiệp	4.29	.578	4.28	.558	.172	.864
Năng động và sáng tạo	4.19	.556	4.09	.613	1.30	.195
Nhạy bén và linh hoạt	4.13	.564	3.98	.650	2.05	.042
Trình độ chuyên môn vững vàng	4.81	.410	4.76	.444	.954	.341
Hiểu biết sâu rộng	4.72	.467	4.59	.539	2.13	.034
Hiểu đặc điểm tâm lý HS, tâm lý lứa tuổi, tâm lý SP	4.71	.506	4.74	.440	.596	.552
Có kiến thức về GD, vận dụng hiệu quả PPGD	4.22	.721	4.14	.617	1.05	.295
Có kiến thức về kiểm tra đánh giá kết quả học tập rèn luyện của HS	4.07	.698	3.89	.616	2.26	.025
Thạo vi tính, giỏi ngoại ngữ	3.74	.668	3.40	.720	3.94	.000
Hiểu biết tình hình KTVHXH địa phương	3.24	.891	2.87	.872	3.39	.001
Kỹ năng lập kế hoạch GD và DH	4.25	.650	4.34	.592	1.24	.217
Kỹ năng tổ chức, thực hiện các HĐDH	4.29	.731	4.40	.617	1.40	.161

Kỹ năng làm công tác chủ nhiệm	4.32	.612	4.33	.661	-132	.895
Kỹ năng tổ chức các HĐGD ngoài giờ	3.96	.666	3.46	.671	6.07	.000
Kỹ năng ứng xử và giao tiếp SP	4.56	.558	4.61	.535	.776	.439
Kỹ năng xây dựng bảo quản đồ dùng DH	3.78	.783	3.40	.730	4.03	.000
Kỹ năng quản lý HS	4.39	.616	4.35	.554	.502	.616

Bảng 6: Kết quả so sánh giữa Nam và Nữ về ý kiến đánh giá nghề DH

Ý kiến đánh giá về nghề dạy học	**Nam**		**Nữ**		**t**	**p**
	TB	**SD**	**TB**	**SD**		
Nghề được đánh giá cao	4.55	.630	4.43	.747	1.22	.225
Nghề bạc bẽo	4.28	.842	3.88	1.12	2.88	.004
Nghề được nhà nước quan tâm	4.41	.608	4.23	1.01	1.49	.137
Nghề chưa được nhà nước quan tâm nhiều	3.79	1.05	3.62	1.15	1.13	.260
Nghề thanh cao trong sáng	4.41	.674	4.42	.664	-.178	.859
Nghề đang có xu hướng thương mại hóa	3.16	.875	2.85	1.03	2.28	.023
Nghề cao quí	4.44	.678	4.48	.763	-.423	.673
Nghề bình thường như mọi nghề khác	3.52	.984	3.24	1.11	1.89	.060
Nghề lao động khoa học sáng tạo	3.89	.780	3.91	.802	-.250	.803
Nghề lao động đơn điệu, nhàm chán	4.06	.868	3.97	.853	.750	.454
Nghề lao động trí óc căng thẳng	3.35	.984	3.07	1.12	1.93	.056
Nghề có nhiều thời gian rỗi	3.75	.781	3.89	.923	-1.19	.236
Nghề có khối lượng, thời gian làm việc nhiều	3.09	.895	3.29	1.05	-1.42	.159
Nghề làm việc tự do, không phụ thuộc	3.83	.890	3.69	.936	1.09	.277
Nghề đòi hỏi sự nghiêm túc và nguyên tắc cao	4.30	.651	4.38	.803	-.702	.483
Nghề không sợ bị có những sản phẩm xấu ảnh hưởng đến việc hành nghề	3.56	1.10	3.45	1.20	.680	.497

Bảng 7: Kết quả so sánh giữa năm I và năm III ý kiến đánh giá về nghề DH

Ý kiến đánh giá về nghề DH	**Năm I**		**Năm III**		**t**	**p**
	TB	**SD**	**TB**	**SD**		
Nghề được đánh giá cao	4.57	.726	4.40	.687	2.02	0.04
Nghề bạc bẽo	4.07	1.12	4.07	.896	.008	0.99
Nghề được nhà nước quan tâm	4.36	.967	4.29	.718	.629	0.53
Nghề chưa được nhà nước quan tâm nhiều	3.78	1.22	3.56	1.02	1.56	0.12
Nghề thanh cao trong sáng	4.35	.81	4.42	.632	-.791	0.43
Nghề có xu hướng thương mại hóa	3.09	1.05	2.98	.961	.807	0.42

Nghề cao quí	4.27	.891	4.60	.507	-3.69	0.00
Nghề bình thường như mọi nghề khác	3.58	1.07	3.24	.969	2.67	0.01
Nghề lao động khoa học sáng tạo	3.91	.839	3.89	.730	.300	0.77
Nghề lao động đơn điệu, nhàm chán	4.12	.973	3.88	.804	2.16	0.03
Nghề lao động trí óc căng thẳng	3.19	1.07	3.33	1.03	-1.03	0.30
Nghề có nhiều thời gian rỗi	3.95	.878	3.77	.873	1.61	0.11
Nghề có khối lượng, thời gian làm việc nhiều	3.16	.988	3.34	.943	-1.57	0.12
Nghề làm việc tự do, không phụ thuộc	3.90	.789	3.74	.981	1.44	0.15
Nghề đòi hỏi sự nghiêm túc và nguyên tắc cao	4.28	.800	4.31	.753	-.273	0.79
Nghề không sợ bị có những sản phẩm xấu ảnh hưởng đến việc hành nghề	3.65	1.11	3.51	1.18	.984	0.33

Bảng 8: Kết quả so sánh giữa Nam và Nữ thái độ biểu hiện đối với nghề DH

Thái độ đối với nghề dạy học	**Nam**		**Nữ**		**t**	**p**
	TB	SD	TB	SD		
Em thường quan tâm các vấn đề về DH	4.15	.649	4.02	.824	1.20	0.23
Em rất vui sướng khi tiếp xúc với trẻ	4.03	.760	4.19	.825	-1.43	0.15
Em rất hài lòng với nghề mình đang học	4.07	.771	4.13	.720	-.494	0.62
Em rất thích và thường xuyên tìm hiểu PPDH	4.02	.542	3.89	.667	1.47	0.14
Với em dạy dỗ trẻ là cả một niềm vinh dự	4.07	.714	4.11	.606	-.352	0.73
Nghề DH sẽ đem lại niềm vui cho em	4.02	.767	4.08	.746	-.524	0.60
Với em các môn học trong chương trình luôn có sự lôi cuốn mạnh mẽ	3.52	.767	3.52	.847	.014	0.99
Em rất bức xúc trước các vấn nạn học đường	3.82	.984	3.75	1.01	.516	0.61
Dù khó khăn vẫn đi đến cùng con đường đã chọn	4.43	.677	4.38	.628	.460	0.65
Các môn về nghiệp vụ luôn được quan tâm chú ý	4.04	.597	3.92	.706	1.28	0.20
Với em mỗi HS là một người bạn, người em	4.13	.620	4.24	.549	-1.40	0.16
Với em DH, mãi là một nghề cao quí	4.19	.535	4.64	.538	-.665	0.51

Bảng 9: Kết quả so sánh giữa năm I – năm III biểu hiện thái độ với nghề DH.

Thái độ đối với nghề DH	**Năm I**		**Năm III**		**t**	**p**
	TB	**SD**	**TB**	**SD**		
Em thường quan tâm các vấn đề về DH	3.94	.873	4.18	.579	-2.67	.008
Em rất vui sướng khi được tiếp xúc với trẻ	4.00	.839	4.22	.737	-2.26	.025
Em rất hài lòng với nghề mình đang học	4.06	.788	4.11	.709	-.565	.573
Em rất thích và thường xuyên tìm hiểu PPDH	3.95	.731	3.97	.495	-.506	.613

Với em dạy dỗ trẻ là một niềm vinh dự	4.07	.687	4.09	.684	-.257	.798
DH sẽ đem lại niềm vui cho em	4.05	.711	4.05	.763	-.092	.926
Với em các môn học trong chương trình luôn có sự lôi cuốn mạnh mẽ	3.40	.862	3.57	.823	-1.62	.106
Em rất bức xúc trước các vấn nạn học đường	3.86	1.01	3.86	.934	-.018	.986
Dù khó khăn vẫn đi đến cùng con đường đã chọn	4.41	.692	4.39	.663	.256	.798
Các môn nghiệp vụ luôn được em quan tâm chú ý	4.09	.625	3.88	.691	.254	.012
Với em mỗi HS là một người bạn, người em	4.26	.628	4.17	.610	1.14	.253
Với em DH mãi là một nghề cao quí	4.58	.629	4.63	.531	-.629	.530

Bảng 10: So sánh mức độ học tập rèn luyện nghề DH theo giới tính

Nội dung hành vi học tập, rèn luyện	**Nam**		**Nữ**		**t**	**p**
	TB	**SD**	**TB**	**SD**		
Tập trung nghe giảng	4.75	.774	4.50	.597	.277	.782
Tham gia tích cực giờ học nhóm trên lớp	3.65	.852	3.81	.698	-1.43	.154
Soạn bài, làm bài đầy đủ theo yêu cầu và tham gia hiệu quả giờ thực hành ở lớp.	3.64	.822	3.48	.812	1.34	.183
Tranh luận, nêu thắc mắc xây dựng bài	3.72	.764	3.58	.733	1.34	.182
Ghi chép bài đầy đủ	4.75	.481	4.50	.668	3.05	.003
Hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập, rèn luyện	3.91	.712	4.14	.730	-2.33	.021
Tham gia hoạt động học tập, VN-TT, câu lạc bộ… do lớp, khoa, nhà trường tổ chức	3.63	.897	3.53	.870	.769	.443
Tự nỗ lực tìm phương pháp học tập phù hợp	3.86	.776	3.76	.770	.960	.338
Tự giác học thêm các môn học ngoài chương trình như vi tính, ngoại ngữ, năng khiếu …	2.98	1.14	3.42	1.08	-2.83	.005
Trao đổi với GV, bạn bè, người thân những vướng mắc trong học tập và cuộc sống	3.57	1.09	3.78	.836	-1.49	.139
Tham gia HĐ dạy thêm, dạy thêm tình nguyện	1.84	1.04	2.19	1.20	-2.19	.030
Ngoài bạn bè, tự học hỏi thêm ở thầy cô	3.42	1.11	3.29	1.09	.825	.410
Tự trau dồi các phẩm chất đạo đức, tác phong GV	3.96	.793	4.13	.720	-1.62	.108
Đọc thêm tài liệu, sách báo, internet…phục vụ học tập	3.76	.949	3.60	.819	1.31	.190

Bảng 11 : So sánh mức độ học tập và rèn luyện theo năm học

Nội dung hành vi học tập, rèn luyện	**Năm I**		**Năm III**		**t**	**p**
	TB	**SD**	**TB**	**SD**		

Tập trung nghe giảng	4.29	.652	4.15	.685	1.62	0.11
Tham gia tích cực giờ học nhóm trên lớp	3.78	.822	3.66	.721	1.24	0.22
Soạn bài, làm bài đầy đủ theo yêu cầu và tham gia hiệu quả giờ thực hành ở lớp.	3.64	.789	3.57	.853	1.77	0.08
Tranh luận, nêu thắc mắc, xây dựng bài	3.64	.790	3.58	.667	0.61	0.54
Ghi chép bài đầy đủ	4.69	.512	4.54	.659	2.02	0.04
Hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập, rèn luyện	3.86	.798	4.22	.545	-4.27	0.00
Tham gia hoạt động học tập, VN-TT, câu lạc bộ… do lớp, khoa, nhà trường tổ chức	3.47	.977	3.68	.806	-1.93	0.06
Tự nỗ lực tìm phương pháp học tập phù hợp	3.78	.841	3.82	.718	-0.51	0.61
Tự giác học thêm môn học ngoài chương trình như vi tính, ngoại ngữ, năng khiếu …	2.93	1.08	3.46	1.00	-4.08	0.00
Trao đổi với GV,bạn bè, người thân những vướng mắc trong học tập và cuộc sống	3.55	1.09	3.76	.793	-1.80	0.07
Tham gia HĐ dạy thêm, dạy thêm tình nguyện	1.82	1.06	2.24	1.25	-2.93	0.00
Ngoài bạn bè, tự học hỏi thêm ở thầy cô	3.05	1.25	3.55	1.00	-3.42	0.01
Tự trau dồi P.C đạo đức, tác phong người GV	3.98	.852	4.13	.637	-1.64	0.10
Đọc thêm tài liệu, sách báo, internet…phục vụ học tập	3.71	.922	3.59	.812	1.09	0.28

Bảng 12: So sánh ảnh hưởng của các yếu tố đến định hướng giá trị nghề DH giữa nam-nữ

Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề DH	**Nam**		**Nữ**		**t**	**p**
	TB	**SD**	**TB**	**SD**		
Phù hợp với điều kiện và khả năng	4.16	.799	3.94	.798	1.89	0.06
Sau này có đủ khả năng làm tốt công việc DH	4.25	.598	4.23	.740	.201	0.84
Để mọi người thừa nhận tôn trọng	3.73	1.02	3.67	1.03	.387	0.70
Vì yêu thích nghề DH	4.08	.829	4.06	.822	.219	0.83
Nhu cầu có việc làm	4.41	.776	4.32	.767	.815	0.42
Mong muốn đem hiểu biết truyền đạt cho trẻ	4.39	.655	4.33	.769	.577	0.57
Nhận thức được những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người thầy giáo	4.08	.592	4.17	.675	-1.00	0.32
Không phù hợp với nguyện vọng	2.51	1.11	2.68	1.20	-1.05	0.30
Muốn được gần gũi tiếp xúc với trẻ	3.90	.989	4.12	.969	-1.59	0.11
Tương lai ra trường sợ không có việc làm	3.69	1.13	3.63	1.20	0.38	0.71
Gia đình luôn tạo điều kiện để được đi học	4.28	.736	4.48	.668	-2.01	0.05
Những lời dạy bảo nhắc nhở từ gia đình	4.46	.664	4.47	.668	-136	.089

Ảnh hưởng lối sống của cha mẹ từ nhỏ	3.66	.993	3.76	1.20	-725	0.47
Tấm gương nhiệt tình, tận tụy, hết lòng với HS của các thầy cô	4.34	.559	4.15	.810	1.92	0.06
Có bầu không khí tích cực học trong SV	3.92	.706	3.89	.847	.203	.840
Nội dung GD nghề nghiệp trường luôn đổi mới	3.84	.638	3.77	.766	.744	.458
Sự không gương mẫu, thiếu đạo đức ở một số GV	2.75	1.38	3.02	1.31	-1.42	.159
Nhà trường không có nhiều HĐ đa dạng, hấp dẫn	2.95	1.27	3.21	1.27	-1.47	.143
Điều kiện CSVC-KT,thư viện… chưa đáp ứng đủ nhu cầu nghiên cứu của SV	3.15	1.20	3.33	1.31	-1.02	.310
Thu nhập ổn định và sự ít di chuyển của nghề	3.74	.932	3.88	.910	-1.40	.300
Đời sống sinh hoạt GV còn nhiều khó khăn	3.58	1.12	3.49	1.11	.590	.556
Nghề này nghèo, một số người xem thường	2.75	1.38	2.49	1.26	1.39	.167
Chế độ chính sách với ngành chưa phù hợp	3.18	1.23	3.11	1.23	.409	.683
Trẻ em bỏ học nhiều	3.48	1.06	3.73	1.13	-1.63	.105
Nghành GD có quá nhiều hạn chế, bất cập	3.21	1.21	3.27	1.32	-339	.735

Bảng 3.13: Yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề DH giữa SV năm I – SV năm III.

Nội dung hành vi học tập, rèn luyện	Năm I		Năm III		t	p
	TB	SD	TB	SD		
Phù hợp với điều kiện và khả năng	4.04	.947	3.97	.784	.643	0.52
Sau này có đủ khả năng làm tốt công việc DH	4.24	.726	4.24	.666	.042	0.97
Để mọi người thừa nhận tôn trọng	3.70	1.03	3.77	.965	-.593	0.55
Vì yêu thích nghề DH	3.95	.975	4.14	.782	-1.70	0.09
Nhu cầu có việc làm	4.40	.853	4.34	.642	.636	0.53
Mong muốn đem hiểu biết truyền đạt cho trẻ	4.35	.787	4.37	.670	-.194	0.85
Nhận thức được những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người thầy giáo	4.09	.729	4.13	.613	-.533	0.59
Không phù hợp với nguyện vọng	2.51	1.18	2.66	1.09	-1.08	0.28
Muốn được gần gũi tiếp xúc với trẻ	3.90	1.08	4.12	.851	-1.85	0.07
Tương lai ra trường sợ không có việc làm	3.57	1.25	3.76	1.10	-1.30	0.20
Gia đình luôn tạo điều kiện để được đi học	4.40	.766	4.34	.719	.730	0.47
Những lời dạy bảo nhắc nhở từ gia đình	4.43	.758	4.40	.699	.241	0.81
Ảnh hưởng lối sống của cha mẹ từ nhỏ	3.70	.853	3.72	.922	-.159	0.87
Tấm gương nhiệt tình, tận tụy, với HS của thầy cô	4.26	.766	4.24	.630	.310	0.76
Có bầu không khí tích cực học tập trong SV	3.87	.851	3.90	.700	-.337	0.76
Nội dung GD nghề nghiệp trường luôn đổi mới	3.77	.776	3.78	.660	-.125	0.90
Sự không gương mẫu, thiếu đạo đức ở một số GV	2.86	1.34	2.92	1.35	.705	0.38
Nhà trường không có nhiều HĐ đa dạng, hấp dẫn	2.94	1.29	3.21	1.23	-1.71	0.09
Điều kiện CSVC-KT, thư viện… trường chưa đáp ứng đủ nhu cầu nghiên cứu của SV	3.19	1.29	3.34	1.24	-.955	0.34
Thu nhập ổn định và sự ít di chuyển của nghề	3.85	.961	3.73	.918	1.03	0.31
Đời sống sinh hoạt GV còn nhiều khó khăn	3.50	1.15	3.56	1.11	-0.44	0.66
Nghề này nghèo, một số người xem thường	2.45	1.33	2.73	1.27	-1.75	0.09
Chế độ chính sách với ngành chưa phù hợp	3.07	1.25	3.20	1.19	-.815	0.40
Trẻ em bỏ học nhiều	3.53	1.09	3.68	1.15	-1.09	0.28
Nghành GD có quá nhiều hạn chế, bất cập	3.14	1.24	3.35	1.24	-1.38	0.17